LUỘC KHAO VỀ MỸ - THUẬT VIỆT - NAM

TỪ SÁCH HỌC - THUẬT

QUỐC - HỌC THU' - XẢ

XUẤT - BẢN
Sách này, do ông Từ-Lâm Nguyễn Xuân Nghĩa biên soạn, Quốc Học Thư-Xã Hà Nội xuất bản, in tại nhà in Thụy-Kỳ 98 phố Hàng Gai Hà Nội, ngoài những bỏ in giấy thường, có in riêng tấm bố giấy bòuffant và ba mực với bố giấy «lệnh chỉ» thường hàng

Võ phủ Hùng, Cựu HS Petrus Kỳ, 67-74
gợi tặng Kho sách xưa của Quán Văn Dương
TƯ - LÂM
NGUYỄN - XUÂN - NGHI

LU'O'C - KHẢO VẺ
MY - THUẤT
VIẾT - NAM

TỬ SÁCH "HỌC - THUẬT"

QUỐC - HỌC THU' - XÃ

XUẤT BẢN

160 Fudoch
839
MÁY LÒI NÓI ĐÂU
CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Đây là một tập gồm năm bài diễn văn
của ông Tứ-Lâm Nguyễn-xuân-Nghi.
Nguyễn-quan, một kiến-trúc-sư du-học
ở Pháp vê, hiện tổng-sư tại bộ Công-tác Huế,
khoi phải giới-thieu nhiều lời, đồng-bào ta
cũng không còn là. Năm bài diễn-văn này
từ năm 1936 tới nay, Nguyễn-quan đã
lần lượt cho ta nghe hết bốn, hoặc tại hội
quận hội Tứ-tri Hanoi hoặc tại hội-quận
hội Quảng-tri Thành-kinh. Ở đâu Nguyễn-
quan cũng to ra là một nghệ-sĩ, hon thể
một học-giá kholác áo hùng biển biến gia, ở đâu
Nguyễn-quan cũng được hoan- nghênh nhất
liệt, dù đâu-dề nói chuyện đều rất khó-
khan. Người ta nhận rằng máy thiên diễn văn
nay đều là những công-trình khảo-cứu nghệ-
thuật, văn-học và lịch-sử, tính-cách, giá-trí
vượt qua phạm vi giảng đường và giới hạn thời sự. Bởi vậy, theo lời yêu cầu của một số dòng tình già đã được hân hạnh nghe ông Tứ Lâm nói chuyện, Quốc học thư-xã xin phép Nguyễn quan đềm an hành, mong góp thêm chút tài liệu vào nền Quốc học và giúp cho sự học vấn của quốc dân, tương cùng không phải là một việc vô ích vậy.

Hà Nội ngày 1er Mai 1942
LÊ-VÂN-HÒE
Giám đốc Quốc học thư-xã
kinh tự

TH
LUỘC-KHẢO VỀ MỸ-THUẬT VIỆT-NAM
ĐẠI-CƯƠNG VỀ MỸ-THUẬT NUOC
NHÀ TRONG HAI THỜI-KỲ CHIẾU
ÁNH-HƯỞNG MỸ-THUẬT
TRUNG-HOÀ VÀ ÁU-TÂY
(Bài diễn-văn ở hội Trí - Trí Hà - Nơi ngày
13 Aòût 1937 — )

I

Thưa các 'ngài,

Hôm nay tôi đem câu chuyện « đại cương vế Mỹ-Thuật nước nhà trong hai thời-kỳ chieú ánh hưởng mỹ-thuật Trung-Hoa và Áu-Tây », ra hầu chuyện các 'ngài, kể cũng quá « bao »! Những 'bao há chẳng phải là một tình mà thanh-niên ta ngày nay cần phải có?

Câu chuyện hôm nay tuy có tình-cách khảo-cứu, nhưng thực thì chỉ ra công chép nhất: rút một đoạn ở sách này, trích một chương ở sách kia, xếp-dặt lại cho có thứ-tư, rồi chua thêm may y-kien so-thiên; ấy là « then chốt » câu chuyện hôm nay!
Còn nội dung câu chuyện hôm nay thời phần nhiều về hội-hoa và điều khác.

Thưa các ngài, trước khi nói về mythuật nước nhà, tôi xin đưa theo ý máy nhà viết sự ký Âu-Tây, nói qua về cơ thể mythuật của loại người.

Từ khi trái đất có loại người, thời người ta daar phải theo ngay một luật lệ chung: ăn, uống, kiểm thục che thân, tìm nơi ăn nụp khi mưa nắng. Tìm thục ăn như hoa quả, thời chỉ trèo lên cây hay vin cánh cây xuống mà hái; nhưng muốn ăn thịt các thú chay trong rừng, các loại cá bơi dưới nước thì khó. Người thường-cô liên kiếm gây, lấy đá làm diu; lấy xương con vật đã chết, làm dao để sän các thú vật. Còn cá thời họ chưa biết câu, nhưng biết lấy đá ném, lấy cánh cây non mà lão. Rồi dần dần họ biết mai đà cho nhẫn (époque de la pierre polie), và khác lên ở cửa hang, những vách ngang, vách độc, vách cong, rồi lần lần biết đề trần cho ra những hình con vật song ở thời - đại ấy.

Nhà khảo-cư Salomon Reinach nói rằng: "Ta có thể so sánh sự tiến hóa về mythuật của người thường-cô với trẻ - thời ở thời - đại văn-minh hiện-tại: Trẻ thích vẻ những hình ngay ngắn, doi nhau (symétrie)
rối thích to thuốc, và về những vạch 노 trong len vạch kia (juxtaposition et l’enchevêtrement des lignes); khi mới tập về, thời ngược - ngoại những hình thú vật, rối mái sau mới tới thời kỷ chứng nó về người ta và cây cối.

Nay tôi xin bố cách quảng từ đôi người thường-cô biết về, biết năn; nói giảng ngày đến thời kỷ nước nhà chịu ảnh hưởng của văn-minh Trung-Hoa.

Câu chuyện mỹ-thuật cùng viễn-vọng, cùng bất - ngạt bao - la như câu chuyện văn-chương!

Trái lại, ngày nay các nhà họa-sĩ cũng học một trường, mà lúc phô-bày những bức tranh trong một phòng triển-lãm, ta đều thấy mỗi họa-sĩ có một lời vè riêng, có tổ nét vè mình khác người, khác... đối! Bởi vậy những «tay xanh» có thể không cần nhìn chữ ký, cùng đoạn dựóc bức tranh này là của nhà họa-sĩ nào.

Khi xua không những ta bất chước Tâu từ lời vè, lời pha thuộc mà đến cách thích xep đặt cùng ý-nghĩa một bức tranh đều nhất nhất theo một khuôn phép sẵn sàng, và nhiều khi có diện-tích nữa. Thì-đô:

Một bức tranh vè một con cọh dáng mắc mô ô miệng con trai, dừng sau một ông lặn câu cá đang đỗ tay định bắt lạy. Bên góc bức tranh chưa một câu thơ «Bằng dựng tường tri, non ông đặc lời tiêu hi, hi!»

Thời trong sách Chiến-Quốc hay «Trưởng đồn - thu» của Lưu - Hương đôi Hán, có diện-tích sau này:

Nước Triệu toàn đánh nước Yến, Tô-Tần vi nước Yến, sang nổi với vua nước Triệu là Huệ-Vương rạng:

Vừa rời tối đi qua trên bờ sông Dịch-Thủy, tối trông thấy con trai đang hà miệng phơi mình ở trên bãi, có con có đầu đen, mê ngày vào thịt trai. Trái liên ngảm miệng,
cặp chất lấy mó cở. Cố nói: «Hôm nay không mưa, ngày mai không mưa, thế nào trai cũng phải chết.» Trái nói: «Hôm nay không rút được mó, ngày mai không rút được mó, thế nào có cũng phải chết.» Hai bên gãng nhau, cha ai chưu ai, bông đầu có người đánh cả đi qua, trông thấy bất được cả trai lẫn cở...

Nay nếu nước Triệu dem quân sang đánh nước Yên, nước Yên tắt phải chống lại Hai bên đánh nhau lâu, hai người tổn cừu, chắc là suy yếu cả — tối e nước Tân thừa có ấy, dem quân chup chém cả hai nước như người đánh cả bất được cả trai lẫn cở, thì lực bây giờ hồi cũng không kịp. Đậm xin nhà vua thử nghĩ kỹ, lại xem.» Huệ-vương cho là nói phải bèn định việc đánh Yên.»

Bức tranh trên này là kể vào hàng «Bạch-cô», nghĩa là việc hàng cắn-cứ vợ những diện tích cỡ, như «bắt tiên quá hài, Tam anh chiến Lã Bố... Tờ động Pha du Xích bích v.v... Hàng tranh «Bạch-cô» đến hàng tranh «Cô-diên», họa sĩ mình cũng cứ theo một khuôn phép ců:

Nhu Mai hac (hạc đứng bên cây mai); Nêu bên cây mai, vẻ một loại chim khác thời lại gọi là «mai điệu». Theo ý rộng
hon, nghĩa là về "chim với cảnh hoa", thời gọi là "Hoa diễu".

Bướm về với cây lan, cây cúc, với quả dưa, thương những bức: lan-diệp, cúc-diệp, qua-diệp.

Có một điều là, là họ không bao giờ về voi với cây trúc, họ với cây Ngô-dông, phương - hoàng với cây chuối chẳng hạn.

Nếu ai về như vậy, thời sẽ bị cơ như người không biết "Cô điền" và sẽ bị chế-bái là "bỡn nhỏ mỹ-thuật", vì thời phải về với chuối (tiev trưởng); hồ phải về bên cây trúc (trúc hổ); và phương thời phải đầu trên cây Ngô-dông (ngo đông phương).

Ngoài những bức tranh kể trên, ta còn thấy:

Chim ẩn bay trên ngọn trục (Trúc yên)
Vịt hoi cảnh khóm hoa sen (Liên áp)
Hạc kiếng một chân đứng nghi bên cây thông (Tùng hạc)
Chim trĩ nup dưới cảnh màu đon (Đơn-trĩ)
Đàn gà kiễm ăn trên khóm Ngô khoai (kể-cóc)
Hươu đúng bên cây tùng (tùng lộc)
Ngựa cất đầu nhìn cây liêu (mã liêu)
Đàn chuột đang đầy vô may quả lưu (lưu thứ)
Mấy con dễ bề bé bên cạnh lẻ (lẻ đường)
Sóc đang nắm chửm nhỏ (nho sóc)

... Bây giờ tôi xin nói đến mấy bộ "tử bình" trọn bộ bốn bức, mà phải treo bốn bức thời mới đủ nghiêm:
Bốn bức "tử hữu" hay "tử qui" thời một bức vẽ một khom Lan với những cảnh lá được mờ, chen bèn mấy dò hoa yếu điệu, một bức vẽ một gốc "Mai" giả dán với những bóng hoa xinh xắn;
Một bức vẽ mấy khom "Cúc" với những chum lá giang đẹp, những bóng hoa mới nở, chen thêm mấy chiếc nu hàm tiểu;
Một bức chân một khom "Trúc", thân cây vĩa cao vĩa ồ-la, cây nở dưa cây kia, ngả nghiêng theo chiều gió...
Bộ "Tử thời" nghĩa là ta "Bốn mùa" thời cạnh "Mai" tiêu biệt mùa xuân; "Hoa sen", mùa hạ; "Cúc", mùa thu; "Tùng", mùa đông.
Chớ này, ta nghiêm thấy tâm-hồn các nhà thi-sĩ, hoa-sĩ nước nhà giống nhau. Tiên-diễn tiên-sinh viết chuyên Kim-Vân-Kiều cố cầu:
Sen tàn cúc lại nở hoa, cũng ta sen tàn là qua mùa hạ, "cúc lại nở hoa" là bất đầu sang mùa thu.
Câu: “Đạo đã phải thấm, sen vĩa nay xanh” cùng tả cảnh “xuán qua hè tôi”.
Lại câu:

Sân ngò cạnh bích đã chen lá vàng
Giấu thu vĩa nay gió xương...


Thi-sĩ l'hức-Gia trong một bài thơ nhân là “Chờ bạn” có câu:

Thay đổi cúc vàng, mai lại tránh
Hẹn hò sen thấm, liễu còn xanh

Trong hai câu thơ này Thúc-Gia tiền-sinh nói đến cá bồn mùa, cũng đúng cúc ta mùa thu, mai mùa xuân, sen mùa hạ; chỉ riêng có mùa đông là tiền-sinh lấy liễu thay cho cây tụng. Phải chẳng lẽ tiền-sinh thay cây liễu lo-thơ bước mạnh mà nghiêm thay như một có tiêu-thú đang rất mơ, lành-leo, nên lấy cây liễu tiêu-bêu mùa đông? thật cưng như như hết vay.

Một bố tử-bình khác, thời một bức châm:
Một ông lão, ngòi đầu mũi thuyên đăng bình-tình câu cá.
Một bức về một người đang gánh trên vai hai bó củi khổ;
Một bức về một người quấn áo sản gọn
gàng đang cày ruộng với một con trâu mạnh mê;
Một bức nưa về một câu cười trên mình
trâu đang vui vẻ trước sao.
Bốn bức này gọi là: «Ngr, tiều, canh, mộc»;
cũng có nhà hoa-sĩ thấy cảnh bức tranh về
người và trâu đang cày ruộng, lại treo một
bức về một câu bé cũng cười trâu, liên dời
bức tranh về muc-dông mà về một người
hoc-trò đang học, hay đang viết thay vào.
Bốn bức như vậy lại thành: ngr tiều canh
dọc.
Một bộ thư-bình nưa, cũng thông-dưng làm
là một bộ về bốn năm nanggal tiến đang gây
dân, đánh có, làm thơ hay ngồi về. Tức là
bộ: Cảm, kỷ, thi, hoa.
Treo bốn bức tranh này trong nhà, có
người ở là muốn to nhà mình là nhà thể
phcient, vi «cảm, kỷ, thi, hoa» là cái đặc-tinh
nhân - hẵ của người thương - lưu khi xưa;
Thể cho nên Tiến-diễn tiến-sinh muốn ta
nảng Kiều là người đầu môi điều tài-hoa, và
giọng dời tràm-anh, dã viết:
Đời phen, nét vể, câu thơ
Cùng cảm trong nguyệt, nước có dưới hoa
Trong truyện Nhi-dớ-mai cũng có câu:

Đàn trước gió, rượu trên hoa
Câu thơ trong tuyệt, cuộc cờ dưới giảng
Ông Nguyễn-cong. Trừ cùng ngâm rằng:

Đân năm cung giao-giắt tình tình đầy
Cờ đội nước rập-rình xe ngựa đổ;
Thor một túi phẩm - để câu nguyệt lở
Rượu ba chum tiểu sai cuộc yên-hà.

Thật là thi-s intéressa nước nhà cũng Chung một tăm-hơn.

Còn một hàng tranh nữa, mà hoa-sĩ có thể tự-do phá nết, thú gôn triều đất, nước non vào trong một bức tùy theo khổ giấy to nhỏ. Ảy là những bức tranh «son-thủy» nghĩa là có núi và nước. Nhưng nếu vế thêm nhà cửa, tháp, lâu-dài hay «lạc-dác bên sông chờ may nhà» thời người ta lại gọi là «Son-dinh».

Nay tôi xin nói qua về hình thúc những bức tranh của người Tầu. Người Tầu khi xua thương hay về lên lua, lên giây, và hay dùng thơ mặc đến mái ra, gọi là lời «thủy mặc» còn vế thuốc thời dùng các thú phẩm, mà lúc về thương hay «phá nết», đặt rút xuống thời không dô-dư nữa, cứ theo cái
"mẫu" vể sần trong trí mà tung-hoành lăn lớn ngọn but đầm mục hay đầm nước thuộc lên tới giấy hay tấm lụa. Nên có người nói rằng: Người Tàu tập viết chữ chính là tập vể, vì vậy phần nhiều ai viết chữ tốt thời vể giới.

Biết phân-biệt chữ tốt của người Tàu không phải là đệ, nên nhân thấy cái đẹp của bức tranh Tàu thật là khổ! Còn về hình giảng những bức tranh, thời người Tàu hay vẽ những bức tranh có hai trục hai đầu treo thẳng từ trên đến xuống (giống như lối Kakemono (1) của người Nhật); Hay là vẽ những bức tranh nhỏ nhỏ để lồng khung kính (lời này người Nhật gọi là Gaku (2)) còn lối ngang và cùng có hai trục hai đầu, lối này không treo được, chỉ cuốn lại, khi nào xem đến mới rõ ra. Lời này người Tàu ít dùng. (Trái lại người Nhật hay dùng và gọi là Makemono (3))

Nay tôi xin nói qua đến những bức tranh có, tính-cách huyền-bí!

Bức tranh vể mà cũng có tính - cách huyền-bí, thật là người ta thích sống trong

1) Kakemono = 鎮懸物 (quả huyền vật)
2) Gaku = 頚 (ngách)
3) Makemono = 卷物 (quyền vật)
mộng - tưởng, để tin điều dị đoan, hay ưa đắt ra những truyện dị kỳ! Các ngày hãy nghe câu chuyện một nhà thơ tranh «đức Thánh-Quan», gặp lúc trong nhà có người đau nặng, thấu thang mãi không khỏi, sau xem quế bồi người ta bảo rằng «có tất làm». Chủ nhà liên lần lẽ khám đức Thánh-Quan cứu cho khỏi. Quả-nhiên họm sau bệnh-nhanh khỏi dặm. Rồi họ nói rằng trên bức tranh thở, người ta thấy thanh long - dao ông Châu - Xương cầm đứng hâu bèn Ngài, có xét điểm đó, người ta tin rằng đây là Ngài đã giết ta nên thanh long - dao còn đầy máu.

Tiếp câu chuyện trên, xin hiện các ngày một câu chuyện cố tích của người Nhật, cũng có tình cách huyền bí:

Trong một ngôi đền có treo một bức tranh về một con ngựa đen của nhà họa sĩ Kanaoka (thể kỳ thứ IX). Từ ngày treo bức tranh ấy thời những vườn cây ở vũng ấy thường hay bị một con vật nào đến phá - hại. Một bůa người ta rính, thời người ta thấy hút bồng một con vật đến, liền duỗi theo, thấy con vật ấy chạy vào một ngôi đền. Lực vào đền thì không thấy gì cả, nhưng có người đi dọc đến bức tranh con ngựa đen của Kanaoka
vẽ, thời thấy hình con ngựa đen ấy toát mồ hôi ra giáng mệt - nhọc như vừa bị đuổi! Một người tục gián mới lấy chút mực vẽ ngay lên bức tranh ấy một cái thùng buộc con ngựa đen ấy vào một cái cóc! Từ đấy người ta không thấy con ngựa đen ra pha mưa màng như!

Con cầu chuyện sau nay: Nhà danh-hoa Sesshus (sinh năm 1420 mất năm 1506), khi con nhỏ làm "tùy" ở một ngôi chùa, tinh ham vẽ, nên những cái việc kinh-kê. Một lần bị phát, phải trôi vào cùng chùa, Sesshus nức nở khóc; khóc chán rồi, anh chẳng "mê vẽ" mới lấy nước mát vẽ lên thêm nhà máy con chuột con; vẽ xong tự nhiên những con chuột vừa vexe hóa thành chuột thật chạy lại căn giây trôi cho Sesshus!

Su-trọng tại chùa ấy thấy vậy mới tha Sesshus và từ bấy giờ cho Sesshus tự-do học vẽ, quả nhiên về sau Sesshus trở nên một nhà họa sĩ có tiếng ở nước Nhật về thấp ngủ thế-kỳ.

Cho nên ngày xưa người ta tin rằng về một bức tranh mà giống hết sự thực thời bức tranh ấy có thể cuồng động được như có thần hồn vậy.

Thưa các Ngài, tôi đã kể dài-cướng các
Được trang thành đầy vẻ vẻ theo Tàu, bây giờ xin mới đến quí lẽ ta lãnh hội của Tàu về страниц hoang mỹ-thuật.

Trước hết xin ngoại đến những hình giản dị người ta thường dùng để "che kin" những chỗ trông trại (remplissage) hay làm lận "lót" (Jeu de fond).

Nhu hình:

Mặt vòng (hình quả trám); kim qui (hình lúc giấc); kim-qui thật-thể (tức là hình như mạnh sẵn h ran); Bồng thi (cảnh nhỏ và dài); Bồng đào (bốn cảnh); Bồng mai (nắm cảnh); Bồng chánh bốn cảnh nhóm bốn cảnh nhỏ) hỏi-văn chữ văn (右手); chữ công (正); chữ nhân (人); chữ á (广).

Trên những hình lót ke trên, người ta thường khắc những hình như:

Tam-su nghĩa là một cái định với hai cái lợp cảm hương; Ngũ-su nghĩa là một cái định, hai cái lợp cảm hương và hai cây đen.

Bắt buổi thôi có:

Pho sách, cuốn thư, lăng hoa, bầu rượu, dân kỹ, cái quạt, phát tran cây như-y (1).

Ông Bushell trong cuốn "L'art chinois"

---

(1) — Cây "nư y" là thứ người Tàu đất ra để tặng nhau; thứ ấy dài đậm bằng cái quạt làm bằng gỗ trạm hay bằng ngọc, bằng vàng thân uốn cong; đầu có bình một cái nấm Chi ba tai
Hội-văn chữ A

Hội-văn chữ Công

Kim-tienen

Hình mặt vồng
cố chép «bất bueno» là những thức tâm
vì tiên cảm & tay:

Cái quạt cửa Chung-ly-Quyền (2)
Đồi xènh cửa Lã-dòng-Tân
Bầu rướu cửa Lý-thiệt-Quải
Thanh qurom cửa Tào-quốc-Cưu
Lằng hoa cửa Lam-thái-Hoà
Gầy cửa Trường-quá-Lão
Ông tiểu cửa Hàn-tường-tư
Hoa sen cửa Hà-tiền-Cõ

Đoạn này tôi xin phép các ngài chưa thêm một câu sau đây cho thêm vui:

Trong truyện « Kiều », Tử-Hải lúc cười Kiều cùng săm-sùa cho nàng lịch-sự làm:

Bất giuống thật báo, quây mạn bất tiên.
Tới đọc câu Kiều trên cót để các ngài không những để ý đến cái diễm mạn thụ bát-tiền, mà đến cả cái sáp gõ trấm « thật báo »

Trên ta đã biết bất-bưu là những thức gì, nay nói đến « thật bưu », nếu ai nồng-nời thời đã với tin là « bất bueno » trừ đi một thức, thì thành ra « thật bueno »; Những không phải. Thất bueno đây là bầy thức quý:

2) Cũng có sách chép Chung-ly-Muội.
Phúc thọ song toàn
San-hô, hồ-phách, xà-cứr, mả-nào, sinh-kim, tran-châu và văn-mẫu.

Nay tôi xin nói qua về những hình xếp lại mà có Ngữ một câu chữ nhỏ; nghĩa là trên một bức hoành căng han trên có một con gọi ngả một chữ thơ, dưới chữ thơ có deo hai dòng tiến, thời người xếp những hình ấy có ý thay cho bốn chữ “Phúc, thơ, song toàn” vì rằng chữ thơ thời không cần nội đến nữa, còn con “gọi” thay cho chữ “phúc”, hai “dòng tiến” là “song tiến”, thay cho hai chữ “song tuyên”. (Đặt dựa theo lời chữ nôm hay là Hải-Thanh trong Lục Thư).

Hoặc họ xếp những cái lỗ (chữ nhỏ là bình) và một cây như ý để trên một cái giá (chữ nhỏ là án), thời có nghĩa là: “bình an như ý”. (1)

Đại-cương như vậy mà họ xếp được nhiều câu ý nghĩa thẩm-thúy thay.

**

«Vua Tề xưa có hỏi một người thơ về: « Vẽ cái gì khó? ». Người thơ vẻ tàu rạng: « Vẽ trâu, vẽ ngựa khó.»

Nhà vua lại hỏi : « Vẽ cái gì dễ? » Người
Hội-văn chữ Văn

Kim-qui thật-thê

Kim-qui

Hoa mai

Hoa đào
thợ về tàu: « Vẽ quá, về rộng đề ». Nhà vua hồi tài sao; thời người thơ về tàu rạng: « Trâu ngựa ai cũng trông thấy, vẻ mà không giống, thời người ta cười, cho nên khó về. Quy, rộng có thể nói là ít ai trông thấy được, cho nên tùy ý muốn về thể nào cũng được, không sợ ai bè cho nên dễ về! »

Ô nước ta khi xưa, cũng nhiều người nhiễm cái ý tưởng chất-phác ấy, cho nên bảo về hồ, về voi, thời lưu ông lữ; bảo về rộng thời về ngày, vi họ sợ về hồ không nên, thì bi mê mai là:

« Họa hồ bất thành phân loại cầu! »

Hiện thời theo tây-học thời khác hẳn: Tuy rộng là một linh-vật, ngày nay không ai trông thấy, nhưng nếu một anh thơ về vũng vẻ về một con rộng « méo miệng », bốn chân vẻ như « có tật » hay « quê khửu » thì vẫn bị chê bai là « Họa bất thành Long! »

Nói chuyện đến rộng, nhân tiền nói qua về bộ tử-linh: Long, lần, qui, phương.

. . .

Trong tự điển Tấu có tả hình con rộng như sau này:

Rộng có sung, như sung hươu; đâu thời giống đâu lạc-dà (?); mắt thật là mắt quái
Hoa chanh

Hội-văn chữ Nhân

Hoa thì
vật; cỏ rắn; bông cá xấu; có vây như vây cá; có mỏng như mỏng diều-hâu; tai như tai bò (?), nhưng rồng lại nghe bảng sừng (?)... Trong máy cấu tôi vừa kể đây có thể dành được ba bốn cái đầu hợi.

Nói chuyện «con rồng» no viền-vọng có lẽ Hon chuyện phong-thần, kiêm-hięp... Nên tôi chỉ xin nói may điều thường-thực, như rồng thời tiểu - biểu nhất Vua Thiet-triều, Nhâ Vua ngồi ngai trâm rồng, và mặc áo dài-triều thù rồng v. v... Cúng diện nhất Vua, thời trang-hoảng bằng: Luồng-long châu Nguyệt, Luồng-long tranh châu; hay rồng có máy phù chưng-quanh, gọi là «Long ăn vẫn»; hay rồng cuốn nước với cá gọi là «Ngư long hi thủy».

Rồng phần nhiều vẻ cẩn con và nhìn ngang (profil) nhưng cũng có khi vẻ lồi nhìn trước mặt (de face). Lồi này thời thường trên thân có chấm ba nét ngang và một nét dọc (tả ba cái ngắn ở trán), có người dọc máy nét ấy là chữ vương (/XML) cùng có người dọc là chữ nhám (XML).

Trên tôi đã nói rồng là tiêu - biểu nhất Vua, nên mọi thức ngữ-dung đều có rồng (xin nhờ là rồng năm mồng). Ngày xưa các quan đại-thần nếu muốn trang-hoảng nhà cửa bằng những hình rồng, thời phải
về giản dị, sơ sài, về một con vật gần giống con rồng mà thời, có lẽ bởi vậy người ta lấy hình con « giao » mà thay cho con rồng.

Ông Paulus Của có viết: « Giao thuộc về loài rồng, nhưng không có sust, người ta tin rằng con giao ở dưới đất, mà mỗi khi lên khỏi mặt đất, thời chớ ấy thành hồ, thành sông. »

* * *

Ky-Lân. Theo tự điển Tầu, thời Kỳ là con đức, Lân là con cái. Vậy Kỳ-Lân là một đôi chữ không phải một con. Người ta còn gọi là Long-Mã; Long-Mã thời trông được cả con Ky, lân con Lân.

Theo cò-tục Tầu thời người Ương-Cô rất trọng-dài, qui môn giống Kỳ Lân, vì giống ấy không những chỉ ăn có khó, mà còn không nơ xe lên những cây có còn non. Giống-Ky-Lân cói như linh-vật, ai có phúc làm, giống ấy mới tối hà, vì vậy có câu « Lân chỉ trình tướng » và câu « Ky-Lân tại thư ». 

* * *

Phùng-Hoàng-Theo tự điển Tầu thời Phùng là con đức và Hoàng là con cái.

Ta nên để ý đến các đền, lâu dài... hễ trên nóc có đáp máy con phùng thời đền ấy thì một vị nữ thần, hay lâu-dài ấy là của một bà chúa.


Trong truyện Kiều cũng có câu:
Phù nguyễn sinh phương, đẹp duyên cười rộng.

...”

Quy (tức là con rùa). Người Tậu cho rằng loại Quy sống một ngàn năm, nên đáng quý, nhưng cũng có người không trong ví hộ tín là rùa chỉ có con cái Chủ không có con dực, mà lại hay «nắm chung ỏ» với loại rắn, cho nên khi xría ở bên Tậu, hễcura ngôi nhà ai, mà người ta về một con
rúa, tức là trở trong nhà ấy có người con gái
hư, hay là «gái chưa có chồng mà đã có con».
Nhưng người ta vẫn cho «Quy» là linh-
vật vi trên mai có hình bất-quá, nên rúa
thường vế trên lưng có deo «cô-dố» (1)
Ngày nay có người lại cho là rúa tiêu-
biểu cho sự chăm-chạp (ví có câu chăm như
rúa bò) mà còn tiêu-biểu cho sự nằng-nề
khó nhọc nũa, vì có câu:
Thường thay cho phần con rúa
Trên đỉnh đôi hạc, dưới chửa đôi hia.

Ngoài bố tử-linh ra còn máy con vật nũa
cùng nẻn nơi điền: con gớ tieng chủ là
«bức» (蝠) nũa chủ bến hưu giống với nũa
chủ bến hưu chủ phúc (福) trong thành--ngũ
«hạnh phúc». Nên nhiều khi người ta chăm
nắm con gởi, tức là ngũ phúc (Phú, quí,
thọ, khang, ninh) (1)
Người ta về một con gởi ngâm một cái
khánh thoi thành «phúc Khánh» cùng là
câu chúc tưng cả.

1). — Theo Kinh-Dịch, thời cõ-dố là những chủ
dấu tiên của loại người
1) Cung cõ sách chép ngũ phúc là: Phú, thọ,
khương-ninh, Đư-hảo dực, khảo-chung-thần
Bây giờ xin nói đến con Sử hay là con Sử-turtle; người ta thường đáp bằng với, hay làm bằng xanh, bằng sứ và thường gần lên trên hai trụ ở cống ra vào. Ngoài ra người ta thường châm một con sứ-tửr với một quả cầu, hay nấm con sứ-tửr đang tranh nhau một quả cầu tức là sứ hi cầu hay "Ngũ sứ hi cầu".

Gần giống "sứ-tửr" và giống "ky lăn", thời có con "nghé" hay là "toan nghệ"; trường con vật bằng đồng bây ở sân diễn Thái-hòa trong Nơi hay là trước nhà "bia đình" ở làng Thiệu-Trì là dúc theo hình con nghệ.

Kể ra còn có con cá, con voi cũng nên nói qua đến.

Cả tiếng chữ là ngữ (魚) đọc theo giọng Tàu lo-ló với chữ "dur" (鯊) là thừa vị vay ta thường thấy người Tàu bán những bức tranh, về một câu con-nit nhoẻn-miếng cười, và ông vao lòng một con cá. Bức tranh ấy ngữ ý là "Câu bé con nhà giàu "cô cá", tức là câu bé con nhà giàu có cửa dur! Phải chẳng thẳng tắp, phó Hạng Gai (HANOI) bán la liet những cá bằng nan phát giấy, cùng theo ý nghĩa ấy? Vì tết Trung-thu là tết tập-tục của Tàu.

Con cá chép (gratis Trung-ky kếu, là con cá
gây) còn có dien-tich là "cả có đi thi" nên có câu "Vũ môn tam cấp" và câu "Long-môn điểm ngạch"...

Còn với thời kì xưa, ngay ở nước ta cũng được nhà vua trong - dài làm, vi voi rất khốn. Dưới đây xin kể câu chuyện: "ông voi Ré rất có công máy lần ra trận, bị thương mà vẫn dạy nhiệt-huyệt, biết tiên chứ không biết thoái, nhưng một lần bị giấc bận nhiều mùi tên tầm thuộc độc trưng mình, và bị mặc phòng, đâm sâu vào tát, không thể chịu nổi. Biết mình không thể sống được nữa, đánh vùng quay trở về, nhưng chưa tới chân thành thời kiên lực không chảy nổi nữa, ngã xuống đất, ré lên mấy tiếng thật to, như có ý muốn báo đến tai nhà Vua biết cái chết vững-hành của mình. Bình-linh nghe tiếng voi ré, dỗ xò lại cuối nhưng không kip. Voi Ré đã thò hoi cuối cùng. Thường tâm, nhà vua sắc xaty đến thò. Hiện nay đến thò ấy vẫn còn, tức là đến Long-châu ở Huế. Trong đến nay còn thò máy ông voi khác như Bích, Nhị, Bồn...

Tương voi chăm bàng dâ, hay đáp bàng xi-măng thường thấy tại sân lăng-tâm ở Huế dùng đối diện với một con ngựa và xếp hàng với tương quan vận, quan vỗ.
Ngoài ra ở các đèn, các dinh, cũng có tượng cả voi lẫn ngựa. Nhưng tượng này nhiều khi người mình làm rất thật cach, ví dụ tượng một con ngựa bằng gố, cao bằng ngựa thật, hết thấy thần mình con ngựa đều bằng gố, mà lại nội cái dưới bằng lòng dưới ngựa thật!

Trong thật là kỳ di. Phải chẳng là ta đã hiểu làm nghĩa câu của ông Boileau:

« Rien n’est beau que le vrai, le vrai seul est aimable » không gì đẹp bằng sự thật, chỉ có sự thật là đẹp coi

Nay tôi xin tiếp sang phần thứ hai của câu chuyện hôm nay; đại đường về mỹ-thuật nước nhà trong thời kỳ chịu ảnh hưởng mỹ-thuật Tây-phương.

* * *

Có lẽ người ngoại quốc tôi xù ta thường nhầm một người thợ gốm (artisan) với một nhà mỹ - thuật (artiste) nên mỗi có người thợ trả câu nói trên. Kể ra thời người nước ta cũng làm người có hoa tay, nếu chịu da công luyện tập về hối - hoa, hay điều khác
thời lâu ngày cũng thành tài. Nhưng tiểu rằng tuy có thiên tài, mà phần nhiều lại lòng năn nhăn chỉ vì thấy học về, học năn lâu công và nhất là lúc ra đời thường phải phần đầu khó nhọc nên đã bố theo một con đường khác.

Trong nước ta hiện thời những người biết chuyện mĩ-thuật không phải là hiếm.

Có người kể rằng:


Nếu ông Léonard de Vinci không phải là một nhà chương mĩ-thuật thời ông đã chọn một nghề khác và ông không bố ra bốn năm trời để về một bức tranh «La Joconde» mà ngày nay nhiều nhà phê-bình cho là bức mĩ-thần áy có cấp mặt mồ-mông, huyền-bí vô song. Tôi không dám tự riêng phê-bình, nhưng tôi đã được ngắm tranh ấy tại viễn bảo-tàng (musée du Louvre) ở Paris thời chỉ là một bức tranh một người dân bá bán-thần, bể cao bức tranh ấy độ hơn một所謂 tay, mà về một bốn năm, đủ biết công-phu như những nào!
Tôi xin ngắt đoạn lý-luyên xưởng này, mà
nói đến những điều thực tế hơn.

Người mình học theo Tây-học bây giờ,
trái ngược cả với những cách-thức về theo
Tầu khi xưa.

Có người nói rằng: « Một bức tranh Tầu
vẽ một khóm lan với mây câu thơ hay và
việt bằng nét bút giả dấn thời bức tranh ấy
cũng đủ có giá-trí, nhưng cái giá-trí này
có lẽ vì câu thơ kiệt-tác, với những nét chữ
giả dấn hơn là vì khóm lan! »

Theo Tây-học, trên bức tranh không có
câu thơ nữa, nên giá-trí bức tranh là ở cách
vẽ và màu thuộc!

Khi xưa ta học vẽ theo Tầu, không
học tận cổ ruế, và không dùng khoa-học để
bỗ-trợ. Còn ngày nay, theo người Pháp học
vẽ thật là kỹ càng: Đầu tiên mới học vẽ,
thời thay giấy giấy vẽ cho dung. Nói rằng
vẽ cho dung thời không được rõ, và xin
lấy một thi dụ để giải-nghĩa:

Thấy báo trò vẽ cái băng den theo trên
trường (cái băng ấy một bể một thuốc
ruồi, một bể ba thuốc.) Trò nào vẽ dung
là đã nhìn rõ được thấy « bể dài gặp hai
bể cao », chú không phải vẽ dung là có
dánh bằng làm sao cho mặt băng loang-lô
vi những chữ viết bằng phấn, xóa chưa kỹ!

Học về phải tồn công như thế, nhưng Phạm một việc gì, ta đã biết đến cô rể thời bày tỏ rất rõ ràng, dù về một cái lâu-dài nguy

(1) Học về người lót da cottom biết những bộ thật, những gân... ở trên người (Myologie).
MỸ-THUẬT VIỆT-NAM

nga lòng-lạy, nếu dùng bên ngoài ta đã biết cái xưởng nhà, cốt, kèo, đòn tay... mộng mạng đại-khai ra làm sao thôi về cùng không sợ sai làm.


* * *

NAY tôi xin nói đến người Pháp giày ta phếp Viễn- cảnh (perspective) nghĩa là một khoa tập cho con mắt biết nhìn, cho đúng cách. Sao lại tập cho con mắt biết nhìn cho đúng cách?

Muốn trả lời câu hỏi ấy, tôi xin lấy một thí dụ sau này : hai con đường hoa-xa song song theo nhau đi từ Hanoi tới Sài Gòn không bao giờ gặp nhau. Sư thật thời như vậy, nhưng nếu ta dùng giủa hai đường hoa xa mà ngắm, thì ta thấy chính chỗ ta dùng hai đường hoa-xa cách nhau nhiều rồi càng thấy cách xa đây bao nhiêu thời càng rút bớt di lần lần, và tôi quá tầm con mắt thời hai hàng thiệt lợp chum đầu vào nhau: Phếp Viễn-cảnh (perspective) còn giày ta khi nào nhìn một cái vòng tròn (cercle) đúng đúng thẳng
trước mặt ta, thời ta nhìn rõ là cái vòng tròn, nếu để cái vòng ấy nghiêm di, thời ta thấy hình bầu-duc (ellipse); nay cái vòng tròn ấy để ngã hẳn xuống đất, và ta dùng sát tanı vành ngoài, thời ta thấy cái vòng tròn ấy thành hình phao-vật-tuyên (parabole); Nếu ta dùng hằn vào trong cái vòng tròn ấy, thời ta thấy hình song-khúc-tuyên (hyperbole)...  

Muốn kể thí-duật gián-di họn, thời nếu ta về một cái bàn chẳng hạn, mà « đường tấm con mặt » (l’horizon) ở trên cái bàn thời ta thấy được mặt bàn, trái lại đường «tấm con mặt» ở dưới bàn thời ta không thấy được mặt trên của cái bàn mà chỉ thấy mặt dưới thời. Hay muốn nói rõ ràng họn thời khi nào cái bàn để cao hơn người ngồi về, thời người ngồi về không thấy mặt trên cái bàn; trái lại khi nào cái bàn kẻ thấp hơn người đứng về, thời người đứng về mới trông thấy cái mặt bàn.

Cột yếu phép viên-cảnh (perspective) là ở chỗ ấy; nhờ khoa này, người ta có thể về được những bức tranh dùng như là láy máy ảnh mà chụp. Hơn nữa người ta có thể đặt ra mà về được một cái nhà vườn kiểu mới, xung quanh có vườn hoa tự tế. Đến khi cái nhà ấy làm xong, người ta đem
chụp ảnh, thời bức tranh về trước cũng không sao với tấm ảnh chụp sau.

Đoạn này, nên nhắc lại hỏi xưa, ta chưa theo học khoa kiến trúc của người Pháp, thời thường ta chỉ báo thời ngày ở chỗ đất định làm nhà, chủ không về kiểu trước gì cả. Đến khi làm xong không vừa ý, thời phải chửa di chửa lại vừa vừa mặt công, mà đồng tiền cũng tồn nưa.

Hội Đức Đức - Tôn (hay là Vũ Túc Đức) lên ngôi, ngoài xưởng chiều cảm dân - gian làm nhà rộng rãi và làm theo lối chủ công (L) hay chủ môn (M) và cảm cả làm nhà có gác. Ai cũng cho rằng điều cảm ấy làm mỹ-thuật nước nhà không tiến bộ, và công nghệ cũng không được mở mang.

Về khoa mỹ-thuật thực hành, người Pháp có chỉ giáo một câu sau này: « Chế một thứ gì dễ dùng cũng phải chế sao cho đủ ba điều kiến sau này: Ích-lợi (utilité), chắc-chắn (solidité) và đẹp-dẻ (beauté).

Nghĩa là trước hết không nên nghĩ đến cái đẹp ngay, phải nghĩ đến sự ích-lợi, sự cần-dùng đã.
Thi-dụ về một kiểu gề trước hết phải về làm sao đúng cho tiện, rồi mới nghĩ đến cách động làm sao cho chắc chắn; chỗ «đầu mộng» cho khi, chỗ nào nên bắt danh-ớc, chỗ nào nên gần-son, chỗ nào phải bắt thêm nach-sắt (équerre)... Rồi sau mới cải-cach cải kiểu ấy làm sao cho mỹ-quan, cho nhã-nhãnh, bằng cách bảo gô cho tron, uôn gô cho khéo, đường chắn cho nhãnh, hoặc danh verni-tampon cho bóng đếu, hoặc ruôm màu cho khéo, đánh xi cho khỏi loang-lờ....


Xin kể một câu chuyện để chứng-thực cho điều đó.

Một phu-gia ở Huế (tới cần chỉ rõ là ở Huế, vì trong câu chuyện có nói đến sông Hương) nhờ một nhà hòa-sĩ về cho một kiểu chuyện trên để trả trên sông Hương.
Một tháng sau, hoa-sĩ vẻ xong; phù-gia tăm-tắc khen đẹp, và tự - phù rạng cái thuyên ấy thả xuống Sông - Hương sẽ đẹp hơn hết thấy các thuyên khác. Khi tho động chắc thuyên ấy xong và sau một tiếc sâm-banh thất nhà hoa-sĩ, người ta đem thả xuống nước. Khi thuyên đã thả, xong suối đầu vào đây rồi, thời không ai giám xuống chiếc thuyên ấy cất, mà cũng không ai giám chèo, vì tuy kiểu thuyên vẻ đẹp, nhưng không họp cách vi cái mui đồng cao và năng quả, nên thế nào chờ ra giữa sông gặp một dòng gió то chiếc thuyên ấy cũng lạt lại mà chim phượng di!

Nói tóm lại từ khi mỹ-thuật nước nhà chịu ânh - hương Âu-tây đến ngày nay đã tiến - bổ nhiều. Nhưng thực ra đối với mỹ-thuật ngoại-quốc vẫn còn non non lắm.

Tuy gọi là «non nốt», nhưng người mình cũng không đến nỗi ở trong thời-kỷ «lâm ngụa gó mà gần cái dưới ngụa thật vào». Nghĩa là đã biết theo qui - tắc của mỹ - thuật Tây - phương. Thì dự muốn về một cảnh thiên - nhiên, tích mich thời đã biết thu gòn vào tắm vai cái tính-cách của thiên-nhiên, tích, mich, nét về biểu - bạch làm sao cho người
xem đều cảm thấy như vậy chứ không phải thấy sao mở-hộp chêp vậy. (L'art ne copie pas, il s'exprime).

Nói thêm rằng nếu vẻ đối con mặt có Kiều và nếu được có Kiều thực ngơi yên làm kiêu-mẫu cho ta vẻ thời ta cùng vẻ được xứng đáng với câu văn:

*Làn thu thủy nét xuân son*

_Hoa ghen thua thầm, liêu hôn kẽm xanh_


(Đoàn này nhẹ ra tôi phải nói đến các nhà hoạ-sĩ, điều-khắc, kiến-trúc, tốt-nghiệp trường Cao - đẳng Mỹ - thuât Hanoi nhưng tôi e rằng kẻ như vậy, cấu chuyện sẽ có ngày tình-cách quảng-cáo).

Nhưng bực tranh, những pho tượng của những nhà hoạ-sĩ điều-khắc nước nhà, bày trong những phòng triền-lâm và những người nhà đồ-xô đẹp để rại rác trên côi Đồng-Dương, do những nhà kiến-trúc ta vẻ kiểu đa chung thực rằng mỹ-thuật nước nhà đa tiến-bộ nhiều.
Về sự tiến bộ này, một phần cũng vì nước nhà sản xuất ra những nhà phê bình về mỹ thuật.
Về mỹ thuật cũng như văn chương cần phải có nhà phê bình thời mới mau tiến bộ được.

THUA các ngày, câu chuyện đến đây kể cùng đã khá dài, vậy tôi xin nói thêm một đoạn, để kết luận:
Mỹ thuật của ta chịu ảnh hưởng Óc Tơ nhiều hơn là chịu ảnh hưởng Óc Tơ; và lại ta và người Tơ cũng chung sống bên phương Đông, và có lẽ vì cùng một màu da, nên cái vẻ Văn - minh Tơ đã in sâu vào óc ta, không thể bỏ hẳn đi được. Nhưng dù sao ta cũng phải tìm phương kẽ để xóa nhòa câu ma người ngoại quốc thường nói như đoạn trên: «Mỹ Thuật An-nam tức là mỹ thuật Tơ đổi bài (L'art annamite est l'art chinois atrophié, triqué, en un mot, d'ecadent.) Muốn làm cho mỹ thuật nước nhà mới ngày một tiến bộ, không gì bằng khuyến khích những người có thiên tài về khoa về, khoa nan... có công học tập cho thành
tài, đường trường đến ra đổi «bì bạc đại» vi rỗi ra, người mình cũng sẽ tôi trình độ biết quien cải «Đẹp», và biết trọng những người gây dựng ra «nó».

Một nhà họa-sĩ Pháp gặp thời kỷ chiến tranh năm 1914, đầu quân ra trận bị dân bắn trúng cảnh tay phải. Tuy rằng khỏi thiết mạng nơi chiến trường, nhưng bị cứu cụt hàn cảnh tay phải. Đèn hồi trong nước thái-bình, nhà họa-sĩ ấy, tiếc nghĩa mình, không nỡ bỏ, nên lấy hết nghị lực để học vê lại, nghĩa là học vê bằng tay trái, mà sau cũng vê được nhiều bức tranh tuyệt mỹ.

Ta nên lấy đó làm gương mà phưng-sự cho nghệ-thuật.

HIERN nay nhiều nhà mỹ-thuật nước ta đã biết cả- quyết đi tìm mốt con đường mới và sáng sửa để noi theo.

Con đường mới và sáng sửa ấy sẽ đưa ta đến mốt nơi thẳng-cạnh riêng: từ đấm máy xanh, từ lụy tre giá, từ mạt nước ao dòng nhất nhất đều phảng-phất möt sự thiêng
riêng tôn – trong « linh hồn Việt - Nam ».
Tới trình độ ấy nước ta sẽ có một mỹ-thuật riêng.
Tới trình độ ấy, một bức tranh của họa-sĩ Việt-Nam sẽ không lân với những bức tranh của người Pháp hay người Tầu. Tới trình độ ấy dân em trong làng mỹ-thuật sẽ có một con đường vẻ sần, chỉ có công nhằm đích mà bước tới, mỹ-thuật nước nhà sẽ tiến-bò một cách rất mau chóng. Mong rằng ngày rực-ro sáng-sủa ấy sắp tới.

Thưa các ngài, câu chuyện đến đây là tận, tôi xin thành thục cảm ta các ngài, một lần nữa và xin mọi các ngài ngơi lại giấy lát, xem chiếu những tấm ảnh về mỹ-thuật Tầu và ta.
PHÈ BÌNH BÀI ĐIỂN THUYẾT TRÊN

HANOI. – Tối hôm qua ông Nguyễn-xuân-Nghi đã điênn-thuyêt tại hội Tri-Tri Hanoi, về «Mỹ-thuật nước nhà trong hai thời-kỳ; chịu ánh-hưởng Mỹ-thuật Trung-hoa và Âu-tây ».

Thịnh-giá tôi nghe rất đông và hoan-nghềnh điênn-giá không quan từ Huế ra Hanoi để dân dâng dân.

Ông Nguyễn-xuân-Nghi nói trong hội một tiếng đông hò, tuy rằng ông đã lừa cái đầu để khóc khán mà ông đa khéo chèn thêm vào câu chuyện nhiều đoạn rất vui.


Việt-Báo
Nguyễn-xuân-Nghi, architecte attaché au Ministère des Travaux du Gouvernement annamite, a fait, vendredi dernier devant un très nombreux public une conférence des plus documentées sur l'art annamite.

L'influence chinoise que cet art a subi est presque (nous pourrions dire tout à fait) une révélation pour la plupart des auditeurs. Sur les motifs d'ornementation : dragon, phénix, licorne, arbre, oiseau, caractères chinois, etc...

La conférence de M. Nghi donne les renseignements les plus précieux, et les nombreux documents qu'il a fait projeter sur l'écran d'après les clichés de l'École française d'Extrême Orient les précisent encore et les justifient.

Plusieurs sculptures annamites de Chùa Keo montrent à quel point nos anciens artistes étaient préparés à répondre aux conceptions grandioses (inexécutables parfois à force d'être grandioses) de certains seigneurs (chùa) de la famille des Trinh, ou à introduire chez eux la grâce de l'art chinois de l'époque des Minh. Il faut souhaiter que M. Nghi continue et étendre ces études.

Annam Nouveau
13 Août : Nguyên-xuân-Nghi, Mỹ-thuật nước nhà trong hai thời kỳ chậu ảnh hưởng mỹ-thuật Trung-hoa và Âu-tây. (L’art annamite pendant les deux périodes d’influence chinoise et européenne). — Résumer en une quinzaine de pages l’histoire de l’art annamite, depuis l’époque chinoise jusqu’à l’heure actuelle, n’est pas chose aisée. M. Nguyên-xuân-Nghi y est arrivé en choisissant les monuments les plus typiques et en faisant apparaître l’influence fondamentale et l’originalité de l’art chinois ainsi que les caractères nouveaux apportés par l’intervention française. Son texte ne manque pas de goût, ni de justesse dans le jugement, autant pour l’architecture, où les informations courantes ne sauraient remplacer le côté technique et d’érudition archéologique (on sait que l’auteur est architecte au Ministère des Travaux à Hué), — que pour l’histoire de la peinture en Chine et en Annam. Comme nous avons eu l’occasion de le faire remarquer dans un journal local, celle-ci est dominée par deux principes : d’une part, l’influence persistante d’un idéal philosophique ; de l’autre extrême importante attachée à la calligraphie, considérée non seulement comme une marque d’habileté personnelle, mais comme une révélation raccour-
cée de l’essence des êtres. C’est un art subtil et raffiné, que nous nous apprenons lentement à comprendre, par l’étude des monuments et des textes. Comme le disait Raphaël PETRUCCI (Les peintres chinois, Paris Laurens 1912), « le mystère impersonnel de l’univers, son principe géant, ses manifestations mul-
tiformes et le secret qui se dévoile dans l’âme même des choses, autant de conceptions sur lesquelles s’est fondée la peinture chinoise dans son inspiration ; c’est à ces pré-
occupations qu’elle doit ce sens de la spiri-
tualité qu’il s’y affirme avec tant de nobles-
se ». Même dans l’art réaliste des deux der-
nières dynasties, on reconnaît encore ce be-
soin vivace de pénétrer, à travers la for-
me individuelle jusqu’à l’essence qu’elle ma-
nifeste et rend accessible. A la fois sinologue et artiste, Nguyén-xuân-Nghi nous donne avec autorité, et avec l’accent d’une admiration émue les résultats de son enquête sur l’évo-
lution d’un acte quinze fois séculaire, dont l’histoire impose silence aux préjugés exté-
rieurs, à nos goûts personnels, en un mot à toutes les causes d’erreurs qui nous en-
tourent ou qui tiennent à notre tempéra-
ment » A. FONTAINE, Essai sur le principe et
les lois de la critique d'art. C'est à préciser ces lois, à comparer les caractères des œuvres d'art à montrer les moyens d'éviter l'erreur, que M. Nguyên-xuan-Nghĩ s'est appliqué, et l'on peut vraiment dire qu'il y a réussi.

NGUYỄN-VĂN TỔ
TÊ NAM - GIAO
CÁCH-THÚC TẾ NAM-GIAO

(Bài diễn-thuyết ở Hội Tri-Tri Hanoi, ngày 21 Janvier 1936)

THUA các bà,

Thưa các ngài,

Buớm nói chuyện hôm nay, chỉnh thức ra thời chia ra làm hai phân; Phần thứ nhất: Một vài sự cài-cách đã thi hành trong nghi lễ Nam-Triëu; Phần thứ hai: Một lễ lớn và trọng thể nhất nước ta: "Lễ Nam-Giao"

Nói về sự cài-cách trong nghi lễ Nam-Triëu, tôi xin kể ngày trước tiên điều Đức Bảo-Dài đã cho giảm cái "lạy". Tôi chắc các ngài còn nhớ: năm 1932 trước khi Hoàng-thượng hội loan và khi còn ở Marseille, quan Thương-Thư thuộc địa Albert Sarraut có tàu với Hoàng-Thuơng: "Hoàng-Thuơng sẽ gánh một gánh nặng nề là phải tuân theo cơ tục, ngài phải làm cho một nước cõ; hòa ra một nước kim..." Chắc các ngài đã nghiêm thay cái "khó khăn"
trong cái «thuyết» ấy. Phải, làm một ông vua
tàn-thời, mà phải tuân theo cở-tục, phải làm
một nước cỏ hóa ra một nước kim... Theo
dược máy điều «di dời» ấy không phải là để
dâu; Nhưng Đức Bảo-Dài dụ nghị-liệu, trả lời
mấy câu «hay, bằng cách cho giảm cái «lay»;
ý thường cho máy lề «tam·khâu» nghĩa là
ba xã (hay ba vai) thay vào.

Về dịp cái cách giảm cái «lay», ông Henri
Le Graulcle, trong cuồn «Những thời-ký
trong-dài của nước Việt-Nam trong lúc hội
xuân» có viết: «Thiết như le Đại-Triều-nghi
là theo cỏ-lề đã trái máy muối thể-ký, mà nay
giấm cái lay là sự cốt-yếu trong lệ ấy, cùng
là một việc cái-cách rất quan-trọng trong
phong-tuc và nghi-tiết làm. Chắc là trước khi
giấm việc lay ấy, Hoàng-thương cùng suy đi
nghiêlai nhiều lần, cho nên trong hôm ấy mong
9 rang 10, đã khuya làm các quan trong-
Triều mới tiếp được giấy báo Lê biên-báo. Song
ghe thiên-ha dồn, thời Hoàng-thương giảm
cái lay, vì nghe Củ Võ-Hiền tâu (Củ Võ-Hiền
Củ năm ấy đã 70 tuổi mà làm Thượng-thư đã
ngót 35 năm. Có lẽ Củ là một tay chính-trị
lão-thành, hiệu rõ thời-thế nên khuyen: Ngài
bố lay, vì số e Ngài đã theo lạy-học mà chịu
ngồi trên ngai cho hết thảy các quan qui và
lay năm lay, thi trong báo-gọi có người lay chuyện ấy làm xua, mà dĩ-nghi chẳng? ». Vây mà chính Đại-triều-nghi về dip Hoàng-thương hội-loan, đã có biên-báo bố lay, mà còn xảy ra một chuyện sau này: Các quan dựng chức ai này đều xa ba xa cả. Xong đến lượt các quan hưu vân thanh-phúc hành lê, có một vị cụ đệm-nhiên qui lay rất thông-thánh, thân-nhiên như không!


và ở các Phú, Tĩnh, Ñao; mà chỉ dùng hương, nến, trầm, trà và hoa quả. Khoản thứ hai: Xin giảm các lễ không quan-he, hoặc tập-tục theo Tầu như lễ cùng Tam-dương (mồng 5 tháng 5); lễ cùng Tam-nguyên (rằm tháng 7, tháng 10); lễ Thất-tịch (mồng 7 tháng 7); lễ Trùng-thu (rằm tháng 8); lễ cùng Trùng-duong (mồng 9 tháng 9); lễ cùng Đông-chí (theo âm-lich); lễ Lập-hương (22 tháng chap), lễ cùng Thương-tiều và Trừ-tịch (30 tháng chap)
Gặp các lễ kinh-hĩ và ngày «Đặng» thời xin dùng toàn thanh-phúc (áo từng gấm hay hàng mẫu xanh); còn các lễ «ky» thì dùng áo thùng đen (1). Ngoài ra quan Thương-Thái còn tàu xin Hoàng-thương giam máy khoán nưa, nhưng không hề-trọng bằng máy khoăn trên. Quan Thương Thái thảo tổ «Phien» tàu về việc xin giảm ấy có lực theo hạn-học, kể Kinh-dịch: Đông lần chỉ sát ngưu, bất hư tàu lần chi trước tế.» 東鄰之殺牛不如西鄰之緩祭.

1) Ô Huế áo thùng gọi là áo rộng.
Nhà kia tùy grief trâu để tế, không bằng nhà này tế lê bác mà theo thời). Kinh Thi nói: Thần vô thương hướng, hướng vu khác thành (Thần thành không nhất định hướng chỗ nào, hễ chỗ nào có lòng thành thời hướng).


1) Minh-y = áo giấy để dót (do mả)
chوء phán-mò thời chỉ lấy lòng thành-kính với một cảnh hoa, một vòng hoa cùng dù nghìa «Hưu thành tắc hưu thân» 有 諸 則 有 神 Quan Thường Thái nói rô-ràng và hổp lề. nen những khoảng kể trên đã được Hoàng-thương chầu-phê « Chuẩn-y cho-thi hành ngay. » Nhưng hồi ấy nhiều dân ở Trung-ký dồi lâm là Chính-phủ Nam triều cảm că mọi sự tế lề trong lang; các tế lề các dinh chúa của dân xã theo tục lệ của dân, thời «nhà vua» đâu có cảm; thật các ông lý ông xã lại được một dip nói kheuch: «Việc vua thua việc lang.»

Bây giờ tôi xin nói đến một lề lớn và trong thể nhất nước Nam là « Lễ Nam Giao ». Tế Giao có hai nghĩa:


(Bùi-huy-Tín)

Tế Giao còn một ý-nghĩa nữa là đáp lại ơn Trời. Trời sinh ra muốn vật, vậy làm người phải biết ơn.

(Vù-ngọc-Phan)
Tế Giao nguyên gốc từ thượng-cô, còn về nhà Chu thì đến tiết đông-chi tê Trời tại gò hình tròn, và đến tiết hạ tê Đất tại gò hình vương (Đời bây giờ người ta cho là Trời thì tròn mà đất thì vương) Đến đời nhà Minh, Vua Thái-tô thấy tê Trời, tê Đất ở mọi nơi khác nhau mới nói:

« Vua coi Trời như cha, coi Đất như mẹ; tê cha, tê mẹ mà chia làm hai nơi, lòng con sao dành! » Jū đãy mới có lẽ tê Trời. Đất & chung một nơi.

Nước ta dưới triều nhà Lý, Vua Anh-Tộn theo các bậc đề-vương bên Tầu cùng sắc đáp viên-khấu (gò tròn) đê tê Trời. Từ đây (tức là thể kỳ thư XII) nước ta mới bắt đầu có tê Giao (1)


* * *

DÀN Nam-Giao điện-tích hon mười mâu tây. Xung-quanh có thành xây bằng đa, bè thượng gần 400 trước tây, bè hoàah độ

255

LUỘC KHÃO VỀ

Bốn phia đều có công. Cùng chỉ có bốn cái trụ với cao độ 5 thước tay, xây cách nhau hai, ba thước, không có cửa đồng. (Nên hàng ngày người đi qua lại thường dừng nơi này làm con đường tắt.) Trước bốn cửa tiền, hậu, tả, hữu, đều có bình-phòng lớn bằng gạch, bè trọng mưoi làm thước tay, bè cao hơn năm thước. Vừa qua bốn trụ với thời đến một nơi thống (1) moc chi - chit, nhưng có hàng lối; rọi thấy

1) Có sách chép lại rằng:
Những cây thông tại dân Nam-Giao là do đức Gia Long sắc trồng từ năm 1805 (trước khi xây dân Nam Giao một năm).
Trên thể đã có cái lải khác cả một bài thơ, vị dự bài tư-ngôn: « Linh khi tri ho, vư lợ trườn kiến; Tự nguyệt trườn tài, kõi chỉ hữu diệu. »
Thể đã khác bài thơ này, mặt bên kia có khác may chữ: Minh-Măng thập ngũ niên giáp ngọ cung thuyễn.»
một cái dàn (esplanade) ba từng:

Từng thứ ba (kề theo thứ-từ từ trên xuống) hình vuông (phương - dàn) mới bè hơn 160 thước tay có lan can sơn với màu đỏ.

Bốn góc có tròn bốn cây được từ (lieu tru) (1) cao táo sâu thước tay, đột sang rực đỏ. Cách tháp được này khiến ta nhỏ lại cach sinh-hoạt của người thương-cô.

Trên từng thứ ba có một chỗ gọi là «liều-sô», trồng xa từa như cái giếng, xung quanh có bỏ cây cao đó tám muối phần tay, nhưng tới gần mới biết là không đâu xâu, đúng để thiếu một con nghê (trâu con) dương khi hành-le. Đối với liệu-sô, có một chỗ gọi là Ê-sô chỗ để chọn một ít huyệt và lồng con trâu (như lối yểm-phép). Trên từng này có dựng một cái nhà (bô lề gọi là Đại thứ), chỗ để Hoàng-thương nghi chấn, sau khi ở Trai-cung sang.

Từng thứ nhi cùng vuông (Phương - dàn) mới bè đó 45 thước tay, lan - can sơn với

1) Lieu-tru: Được làm bằng mạnh tre khó bỏ lại, trong có bố thêm than và mạnh thủy-tính Văn nhỏ, rọi tần dâu, vi vậy đỡ được lâu suốt sáng. Được buộc ngang trên cot, gió thời dừa đi dừa lại chip chơn... Ngon lừa bỏ tháp nhưng khối có lề bay lên thâu từng may xanh...
mẫu vàng. Ở trên có dung một cái nhà tran-
thiết cũng màu vàng. (Bồ lề gọi là Hoàng ốc)
có tầm hướng-án phụ (từng dân bất án):
Bên tả bồn án thơ Thiên-Thần :
Đại-Minh-Chi-Thần (mặt trời)
Châu-Thiên-Tinh-Tú-Chi-Thần (các vị sao)
Vân-Vũ-Phong-Lợi Chi-Thần (mây-mưa-gió
sấm)
Thái-Tuệ-Nguyệt-Tưong-Chi-Thần (nắm và
thắng)
Bên hữu một án thơ Thiên-Thần :
Đà-Minh-Chi thần (mặt trắng)
Và ba án thơ Địa-Thần :
Kỳ-Lăng-Phận-Diên-Chi-Thần (Lặng, dồi, dòng
bằng)
Thiên-Hạ-Thần-Kỳ-Chi-Thần (Vì thần coi
trong thiên-hạ)
Một án thơ chung nhiều vị Địa-
Thần như :
Son-Hải - Giang-Trạch - Chi-Thần (núi, bể,
sông, đầm)
Triệu-Tưong-Son-Chi-Thần (vì thần coi làng
Đức Nguyễn-Kim ở Thanh-Hoa)
Khải-Vận-Son-Chi-Thần (vì thần coi làng
Đức Nguyễn-Hoàng)
Hưng-Nghiệp - Son-Chi-Thần (vì Thần coi
làng Vua sinh ra Đức Gia-Long)
THIÊN-Thọ-Sơn-Chí-Thần (vì Thần coi là
Đức Gia-Long)
Hiếu-Sơn-Chí-Thần (vì Thần coi là Đức
Minh-Mang)
Thuận-Đạo-Sơn-Chí-Thần (vì Thần coi là
Đức Thiệu-Trị)
Khiêm-Sơn-Chí-Thần (vì Thần coi là Đức
Tử-Dức và làng Đức Kiến-phúc)
Hồ-Thuần-Sơn-Chí-Thần (vì Thần coi là
Đức Đóng-Khánh)
Ứng-Thuần-Sơn-Chí-Thần (vì Thần coi là
Đức Khải-Dinh)
Mỗi hương-án «tùng dân» có bày sấu
tận và hai long màu vàng hoặc xanh. (Vàng
thuộc về Thổ-Thần, xanh thuộc về Thần-
Thần.)

NỮNG án thơ Thần-Thần đều son màu
xanh, án thơ Địa-Thần đều son màu
vàng.
Từng thứ nhất, hình tròn (đường tâm-
kính (diameter) 41 thước tay), lan-can son
với màu xanh. Từng này thường gọi là
Viên-dàn. Trên có ráp trần-thiết màu
xanh (Thanh-Óc). Viên-dàn có bày mờ

MỸ-THƯẤT VIỆT-NAM

Bên tả, một an-thơ đất (Hoàng-dia ky) và bốn an-thơ Đức: Tự-Dực, Đồng-Khánh, Kiên-Phước, Khải-Đính.

Sát lan - can viễn-dàn có treo hai mươi tâm ngọn đến biểu-hiệu nhị-thập bát-tứ:


Khi tế giao (lễ chính và lễ tập) viễn-dàn
cỏ vài xanh quậy kín chung quanh (1). Tài từng xưa trù một vài vị qui-quan bên Bảo-Hồ có giấy mới tôi dự, ngoài ra không có ai; còn phù-nữ thời nhất-thiệt không ai được phép tôi xem hôm chính-lễ.

... 

Lê Nam-giao là một lề lớn và trọng - thế nhất ở nước ta. Ba năm mới có một lần, theo âm-lich thời nhằm vào năm Tý, Mão, Ngọ, Dậu.

Bố Lê-ghi và công-tác trù tính về việc này từ bây tấm tháng trước. Tuy vậy chỉ có một ngày chính-lễ. Còn sự xếp đặt trước ngày lễ Nam-giao đó hai tháng thì thường theo thứ tự như sau này:

Lê Nam-giao kỳ nào cũng vào tiết xuân (tháng hai) nên đỏ đâu tháng giêng, Khâm-Thiên-Giâm lựa một ngày Hiệp-Cát trong ba ngày Tần, rồi tàu lên Hoàng-Thường; Nếu Hoàng-Thường chuẩn - y, ngày ấy sẽ là ngày chính lễ Nam-giao. Ngày xưa có lẽ xin quê (xin âm-duong). Trên dân Nam-giao, một vị quan mặc áo thể, mưu, bia chính - thể

(1) Dùng huynh-khung-vũ lợp và quậy vài xanh dã bất đầu từ Triệu Minh-Mạng.
dùng trước hương ăn khán xong, deo hai đồng tiền đồng; Nếu một đồng sắp một đồng giữa thời, được. Nếu hai đồng cùng sắp hay hai đồng cùng giữa, thời phải khẩn lại để xin về ba ngày Tân tháng sau. Nhưng lẽ này đã bỏ đến bốn mươi năm nay.


Trai-cung là một toa nhà rộng rải có chữ thiết triều, có nhà trá, nhà bếp v.v. ở cánhแดน Nam-giao về hướng Tây.


1) Cung kiểm: coi sóc, tinh, soát các lẽ-vật bày trên hương-ấn.
(1) hai vị hành nghi (2) một vị đọc chức (3) hai vị chấp sự (4).

Lễ kỹ cáo xong, quan Khâm-Mạng trở về Đại-Nội phúc-mạng.

Lễ cáo thinh phổi-thần tại chánh-án miếu Thái và các miếu-Thể (ở trong đại-nội) thời do một ông Hoàng-thần và mấy ông Tồn-trước đã được Hoàng-thưởng cử.

Miếu Thái thờ đức Thái-Tồ Gia-Dư Hoàng Đế (Nguyễn-Hoàng).

Các miếu Thể thờ:
- Đức Thể-Tồ Cao-Hoàng-Dế (Gia-Long)
- Đức Thành-Tồ Nhân-Hoàng Đế (Minh-Mạng)
- Đức Hiền-Tồ Chưởng Hoàng-Dế (Thieu-Trị)
- Đức Đức-Tôn-Anh-Hoàng-Dế (Tự-Dực)
- Đức Cạnh-Tôn Thuận-Lý Hoàng-Dế (Dong-Khánh)
- Đức Giang-Tôn-Nghi-Hoàng-Dế (Kiên-Phước)
- Đức Hoàng-Tôn-Tuyên-Hoàng-Dế (Khải-Dình)

Trước khi dựng các nhà ở viễn-dân (từng thứ nhất), ở đệ-nhi thứ (từng thứ nhi) v.v. đều có làm lễ cáo vị Thần Tự-Công ngày giờ cũng do Khâm-Thiền-Giám xem.

---

1) Cung hầu : đứng hầu khi tế
2) Hành nghi : xuống lề trong khi tế
3) Đọc chức : đọc văn tế
4) Chấp sự : mang các lề vật
Trước ba ngày chính lễ, mấy ông quan bộ Lê lên dân Nam-giao hành lễ. Hôm ấy có làm một con đê, một con:len, một con bố, và một con thủ rừng, hoặc hươu, hoặc nai.. (Cùng xong, thít bò con vật ấy sẽ dùng để làm nem, cha, trẽ ; Làm trước ba ngày để hôm chính- lê vừa dùng được).

Hôm chính lê thôi, làm muối chú con trâu (muối một con nghiê và làm con trâu được lơn), sau con lơn, sau con đề, và bày chia ra các ăn như sau này: muối con nghiê bày tại vien - dân, sau con trâu được, và sau con lơn, sau con đề bày tại sau từng dân; hai từng dân kia, bên lá thơ mất Trời (Đại-minh chi-thần), thời chỉ cùng mỗi án một con trâu được to không có lớn đề. Còn một con nghiê nứa thôi dùng để dọt ở phần-sài.

Những việc mở trâu, lơn, đề, thời xoài, xếp đất cỏ bàn, điều làm tại hai nhà Thần-trù và Thần-khô. Hai nhà này ở khít dân Nam-giao về phía Đông. Những việc mua trâu, lơn, đề, chần nuôi trước ngày té, cùng việc lựa chọn giao nep để thời xoài, la do bộ Lê với ban Khoa-dao sảnh sóc trong côi kỹ - lưỡng. Còn những chức cung-trừ (1), Tính-thị (2). Phân-

1) Cung-trừ : Tế thay Hoàng-thường khi ngài mở một.
2) Tính-thị : Xem xét việc làm lễ-phảm.
hiện (1). Dư-sử (2). thời do Hoàng-thần, Tôn trước, văn (ngũ phạm trở lên) vô (từ phạm trở lên) sung nhân câu. Ngoài những chức kê trên, còn có hai chức nữa: Phò-liên (3) và Lưu-kinh (4)

* * *


Về tục này có kẻ chuyên rằng: khi xửa ở bên Tẩu người ta có thấy một pho tướng bằng đồng, trong rong, nội lệnh bệnh trên mặt nước ở biển. Nước biển chảy vào trong pho tướng ấy, rơi phun ra đang miệng và mũi những tia nước xanh biếc và trong trời.

1) Phàn hiện: Hành lễ tại từng dân bất-an.
2) Dư-sử: Phản-hành không nhất định trong việc tế.
3) Phò-liên: đi phò bên ngũ-xa.
4) Lưu-kinh: Trọng nom kinh-thành khi Hoàng-thương mắc việc tế Nam-giao.
Người ta lấy đây làm tiêu biểu cho sự thanh-tính.


Qua ngày hôm sau, bộ Lễ thứ dạo sắc-du ấy về dế nap tại cơ-mặt, rồi các bộ sao, yết tại quan-thự của các quan chấp-sứ và bồi tực phải trai-giói trước ba ngày chính lễ. Trước chính lễ một ngày vào khoảng 8 giờ sáng, Hoàng-thường ngũ đại-giả lên trai-cung. (1)

1) Trong cuốn « Minh-Mang ngũ chê thi » có một bài thơ « Trại cử ngày vinh » như sau này:

Trại cử truyen di kính tri thân
Trực tạo linh - đại vật dực tran
Phần diên thi thư liêu tác bản
Văn tâm diéc khá dối dòng-nhan.
Bài thơ này ông Trần-hạm Tấn có dịch nôm:

Tho ơ trai cung

Một niềmm trai kính giữ mình ta,
Tự quyết lòng Trần sách sẽ ra.
Phần diên thi thư thường kết bản
Người dông nhìn mắt then chỉ a l

Đám ruốc Hoàng-thượng từ Đại-nơi lên trai-cung chia ra làm ba đạo: tiên-dạo trung-dạo và hậu-dạo.

Tiên-dạo có:

Trung-dạo có:
Chiêng, trọng, tàn lòng, có xi... ngoại ra có


Sau khi Hoàng-Thuướng tới Trai-Cung, các vị phán-hiện, thi-lập, chắp-sư... đều không được trở về nhà, phải ở lại trong những dân nhà do bộ Công - Tác đã làm từ trước, đề tri-trai (mấy bừa các đề dùng chay thường do một nhà chưa Trọng nom nâu-nương)

Đến hôm chính lễ vào khoảng giờ Tý, Hoàng-Thuướng vận áo (cọn), đội mũ (miện). Áo (cọn) màu tím thắm, tay rồng và dài, có thểu mật
trắng, mặt trời, hình bát-quái, hình ngũ-hành chim trĩ v.v... Những hình này hợp lại, tiêu biểu cả vũ-trụ. Dưới lung, Hoàng-Thương văn một cái Thương tức là cái Xiêm, màu vàng và có xếp nhiều nếp, kèm theo phía trước một miếng Tế-tất phía sau lung một miếng Đại thô, còn hai bên xuron deo lăng xưởng mỗi bên một chuỗi giấy vàng (tập bối) hình khăn, hình vương... toàn bằng châu-ngọc; ngoài ra còn có giấy đại-dài chỏang qua ngực và cách-dài thật ngang lung cũng có đỉnh châu-ngọc và dát vàng. Nhờ có tiếng dũng-dinh của những miếng ngọc, giấy vàng ở chuỗi tập-bối va-cham vào nhau, Hoàng-Thương có thể tự biệt là Ngài đã hành-lê mau hay chăm, khéo hay vung.

Hột Ngọc Hoàng-Thương cảm gọi là Ngọc-trần-qué mủ (miên ngoài đôi, làm theo lối bình-thiền nghĩa là trên đỉnh có một miếng vuông và phẳng, mặt trước và mặt sau có mồi hai chuỗi ngọc rủa xưởng.

Hìa, dế dèn và ông cao cùng màu tìm thắm.

Hoàng-Thương ngự Ngọc-liễu từ Trai-cưng qua cửa Tây, lúc bảy giờ chuông ở Trai-Cưng đánh mãi đến khi Hoàng-Thương vào tối dân Nam-giao thời thời. Đì đâu có thỉ-vệ cảm đến lồng, quạt lồng, hai quan vô cảm kim-khiêm và mấy vị đại - thần... Đạo - ngư
quanh sang hướng Nam, rồi lên từng thứ ba đan Nam-giao. Thang dụng lên từng thứ ba đan Nam-giao chia ra làm ba phần: Chính giữa và bên tả bên hữu cùng như mọi thang khác nhưng chính giữa không phải để Hoàng-Thuồng lên, và hai bên không phải để các quan văn võ dùng. Chính giữa, là « Thần-Ngũ lò » Hoàng thương đi bên, nhưng các vị Thần và các đẳng Tiên-Dể thờ tại Viên-dàn, đi thang chính giữa.


Xong Hoàng-Thương sang Hoàng-đất làm lẽ nghênh-thần trước ngoại-hướng-án: Ba hồi trong vừa dứt đến ba hồi chương nghệ rất cảm-dòng; kể tiếp đến những tiếng xương té to-tát của các vị nói-tán, thông-tán... Khi các vị này xuống: « Phản sai! », thời có dót mot con nghệ tài liệu-so (về máy triều trước dùng toàn gổ quẻ để dót) và chơn yếm một ít lòng và huyệt con nghệ ấy ở một chỗ gọi là « Ế số ». 

dối thông tán xuống mà hành lễ.

Hoàng-thương làm lễ tại viên-dan thường đứng trước nơi hương-an. (Hương-an này bày trước hai hương-an thờ Trời (Hiếu-Thiên Thường-Dề) và thờ Đất (Hoàng-Dịa-ký).


Phúc-tửu sau khi cùng tại viên-dắn, về phần của Hoàng-Thương thời dề rieng, còn dực để trong một cái chroe có niêm cần-thần. Tối ngày hôm sau, lề Giao đã xong, tại bổ Lê, các quan định-thần thường họp lại đông tiếp ăn mừng Lê Giao đã xong, còn con hát vui vẻ và dùng rượu « Phúc-Tửu ».

Trước khi tế, các quan thì-lập theo thứ-tự cung-kinh cắt khẩn lừa phụ trước các thần bài (đi xura những thần-bài gần tế mỗi việt). Hoàng-Thương lên viên-dắn làm lễ « diễu

Hoàng-Thương cung-kinh cảm hợp bau dụng hai viên ngọc, nâng lên ngang tranh, xã, đoạn trao lại cho hai vị tôn-trọc rồi ngài lạy bốn lạy (lê hiện bạch cung tướng tự).

Lê tiễn tro (dáng trâu thur để trên bàn có giá gọi là « tro »). thời hát khúc « Tiễn-thành ».

Lê so-hien (dáng rươu lấn thur nhất) thời hát khúc « Mây-thành ».

Dưới từng thứ ba giao-dàn, trước Hoàng-ôc hon nam muối « vỗ sinh « vua mua vua hát tay cảm « can » (cái móc) tay cảm « thích » (cái búa).

Trên viên-dàn, Hoàng-Thương qui, một vị đọc-chúc đọc bài chúc-văn (1)

Lê á-hien (dáng rươu lấn thur hai), phải hát

1) Chúc-văn để trên một cái giá sơn son thếp vàng (chúc kỳ) có lừa phủ, khi đọc xong, lại phủ khăn lại, đợi té xong mang hòa ở trong một cái lự đông to kẻ ở gần lieu-sơ.


Hoàng-thương xuống để nhân thành làm lề bồn lạy trước ngoài-hướng-án để tổng thân. Thời hát khúc kiên-thành.

Hoàng-thương ra chỗ vọng-liệu để xem đọt tờ chức-văn và các đồ cùng khác. Thời hát khúc Hựu-thành.

Tế Nam-giao đến đây là xong.


Tế Nam-giao rất nhiều phép-tắc khắc-khăn, nên trước ngày chính-lề có tề tập Bựa tề tập, ai xin phép, có giấy, đều
duộc vào xem, còn bừa chính-lể thời vào cửa rất nghiêm-nghặt.

Số tiền chỉ tiêu về việc tể Nam-giao năm Bình-tý (1936) tôi trên một văn động, vậy mà so với số bạc ngày xưa, vi-tết đã được một phần tư.


Ngày chính-lề, hai bên tâ hưu Ngu-lộ có
bây hàng giấy hương-an, đèn, hương, tràm dốt nghi ngút. Những hương-an ấy là do các xã, thốn thuốc phủ Thừa-thiên mang bài-liệt. (Về đổi máy Triệu trước, các kỳ-lão, về díy nay phải khán áo chính-tẻ, qui lay hai bên đường. Từ khi Đức Bảo-Dài du học bên Pháp về, thời Ngài phế cho miến sự qui lay ấy.) Ngoài ra Hoàng-Thương còn cho giảm sự g蕙 trâu, dót to lua v. v...)

Đọc qua đoạn này ai cũng có thể hương-trọng đến một cảnh nào nhiệt tai dân Nam gia o, nào các quan đại-thần, ăn quan, mủ, áo hia chính tẻ, nào các vien bố-thước áo xanh, bái ngả, lai thêm đến hồng hai tràm ngoại vữa linh hạ ban, vir giả linh l咦-thiền, võ-cang, nhạc chảnh, tẻ sanh, tẻ-tư trước ngày chính-lẻ bốn ngày để làm mọi việc...

Ở nước ta, không kề người có tuổi, ngày như các câu học trò, thời câu nào đa cấp sách đi học. dù không phải quan ở Huế đều biết qua về sự hành-lẻ Nam-giao. Vi từ lopol số-dang học-trò đa học trong quyền Luận lý gia o khoa-thur, một bài nói về về Nam-giao.

Có lẽ vì thể Nam-giao ai ai cũng am hiểu và nhiều người chú-y đến, nên ngoại những bài ca-dao, còn có nhiều bài thơ, câu đối lấy đề về lẽ Nam-giao.

Có một về câu đối ra để rằng:
« Tế Nam-giao tây bắc về đông. »
Câu này nghĩa là tâm thương:
« Về dịp lễ Nam-giao người Pháp ở Bắc-kỳ về (Huế) đông lắm! ». Nhưng đôi cho trời cũng không phải dè, vì trong ấy có bốn chữ: Nam, Bắc, Tây, Đông!
Thưa các Ngài, tôi hậu chuyên các Ngài đã hon một tiếng đông hồ, nên tôi không đảm thư các Ngài lại lâu; và lại lần này là lần đầu tiên, tôi được hân-hạnh hậu chuyên các Ngài, thường cũng mong không đến nơi bị phê là « dài giòng văn-tự »!
Vậy trước khi dùng giấy cảm ta cải lòng rộng lượng của các Ngài đã đối với một người vung nói truyền, tôi chỉ xin nhắc lại: Tế Nam-giao năm Bính-tý, vào mùa xuân (17 tháng hai) theo đường-lịch thời nhậm vào ngày 10 Mars.

**
Sáng ngày 16 tháng 2 năm Bình-tý
(9 Mars 1936)

Dự Bào-Đại ngự Đại-giá lên Trai-cưng
Hôm sau hai giờ sáng Hoàng-thường hành lễ Nam-giao


TIẾN-DẠO

SÁU viên-bính (3 chánh-phó quan, 3 xuất-dời) ; Hai linh cầm Ngự-tương-tiết ; Hai linh cầm ngũ-tương ; Hai voi, mỗi voi bốn linh kèm ; Năm linh cầm cốt ngũ hành ; Một cái chiężng do bốn linh khiêng, và một người đánh ; Một trận do bốn linh khiêng, và một người cầm đội ; Mười viên tuần sáu outbreak ; Ba linh mang trưởng ngũ-lời ; Hai linh mang chửm-chởe.
Tổng cộng 131 viên-bình.

* * *

TRUNG-ĐẠO

Mười viên-bình (3 chánh-phó-quản, 7 xuất đồi) một xe tут-mả, có hai linh hưu; mươi hai linh kỳ-mả; năm linh mang có Ngũ-hành; sâu linh về ban nhà nhã; tám linh mang có bát quái; một long-dình «Phúc-từu», bốn linh khiêng và hai linh che lòng; Bốn linh mang có Châu-tuộc, Huyền-vô, Thanh-long, Bạch-hồ; mươi hai linh về ban Đại-nhãc; Hai linh mang Loan-ký; Hai, linh mang Thanh-đạo-ký; một
Châu-án Phúc-tửu, trên che tàn Cửu-long; bốn linh khỉng; Tầm linha mang tàn; sau linha mang quạt; Hai ngủ-mã, bốn linha hâu; một Long-liên, muội hai linha hâu; Hai linha mang Kinh kỳ; muội linha mang Tú-kỳ; Hai linha mang tàn «Cửu-long»; Bốn linha mang có Nhật, Nguyệt, Phong, Văn; muội linha mang lộc-bồ, muội linha mang Long-kỳ; một Thị vệ linha mang có Tả-dao, Muội linha mang chấn-tường; Muội linha cảm chẳng; Sầu linha khỉng một long dinh Kim-bửu; Sầu linha vẽ ban nhà nhạc; Bốn linha mang tàn; Bốn linha mang quạt; Sâu vị thôn trước mang Ngọc-tiết; Bốn muội tuần bình; Một Long-dịnh trên đề tướng Đông-nhan bốn linha khỉng, hai linha mang long đi bèn; Một Long-dịnh trên đề bồ cơn-mién, bốn linha khỉng hai linha mang long đi bèn; Một Long dinh trên đề ngũ-phúc, bốn linha khỉng hai linha mang long đi bèn; hai linha mang đèn-lồng; hai linha mang hương-bấp; Hai linha mang để-lồ; hai linha mang phát trận; Hai linha mang Vụ-phíên, Hai xuất đối mang Kim-kiem; Hai viên thị vẻ mang ngũ-kiem; Ba muội tâm linha hâu ngũ-liên (Trên Hoàng thương ngữ) bốn linha mang long vàng; Muội hai linha vẻ ban nhà - nhạc; Tầm linha mang Môn-kỳ; một linha kéo ngữ - thủ
xa, một linha di bên; Hai linha mang lòng; Hai muối linha mang Hoàng-ky
Tổng-công 375 viên-binh.

* * *

HÀU-ĐẠO

Năm viên-binh (2 Chánh-phó quân, 2 Suất đổi 1 Suất - đổi tuân - bình); Năm linha mang có ngủ - hành; Hai lệnh-chính cô, tám linha khiêng và hai Quyền-suất đi bên; năm linha mang có Ngự-trần (ở giữa là trung-trần, hai bên có Nam-trần, Đông-trần, Bắc-trần và Tây-trần); Muối sau linha mang Long-ky; Tám linha mang phương ky; Bốn muối linha mang Giác-ky... Rồi đến các vi Hoàng-Thần, Tôn-Nhân, Văn-Võ đinh-thần, Sau cùng hai voi và tám linha kèm.
Tổng cộng: 114 viên-bình
Hợp-công cả ba đạo : 620 viên-bình.
PHÊ - BÌNH VỀ BÀI DIỄN-THUYẾT TRÊN


Tuy nó là cái văn-de khó khan về lê-nghi, nhưng ông Nghi đã khéo mô-ta rõ-ràng trong hơn một tiếng đồng-hồ, khicher ai nghe cũng rất vui tai. Ông Nghi nói rõ ràng dễ nghe.

Thoạt tiên ông nói về một điều cái-cách
đã thi-hành trong nghi-lễ của Nam-Triệu. Ông nói rõ về sự bổ «lay» của đức Bảo-Dại. Đoạn ông nói đến Lễ Nam-Giao.


Chúng tôi nghe nói tài vần «Cách thức lễ Nam-Giao» của ông Nghị viết cùng sắp xuất-bản do một nhà in ở Kinh-Dò ẩn-hành. Lễ Nam-Giao đang vào ngày 17 tháng hai ta 10-3-36).

Ngô-Báo

C UỘC diễn-thuyết tôi qua tại Hội Tri-Tri:
Như lời bản báo đăng thi hối 9 giờ tôi qua, ông Nguyễn-xuân-Nghĩ kiến-trúc-sư, tổng-sư tại bộ Công-Tác Mỹ-thuật ở Huế có nói chuyện về «Cách-thúc Lễ Nam-Giao».
Tuy là đềm đông gió lạnh lại gần Tết mà số người đến dự thính cũng khá đông. Sau lời giới thiệu của ông Hội-trưởng Nguyễn văn-Tô, ông Nghị bắt đầu nói chuyện. Ông nói linh một tiếng đông-hồ rất rõ ràng, hoat bắc, ở sau điện dân, trên trường có treo một cái bàn-dớ dân Nam-Giao. Điện-giả có cầm cái gay sát trải dàn thính-giả đi coi khắp các bộ-phận trong khu-vực Nam-Giao.


**Trung-Bắc Tấn-Văn**

**B**uổi diễn-thuyết tại hội Trí-Tri Hanoi:

Dừng như tin bản-báo đã đăng, ông Nguyễn-xuân-Nghi phó-hội trưởng hội Quảng-Tri Huế đã diễn-thuyết tới hôm 21 Janvier, tại hội quận hội Trí-Tri phó hàng Quất Hanoi, về vấn đề ‘cách thức tà Nam-Giao’.

Tuy buổi diễn-thuyết ấy vào ngày 27 tháng

Trạng-Án

21 Janvier. Nguyễn-xuân-Nghi. cach thuc tề Nam-Giao (Le sacrifice du Nam-giao) — La belle conférence de M. Nguyễn-xuân-Nghi, architecte au Ministère des Travaux Publics du Gouvernement Annamite, vice-président de la Société d'enseignement Mutuel de Huế (Hội Quang tri), n'est pas seulement le premier exposé méthodique fait en Annamite sur un sujet intéressant entre tous. C'est de beaucoup le meilleur qui ait encore été donné. Les articles sur le Nam-giao, publiés en Quốc-ngu, sont tous insuffisants par quelque côté, les uns, d'ailleurs estimables, réduisent trop souvent la description du sacrifice au cortège et à la disposition des lieux, les autres ont laissé de côté tout ce qui n'était pas en rapport direct avec le rituel et le
détail des offrandes. M. Nguyên-xuăn-Nghi, lui s’est proposé de traiter la question sur toutes ses faces et d’un point de vue strictement objectif. Il a ainsi mené à bien une entreprise dont Trần-tan-Binh avait déjà eu lieu, mais qu’il n’avait pas eu le temps d’exécuter.

Qu’il décompose en ethnographe, les éléments du rituel, qu’il décrit, en technicien, autels et objets de culte, qu’il retrace en sociologue les différentes phrases du sacrifice, qu’il explique, en sinologue, le sens de l’invocation impériale, M. Nguyên-xuan-Nghi est toujours parfaitement à son aise; partout on le suit avec un égal intérêt ce n’est pas assez dire qu’il excelle à rendre claires et intelligibles les notions les plus compliquées et les plus spéciales. Il sait parler à l’imagination autant qu’à l’esprit. parce qu’il sait voir et faire voir, en artiste, les choses concrètes. Veut-il nous donner la sensation d’une Ville en fête, en quelques phrases pittoresques il nous fera entrer dans le Nam-giao. Il nous initie en quelque sorte au rituel du sacrifice; son exposé atteste une double tendance à l’honneur de la science annamite et du public hanoien, science dispersée et presque émiettée dans la presse annamite, condensée
à l'usage des spécialistes dans le Bulletin des amis du Vieux Hué, veut maintenant établir le bilan de ses efforts et de ses résultats, elle trouve, en dehors de Hué, un public curieux et patient qui ne demande pas à la science de se vulgariser pour se rendre accessible. M. NGUYỄN - XUÂN - NGHỊ, s'est d'ailleurs gardé d'accumuler les noms et les termes techniques ; il a choisi les traits essentiels et les faits caractéristiques ; il a voulu faire comprendre plutôt que faire œuvre de compilateur. La conception est, on en conviendra, d'une valeur incontestable...

Il est impossible de décrire le sacrifice du Nam Giao sans donner un aperçu général sur les croyances annamites. Sans doute, la question a-t-elle été souvent traitée ; l'étude des religions, en effet, ne pouvait être négligée par les LURO, les DUMOUTIER et les DIGUET (pour ne citer que les morts) mais M. NGUYỄN-XUÂN NGHỊ se place à un point de vue spécial, et ce qui fait la nouveauté de son exposé ; c'est ce qui en fait aussi l'intérêt pour nos collègues de la Société...
CÁC LÃNG - TÂM
NHA VUA Ở HUẾ
Các lang - Tấm

Nhà của O Huế
CÁC LÀNG TÂM NHÀ VUA Ở HUẾ

(Bài diễn-thuyết ở hội Trí-Tri Hanoi
ngày 10 Octobre 1936)

THUA các ngại,
Đem câu chuyện "làng tâm Nhà Vua ở Huế ra hậu chuyển các ngại, chắc các ngại đã đoán trước là một câu chuyện buồn; buồn vì tôi sẽ phải nói đến "những chỗ nhà Vua đẫm nghị giấc ngàn thu; Câu chuyện không những buồn té lại còn có vẻ khó khan nữa.

Thưa các Ngài, hiện nay đường giao-thông hai xứ Trung-ký, Bắc-ký rất tiện; nên ai ai cũng đã cung chiêm qua nhiều lần các lang ở Huế. Thật là một điều không may cho tôi; vì ngần-ngũ tài có câu « À beau mentir qui vient de loin » — Đi xa về tha hổ mà nói khoác!

Mà từ Hanoi vào Huế thì kẻ không xa gì là mấy!

* * *

Trước khi nói đến lang nhà Vua, tôi xin nhắc lại câu, mà người ta đã nói: (Tức vị trí quan); Nghĩa là nhà vua lên ngồi thời leo lên ngay việc quan quách. Câu ấy đúng với sự thực, vì ở Thần-Kinh Chù-tôn-lăng đều bắt đầu xây từ khi nhà vua còn dang trì-vi.

Nay lại xin cử một kholan luật-lệ về « Lăng các ông Hoàng, bà Chúa, quan lại và mở mà thường dàn »; để các ngài biết rõ, là khi xưa, cái chỗ nghiều cuối cùng cũng liên lạc đến phẩm trước, chức-vi trong khi còn sống. Nghĩa là một người bách-dình dù giàu có đến đâu, cũng không được xây lang to tát như lang các quan-lại.

Đại khái trong kholan luật lệ ấy kế: Ông Hoàng bà Chúa và các quan nhất phẩm thời
dược xây làng trong một khu đất chu- vi rộng nhất là 360 bộ hay nội nóm là 360 bước chân; Nhĩ phạm 320 bước; Tam phạm 280 bước, Tư phạm 240 bước; Ngũ phạm 200 bước; Lục phạm đi hạ 80 bước, còn mà thường dân chỉ được có 36 bước.

Nhu vậy mà một người bạch - dinh đối với mà một người có đời chăm phảm-hàm cũng đã khác

Dưới đây xin lược chich tổ hội đồng (ngày 23 tháng 7 năm Bảo- Đại thứ 8 (12 Septembre 1933) về việc phân giới-hạn ngoài-cắm Chur-tôn-làng.
Hội - đồng cắm không được lạy đá, bạn đá (dùng cốt min (1) để khối thường long-mạch,
Nhu làng Thiền-Thọ hay làng đức Gia-Long thời giới-hạn ngoài-cắm như sau này:
Hiếu-Lăng (làng đức Minh-Mang) Xương Lăng (làng đức Thiệu-Trị) diện-tích cắm hạn

(1) — coup de m’ine — dynamique
mỗi nơi là 475 màu tay và Khiêm-lằng (lăng đức Tư-Dực chỉ có 225 màu).

Theo tờ hội-dòng nói trên thời ngoại-cảm giới-hạn chứ tôn-lăng chiêm một khoảng đất, núi, sông, khe rất nhiều; Địa - thể máy nơi ấy lại thường làm thông, là một thứ cây có nhiều dầu, nên muốn ngàn-ngùa hỏa-hoạn, ngàn sách bồi Cống-tắc mỗi năm có chích một khoảng chi-tiều về việc chính-hỷ chứ tôn-lăng nghĩa là chất cày, đơn cỏ, và tìm cách chủa, nếu có thần hóa tôi quấy rồi.

Khi xua việc canh-phòng rất cần thân, vì mỗi lần cháy núi là có lần quan phó hay quan chánh-sứ thuốc về tôn-số ấy phải xích tay về Kinh chịu tôi!

Ngày nay, luật ấy đã bỏ, vì mỗi làng chỉ còn có một vài nhân-bình thôi có sao cho xiết.

Về mùa hạ thروا có người gõ thanh-la di lần vào những con đường làm thông; họ gõ những tiếng thanh-la đồng nghe buôn buôn, họ đi tuân: Cảm.dot lưu.
KHIỂM-LÁNG TỨC LÀ LÃNG ĐỨC TỬ-DỨC

LÁNG đức Tự-Dức xa thành-phố Huế đó bày cây sô. Xung quanh có tường đá vừa đầy vừa cao, xây cong-queo, theo chỗ đặt thập, đạt cao; nên đến khi ạnh nặng jsonify xế chiều, chiều lên những mảnh chai ông-ánh gân tren tương, thời có người vị vai vây một con rồng lớn!

Qua cửa Vu-Khiêm (1) vào sân, đi một quảng, treo lên thang sể thấy nhà Công-Khiêm và Cung-Khiêm, (2) chính giữa là Khiêm-cung-môn hai tung, tung trên có kẻ một vài sáp son son thếp vàng đã lâu năm. Qua Khiêm-cung-môn đến một cái sân rộng; hai bên tâ, hưu có hai nhà: Pháp-khiêm-vu và Lẽ-khiêm-vu. Sân có bày những thơng báng sự đã lâu năm, men đẹp; trăm đắm và trăm lướiong long trâu nguyệt hay long ám. Rông tuyển năm mộng, tiêu-hiều "Nhà Vua". Chính giữa là điện Hòa-Khiêm nơi thờ đức Đúc-tôn-anh Hoàng-Dệ. Những tứ-khi bày tái đây intégr vật quí: nghiêm, bút, lọ cảm hoa, tụ sách, quống dùng... Duy có

(1) Còn ba cửa nữa gọi là Thương-Khiêm, Tự-Khiêm, Tả Khiêm.
(2) Hai nơi này hiện nay bố Công đã cho dỗ vị hu-nát.
điều ta nên để ý, là mỗi ngày một buổi chứa-hầu do các cổ phùng-chức dăng thau nước, hâu giây, pha trà, tèm dâu... như khi còn sống.

Hiện nay tại Hỏa-khiém còn có hai bá cung-nga: một bá 85, một bá 82 tuổi các bá xắp được thằng chức tài-nhanh.

Phía sau diên Hòa-khiém bên tá có nhà hát Minh-khiém rộng một bể đỗ 26 thương, một bể 17 thương táy. Có người nói khi xưa ban hát tường tại Đây tuyên là nữ-ban. Bởi vậy có người lại nói: cái chơi dương ở một đầu sân hát, có thang lên, và bên phía có mạnh-mạnh che là nơi Đức Tư-Dục ngũ-lấm và ban hối vai dào nào đã khéo trở tải hoặc bằng điều mưa mềm mài, hoặc bằng tiếng ca trong-tréo, hoặc bằng cái liếc của con mất xay xưa ! (3)

Đội nhà hát Minh-Khiém có diên Ôn-Khiém, còn phia sau là diên Lương-khiém noi thơ đức Tư-Dư. (Đức Tư-Dư cũng đã ở qua Khiém-Lăng. Vi năm át-dâu (1885) Tam-cung là ngài Tư-Dư Thái-hoảng-thái hậu sinh ra

(3) Nhưng theo ý tôi thời Nhà Vua lại ngự ra có ở phía trước mặt. Còn cái chơi là chỗ thờ Tổ của ban hát, như nhà Duyệt-Thị ở Đài-Nơi trước khi cải-tạo.
đức Tự-Đức;-ngài Hoàng-thái-hậu là vợ Đức Tự-Đức và mẹ nuôi ngài Dực-Đức; ngài Hoàng-Thái-phi là vợ thứ đức Tự-Đức (mẹ nuôi vua Kiến-Phúc).

Các ngài Thái-hậu nghe ông Tôn-thất-Thuyệt đánh chịu ly-biệt Vua Hàm-Nghi rồi trở về Kinh, vào ở Khiêm-Lăng. Đến khi làm lễ tốn-vương Vua Đỗng-Khánh, thông-trưởng De Courcy cùng uya ông Champeaux lên yết-kiên đức Tư Dục ở Khiêm-Lăng.

Phía sau diện Lương-Khiêm có sân rộng rải và hai bên khi xua có hai toà nhà Dưng-Khiêm và Tùng-Khiêm, hiện nay đã triệt hạ. Cuối sân có cái bè gạch dài hơn 6 thước, rộng 5 thước, thấy sen trên có hòn giả-sơn giang đẹp, có cây cối moọc tốt xanh, xen lăn những tháp, cấu, nho-nhô bắng sủ.

Ô diên Chi-Khiêm bước xuống, theo lăn-can vòng hồ, đời Khiêm-cung có nhà rap Dữ-khiêm-tạ xây một rã chia ra ngoài hồ; cách đây một quãng đến một cái kiểu gạch đứng dề sang nhà Xưng-khiêm-tạ là chỗ Đức Tự-Dức ưa ngâm thơ, thường tráng hay dừng cạnh trúc buồn mới câu cả.

Giữa hồ thả sen có một cái đạo cây cổ mộc rẫm-rap, trong có ba cái chòi Đa-khiêm Tiếu-khiêm và Nhạc-khiêm; nhưng hiện thời chỉ còn chòi Đa-khiêm, hai chòi kia hư nát đã triệt-ha.

Nhà bia ở một bên các diên. Bia đỉnh Khiêm-lăng dở-sờ hơn các lane khác, lâm theo một kiểu kiến-trúc kiến-cô, cót to lát vững chãi và xây cuốn cã, không đứng đến gõ. Tường các triều thần văn-võ và voi ngựa bằng đá, tuy về phương-diên hình-thể thì thơ nhưng xếp đặt khéo và hợp với lời kiến-trúc đã nói trên. Tối đây về buổi chiều mưa ha như gắp gió to sẽ được mục-kích hàng máy mưới cây đai, dung hoa trảng toát cã sán và mùi hương hoa đại sẽ đúc ta trùm-ngảm mơ mộng... Tiếng gió bật mất cả tiếng chuông dòng nhỏ deo lung-lăng trên mái nhà bia-dinh, ngừng nhìn đâm máy đen dang kéo đến ở trên trời: dối cảnh này, ai là người...
không nghĩ tới những bài thi kiệt-tác của ngài Đức-Tôn...

Qua bia đình tới một cái hồ bần-nguyệt rồi mới tới lăng: nghĩa là nơi mà Nhà-Vua nghi giắc ngán thú tự năm 1883.

Qua bờ hồ bên kia có Khiêm-thọ-Lăng, tức là lăng Đức Lệ-Thiên-Anh hoàng-hậu.

số m nên chưa kịp xây làng, dien; mà Khiêm-lăng lại rộng rải nên mới cải Trai-Khiêm làm Chấp-khiêm để thơ ngài; còn làng Đức Kiền-Phúc cũng ở bên đây gọi là Bôi-lăng.

Tại sao làng Đức Tư-Dúc lại có làm lâu, dien các, nào chổ đọc sách, chổ coi hất, chổ câu cá?
— Chinh vì Đức Tư-dúc muốn truyền ngôi cho con nuôi trước khi thằng-ha, rồi ngư ra Khiêm-lăng để bỏ. Theo lệ bên Tầu, thời khi « Vua Cha » còn sống mà đã truyền ngôi cho con, Thời Vua cha được phong Thái-thượng-Hoàng. Nhưng đức Tư-Dúc thằng ha trước khi được phong chức ấy.
XUONG-LĂNG túc Lăng dực Thiệu-Trị

XUONG-lăng xa thành phố Huế hơn 7 cây số, ở tại làng Cư-Chánh, thuộc huyện Hướng-Trà xung quanh không có rừng xay. Hai hò hai bên, ở giữa là đường đi; còn một cái hò nứa phân hai bên: điện và làng.

Trước khi vào điện phải qua lầu Hồng-rạch-môn, rồi tới một cái sán, hai bên có tả hữu phối - đường, và ở giữa là điện Bửu-dực; sau điện Bửu-Dực có hai nhà tả hữu hữu-viên.

Qua bên làng, sẽ thấy một cái sân rộng, tướng các quan văn, võ, voi, ngựa bằng đã dựng hai hàng. Sẩn trên có 2 cột ngã bề bằng đồng, rồi đến nhà-bia. Sẩn trên nứa có lâu Minh-Dực, hai bên có hai trụ-biếp và bốn góc có bốn hòn giả-soan chấp thành hình rồng, lân, rùa, phượng. Trên sân Minh-dực-lâu bước xuống, sẽ thấy ba cái kiềú dài tới 30 thược. Qua kiểú đến
lắng. Lắng đầy là một qualità đất có cây cói mọc xanh um, xung quanh xây trường cao chỉ có một cái cửa ra vào có cảnh dòng và khоя, niêm kỹ-ướt. Gần đầy đồ sâu mưới trước có đường vào Hiện-quang-các. Đường đi hẹp và cây cổ nghiêm, nên ít ai lui tới.


HỮU-LẢNG tức làng đức Minh-Măng

TRƯỚC khi đến Hiếu - làng bằng đường bô, phải đi một quãng đô (đô 10 phút) vi làng ở hữu ngạn sống Đại-giang tại làng Hải-cát huyện Hương-Trà. Đường đi vào làng rộng rải, hai bên làm cây cổ, phần nhiều cố-thự. Nếu đi cung-chiếm về buiten sáng sớm, nhiều khi thấy cả những con sóc lanh-len chuyến cảnh cây này sang
cảnh cây khác, và được nghe những tiếng chim la kêu, khiến ta nghi như đi vào một khoảng rưng mà chính ra chỉ xa thành phố Huế có 11 cây sỏ!

Hiếu - lang chung quanh có thành xẩy.
Mặt trước có ba cổng vào: Đại-Hồng môn, ở chính giữa (có trường hai con kỳ-lân to bằng đa), hai bên là tả-hồng-môn và hữu-hồng-môn. Cửa thường ra vào là cửa tả.

Minh-lâu bước xuống sẽ thấy một cái đồng 4 trụ bằng đồng có rông quán trên đề bốn chữ « Chinh-dài Quang-minh » rồi đến một cái hồ bán nguyệt, ở giữa có một cái kiệu; đầu kiệu có một cái công nửu, bốn trụ bằng đồng và có rông quán, trên có đề bốn chữ « Thông minh chính trực »; rồi đến chính lang dự: Minh-mạng (một quả núi đất cây móc chí chỉ), xung quanh có tường xây (bưru-thành).


Hiếu-lãng nhiều cảnh đẹp, nên phẩn nhiều các nhà hoa-sĩ hay tôi chăm son hoặc về bằng nước thuốc. Nhưng Hiếu-lãng xây theo đồ-bàn chỗ nào cùng đối nhau, vi vậy mất cả về tự-nhiên.

* * *

Đoàn trên tôi có nói đến Bửu-Thành vậy xin hậu-chuyến các Ngài về lễ khai bửu-thành một cái lễ nhỏ, nhưng ta nên biết.

Thế nào là lễ Khai Bửu-Thành.

Thường lễ trước ngày lễ thanh-minh hai ngày, các quan tham-trí, thí-lang bồ lê và Công lên Hiệu-lãng (Minh-Mệnh), Xướng-lãng (Thiều-trí) hội-dổng với các quan thủ-hộ phó-sứ, phung-hộ chánh-sứ lãnh-bình để khai bửu-thành

«Bửu-thành» là cái tường qui. Các nhà du-lich cung-chiếm các làng thường để mất ngôi một bược tường gạch xây chung quanh một quả núi đất chỉ có một cửa ra vào, nhưng có cảnh cửa dòng, then dòng, khóa
đồng, lại có bản giấy hỏi-dòng niềm kỷ-lưỡng. Vày sự bí-mật ở bên trong là những gì? Một người lín hòi cánh cái thanh-la, một tay năm cái dui gõ một hồi lâu, làm rung động cả một vùng đây. Tiếng thanh-la đong kêu vang nơi vang về, dội đã bước thồng, mà tiếng còn vang-vẳng...

Trên một cái chiều quan thụ họ phó sứ, trong chiếc áo thung bằng the màu đen, hai tay cung kình chặp lên ngực, khẩn vi « Hiếu son thanh » xin phép mở cửa bụi-thành để cho linh vào don dép có cái lau... Khẩn xong quan phó-sứ lay may lay, lé tuy giãn-di những cảnh ấy, điều ấy lê bắc mà nghiêm. Các quan thám-trí, thị-lang, phó-sứ... bước lên đến 40 bước đã mới đến trước cảnh cửa đồng, trên có miếng đã trap trong khác ba chữ « Bửu-thành mơn ». Linh bộc niềm cự, trình các quan xem chữ kỳ y nguyên, rỗi mở khóa mở then, tận hai cảnh cửa đồng vào hai bên. Quan lãnh chi-huy bon linh cảm dao, cáo, cuối, vào trong don có, và chất những cây dại móc trên con đường hếp đó một trước tay ở khít về đường. Nơi nóm, đây là một cái năm của Nhà-Vua những không phải là một năm đất, chính là một hồn nủi đất có cỏ-thu, cảnh làm lạ nhiều; có cây chen nhau vi mỗi năm mới có một lần chần người bước tói. Nếu

Cách niềm như sau này: Bàn niềm do một viên thuy - kỳ biên bằng chũ nhỏ, các quan dùng hội đông chỉ việc tháo một chư kỳ. Xong linh lấy vài sô gián lên trên khe hai cảnh cửa đồng, xong gián bàn niềm lên trên lẫn vài xò ấy, rồi lại lấy miếng vài xò khác gián một lần nữa lên trên; gián toàn bằng nhượng cây sung.

Cửa bụi-thành đã niềm xong, quan thủ- hổ phó - sự lại vían áo thùng đen, khùm núm xà may xà lê ta. Đến đây việc « khai bụi - thành » xong; các quan biết phải ứng dung trở về.
TƯ-LARNING (LÃNG ĐỨC ĐỒNG-KHÁNH)


Bên Láng, giữa có một cái sân rộng một bể 32 thước, một bể 26 thước, có nhà bia cũng như mới làng khác có trường quan văn vở, voi, ngựa, bbarang đã, nhưng cách thức tram-trở tý-mỹ hơn các trường ở các làng khác, tơ ra vẻ một cái làng mới xây chưa được bao lâu.

--

TƯ-MINH LÃNG (HAY LÃNG ĐỨC PHÚ-THIÊN HOÀNG-HÀU)

Ở ba cái sân, mỗi cái dài 22 thước tây, rộng do 10 thước, chia làm ba cấp theo kiểu «tam cấp bái đình»; mỗi cấp theo thứ tự cao hơn nhau độ 1 thước,
rồi đến cửa Bru-Thành cũng có thang đi lên nữa. Như vậy tüm đường quan lên sân Bru-thành cao hơn 5 thước.

Qua cửa Bru-Thành và một lần tương nữa thời đến tám, một cái nhà nhỏ một bé 3 thước, một bé 1 thước ruồi. Còn huyện-cung, nhẹ là chỗ huyệt hay chỗ đề huyện (quận tài), thì ở sau mái tận dưới đất (cách tám hôm ba thước táy) và ở ngoài đi vào phải qua một cái hầm dài 20 thước. Phần ngoài rồng thiên, phần trong là hầm ăn sau vào núi đất có trồng cây cuồng. Chinh huyệt hay huyện-cung ở phía sau nữa, bè sau được 3 thước, bè ngang 1 thước 40; bè cao 1 thước 70; Trừ huyện-cung còn hầm ngoài và trong đều lấp đất và trên mặt có lát gạch.

thịnh Ngài nhập huyện-cung — thời Hoàng-thượng vinh thời-xa, các Vương-Khanh, Đại thần rút giấy (nhưng cũng phải cân đến nhiều dự-phu giúp sức bên ngoài, tú-cung mới lần lần vào tôi huyện-cung).

Xong dùng hai viên đá lớn lập cửa huyện-cung và ngoài lập đất. Như vậy tú-cung đã đặt một lần ở đầu thời cũ để yên đây nghin năm cùng không xê xích nữa!

* * *

ƯNG-LARNING (LARNING ĐỨC KHÁI-DỊNH)

LANG đức Khải-Dịnh ở trên một qua núi cao, ở địa hài Châu-ẻ, xa thành-phố Huế độ hơn 11 cây số. Ưng-lảng khác mọi lăng vì tấm và điện thờ ở cùng một nơi.

Throat tiên tôi chân núi, sẽ thấy một cái thang cao đến 7 thước thấy và rộng rải có bốn con rộng mạnh-mề làm chỗ vinh và chia thang ra làm ba phần, chính giữa là đường lên lăng của Nhà-Vua.

Treo hết thang, qua cửa sắt đến một cái
sản rồng mới bè hơn 20 thước táy có hai nhà
« Tạ hữu phó đường ». Rồi đến một cái thang
ngột 30 bực cùng có rồng quân. Tài sản trên,
giữa là bia-dình, hai bên hai trù-biêu mỗi
còn có hai hằng tướng dụng chậu : quan văn,
quan võ, linh, voi và ngựa. Trên sản bia-
dình có ba cái sẫn khác ròi tới Khải-Thanh.
Trong Khải-Thanh có tướng đức Khải-Dịnh
văn đại-triêu ngời ngai, bằng dông, cao ngot
hai thước. Các qui-vật ( ngọc, ngà, vàng, bạc,
san-hô, mắm-nào đều đế trong tụ kinh ; ngoài
ra còn có các bố áo đát vàng, ngư vàng mà
sính-thoại, đức Khải-Dịnh dân văn khi Ngài ngự-
giá Bác-tuân. Trên trùng có treo may cái
vọng-hoa cuộm của các qui-quan bên chánh-
phủ Bảo-hỏ, điều hội tang-nghi...

Láng Đức Khải-Dịnh và đang Đức Gia-Long
thất là trùng-phân nhau, một bên thất so-sài
giản-dĩ, một bên thời cấu-kỹ tìm-mỹ. Các thang
lên, các tru và cả trên nhà đều có rồng và
mày. Lâu công nhất là những vây rồng, lá
cây, cảnh hoa bảng thủy tinh, hay bảng mạng-
sủ. Thủ hối mới ngày một người thợ keo
lấy kim bể được may cái vây rồng ? Mà
Khải-Thanh chi chít những rồng, những hoa,
những lá chấp bảng thủy-tinh. Xem như vây
dù biết sở bạc chi-tiều về việc xây Ung lang
không phải là nhỏ !
THIÊN-THỌ-L-navbar_1 (LẰNG ĐỨC GIA-LONGO)

LẰNG đức Gia-Long hay Thiên-Thọ ở vào một nơi làm núi, nhiều cây, lại có sông, có hồ nên các thấy địa lý đều tin là một nơi đất quý. Nơi ấy xa thành phố Huế độ 16 cây số; muốn cung-chiém phải dùng một quảng bằng đờ, vi tôn-lắng ở về hưu-ngàn sông Tả-trạch.


Điển Thaoai-thành mở bè gần hai chục thousand tay, mặt tiền có lầu 3 cửa ra vào, hai bên có tạ hưu-phơi đường, phia sau còn có một ngôi nhà nhỏ nưa. Lắng Thaoai-thành thôi ở ngay bên cạnh. Trước mắt có một cái hồ sen nhiều hoa nhiều hưởng to hạt và thom nên hàng năm văn tiên Nội.

Lắng Thaoai-thành có 3 tùng sần, rồi đến Bự-thành, giữa có cửa niêm và khóa. Bên
trong còn có một lần trường xây xung quanh rồi đến nhà mỏ bằng đá túc gọi là «thạch-sóc»


Về làng Thoai - Thanh có sách chép rằng: Sau khi quan Khâm-Thiên-Giám đã phân kim lừa được đặt mới tàu đức Gia-Long và Hoàng tử lên tàn noi đề xem. Khi linh dào sau xuống thôi thấy đặt ở dưới là đặt «ngũ sắc» Các quan Đại-thần có mặt tại đấy đều vui vẻ mừng nhà Vua. Duy chỉ có một vị Đại-thần tên là Nguyễn - văn - Thanh, làm thỉnh không nói chỉ cái Nhà Vua thấy vậy mới hỏi, thời 3 Đại thần ấy tàu rằng: Đặt ngũ sắc không lạy gì làm lựa, Chinh ngay tại mổ thần mâu ha-thần cùng có đạt ngũ sắc có còn tốt hồn. Nhất là chỗ này hạ thần còn e bị sét đánh nữa, vậy Hoàng - Đề nên cho lựa nơi khác...

Nhà vua nghe xong, dằng vui hóa buồn, nhưng được Hoàng-tử (túc là đức Minh - Mảng về sau) gạt đi mà nói rằng:

«Không sao, trời chỉ cho sét đánh trên những mỏ mà của quân Tây - Sơn mà thôi,
vi họ muốn tranh quyền cuộp nước!)
Nghe hữu-lý dúc Gia-Long lại vui vẻ và cho khởi công xây lang.
Cách đien Gia-Thành độ 200 thược sẽ tới đien Minh-Thành là nơi thở dúc Gia-Long và Hoàng-Hầu Thiên-Cao.
Một lần thủy-chiến với quân dịch, chinh tay ngàn mạnh bao cát dấy tung thưc quân cò tiến. Trần ấy thắng, nên dúc Gia-Long rất yêu qui. Ngài mất năm 1814, chỉ sinh được hai con trai, nhưng một người mất sớm còn người thứ hai tực là Hoàng-tử-Cạnh.
Đức Minh-Mạng là con ngài thư-phí, nhưng là con nuôi Đức Thừa-Thiên Cao Hoàng-Hậu nên sau được lên ngôi.


Láng Thần-Thổ thì ở gần bên Điện Gia-Thanh. Tình tôi ngày nay đã hơn một trăm năm, nên các tướng quan vẫn vọy vọy qua bằng đã và các thành thang trăm rồng cùng đã lát sần, đều cũ kỹ và nhiêum một loài mùa đen.

Bước lên ba cái sân, tôi Bürü Thành, trong xây hai cái nhà mỏ bằng đã liên nhau: Đây là mỏ đức Thế-tô-cao hoàng-dẹ (Gia-Long)
và đức Thụa-thiên Cao hoàng-hậu (chánh-phi của ngài).

Bên trên Lăng và về phía sau có xây một cái bờ thuốn thuơn và đọc xuống hình mộng ngựa đồ được hơn một trăm thước. Đứng trên gò Chánh-Trung ấy Trước mặt sẽ thấy hai tru-biểu cao ngất, còn xa xa thì những ngọn núi nhỏ nhấp nhô có mấy phù lợp giữa là núi Thiên-thọ, còn tạ, núi mới Bên 14 ngọn và phia sau còn có 6 ngọn núi nữa.) Nhà bia cũng xây trên một ngọn núi thấp ở Bên lang.

Nói tóm lại Điện Minh-thành, Lăng, Bi-dinh đều xây trên núi ca, vì vậy nhiều người đồng ý cùng quan thường Pham-Quỳnh về cấu sau này trích ở bài «Mười ngày ở Huế» đăng trong Nam-Phong tập chí số 10:

HANOI. — 9 giờ hôm thứ bảy vừa rồi, sau khi ông Nguyễn-văn-Tố hổi-trương hội Tri-Tri dùng lên giới-thiều điện-gia với gần 1000 thinh-giả đến nghe ông Nguyễn-xuân-Nghi đềm hết cái mặt thấy một cách tượng tần về các Lăng-tầm của Nhà Vua tại Huế, nội ra khiến người ngồi nghe như trong thấy trước mắt những cái đẹp, cái hùng-vĩ của những dị-tích bất-tử của trời Nam.

Ra về mọi người đều lấy làm vừa vả y về câu truyện của ông Nguyễn-xuân-Nghi.

Ngô-Báo
A la société d’Enseignement Mutuel de Hanoi:

Les membres de la Société d’Enseignement Mutuel, réunis en très grand nombre dans la grande salle de la société, ont entendu, samedi dernier, une conférence des plus intéressantes et fort originales, faite sur les tombeaux royaux de Huê, par un de nos distingués architectes M. Nguyên-xuân-Nghi attaché au Ministère des Travaux du Gouvernement Annamite.

Cette instructive leçon d’architecture fait honneur à l’association et à son auteur dont la culture est vaste et qui avait bien le droit, à son tour, de se livrer à un examen des conditions d’édification des sépultures royales et de l’avenir probable de l’architecture annamite.

Une vingtaine de magnifiques projections, agréablement commentées par l’orateur, a montré le pittoresque du pays. Elles furent mises à la disposition de la société par l’École française d’Extrême-Orient. C’est donc un grand succès qu’a obtenu cette brillante conférence archéologique et historique chaleureusement applaudie.

L’Annam Nouveau
UNE CONFÉRENCE SUR LES TOMBEAUX ROYAUX DE HUÉ

SAMEDI dernier, M. Nguyên-xuân-Nghi, architecte indochinois attaché au Ministère des Travaux Publics du Gouvernement Annamite a donné au local de la société d’Enseignement Mutuel de Hanoi une conférence en annamite fort intéressante sur les tombeaux royaux de Hué.

Ce fut une instructive et vivante leçon d’architecture, d’histoire et d’archéologie, qui intéressa vivement le fidèle et nombreux auditoire de la S. E. M. tant par la compétence et l’élocution facile du conférencier que par l’attrait du sujet traité. D’autant plus que la conférence fut illustrée de très belles projections que l’Ecole française d’Extrême-Orient avait eu l’obligance de mettre à la disposition de la Société.

La conférence de M. Nghi obtint un joli succès. Nous l’en félicitons de tout cœur il est toujours bon de faire connaître et comprendre les beautés et l’âme de la Ville Impériale au public tonkinois.

Patrie Annamite
10 Octobre. Tứ-lâm Nguyên-xuấn–Nghi
Các lăng tăm của nhà vua ở Huế (Les sépultures impériales à Huế) — Sur le point de parler de cette conférence, nous nous sentons pris d’un scrupule ; il faudrait pour le faire convenablement, être critique ou historien de l’art, et c’est ce que nous ne sommes nullement et d’autre part, l’architecture annamite est à tel point mêlée à la vie, imbue des idées religieuses, modelée par les habitudes et l’état social que nous ne dirons pas pour la pénétrer. mais seulement pour s’arrêter avec fruit devant ses œuvres et les goûter avec intelligence, il faut sans doute connaître un peu l’architecture chinoise. avoir visité les sépultures impériales de la Chine. ne pas être étranger à sa littérature religieuse et aux rites sino-annamites. Tel est l’état actuel des études d’art et d’archéologie pour le pays d’Annam, champ ouvert trop récemment mal délimité, à peine défriché partiellement, que nous devrions être à la fois historiens ou philologues. philosophes et grammairiens artistes, archéologues et bien d’autres choses encore, pour nous faire un plan en raccourci de l’ensemble des civilisations écloses en terre d’Annam, vastes aperçus, mais perspectives
un peu décourageantes.

Dans une conférence comme celle-ci les projections son la partie principale, toutes les analyses critiques avec toutes les épithètes laudatives ne remplaçant jamais la simple impression visuelle. Or ici, les clichés touchent à la perfection. Le texte, lui, est un modèle de précision et de sobriété. Toute hypothèque, toute légende est écartée au profit de la seule vérité. On acquiert au cours de cette leçon d'archéologie et d'histoire religieuse une confiance absolue dans le savoir, la méthode, la netteté de l'esprit de M. Nguyên-xuân-Nghi. Il indique notamment quel soin de la beauté les empereurs d'Annam apportèrent jusque dans le travail de simples pièces de bois avec bons sens et quelles mesures ils admirent à décorer les sépultures; le sculpteur et le laqueur, par quelles habiles précautions ils assurèrent l'harmonie de l'ensemble et pour ainsi dire la vie de l'édifice, par quelles incessantes retouches ils évitèrent la monotonie et parvinrent à « faire toujours nouveau un édifice toujours le même ». Sans nier la part qui revient à la Chine dans sa genèse des arts annamites, nous ne croyons pas, comme le font beaucoup,
que depuis l'époque à laquelle les Nguyên transportèrent le siège de l'empire à Huế jusqu'à l'intervention française, toutes les fois que l'Annam voulait produire une œuvre qui ne fût pas d'une exécution grossière, il se trouvât dans la nécessité de recourir aux artistes chinois, soit mosaïstes et sculpteurs, soit architectes et constructeurs. Nous sommes persuadés, au contraire, que les ouvrages d'architecture doivent être attribués aux artistes nationaux. Ceux de porcelaine ou de bronze, à savoir ceux d'un style nettement chinois, exécutés au temps de Minh-Mạng, à des articles chinois, réserve faite d'une part très modeste en faveur des artisans d'Annam ; quant aux sculptures sur pierre dont la force et le style ne font que rappeler les Chinois, elles sont l'œuvre d'artistes nationaux et en premier lieu d'artistes originaires du Tonkin ou du Nord-Annam. " On ne saurait soutenir, écrit M. Albert Maybon dans l'Art décoratif du 20 Avril 1912, que le peuple annamite a copié la civilisation voisine sans y ajouter de son fonds personnel. Peut-être en conviendra-t-on, mais sans manquer d'ajouter que la médiocrité caractérise ses diverses manifestations, si l'on veut. Nous demanderons cependant si cette
médiocrité n’était point le résultat de conditions sociales particulières. La tyrannie impériale, c’est un fait qui a lourdement pesé sur ce pays, paralysant toute initiative, étouffant tout talent, rendant impossible tout progrès. Pour vivre en paix en cet étrange royaume, il fallait être pauvre ou le paraître ; si une fortune était découverte, elle risquait fort d’être absorbée tôt ou tard, d’un coup ou lentement par le trône, servi par des mandarins vigilants. Il importait aussi de ne point se distinguer du vulgaire : si ces mêmes mandarins apprenaient qu’un homme était habile dans une profession, ils le faisaient conduire manu militari à la capitale, où on le condamnait à travailler pour l’empereur ; jamais payé, tout juste nourri, il vivait comme un galérien, jusqu’à la vieillesse entre les murs du palais. Ce n’est pas pour encourager les artisans ! Aussi l’on imagine que tous, tant qu’ils jouissaient de la liberté, ne devaient guère s’appliquer à leur ouvrage — s’ils ne le sabotage pas volontairement afin d’éviter les travaux forcés et la détention perpétuelle.”

On a vu par le texte publié plus haut combien de choses M. NGUYÊN-XUÂN-NGHI a dites en peu de pages. Ajoutons que
l'abondance des informations, la clarté et la précision, ne font pas tout le mérite de sa conférence ; la forme en est agréable, discrètement pittoresque ; il n'y a pas à craindre qu'elle rebute « les lecteurs de bonne volonté ».

Nguyễn-văn-Tô
PHONG - THỔ HUẾ
PHONG - THỔ HUẾ

THUA các ngoài,
Số dĩ tôi giám hầu chuyện các ngoài về sự so-sánh thời-tiệt, tiếng nói, phong-tục ở Huế với Hà-nội là vì tôi vốn sinh-trưởng ở đất Thăng-Long và đã ở nơi Đế-dố làm việc được bấy, tâm nầm.

Bây, tâm nầm tuy là một thời-gian ngạn-ngủi, nhưng tôi đã từng thấy nhiều người ngoại-quốc tôi ở xứ ta đó nuôi thằng hay một nấm dĩ với vãng cảm bút viết những bài khảo-cú, những trưởng nghị-luận về phong-tục nước nhà! Tuy vậy những điều tôi vừa phân-trần chỉ để khuyễn-kịch tôi và làm tôi phấn-khoái, chịu thức ra tôi cần tha-thiệt yêu-cầu các ngoài, chỉ bảo cho những chớ sai làm.
Hüê cách Hà-nội 680 cây số, nên thời tiết đã khác. Mùa đông rất ít, xin lấy một thị dụ có cân-cứ : Có năm về mùa đông tôi chỉ phải mặc áo đa (pardessus) có năm, sau bạn về buổi tối mà không phải là tôi ít đi chơi đêm !

Còn mùa hè, ít nóng-nực. Nếu cả ngày mặt trời chiếu gắt, thời chúng tôi chỉ chịu nóng có buổi trưa, còn buổi tối, chúng tôi đã được mát mẻ nếu chúng tôi xuống năm dưới đồi, lenh đênh trên mặt nước sông Hương. Nhiều đêm về khuya, giũa mùa hè, chúng tôi nằm phơi sương ngoài mui, không chịu nổi vì gió lạnh, vì hơi nước, phải vào trong khoang nằm chờ yên giấc !

Sông Hương tức là nơi nghi mát của Hüê không những đêm khuya, gió mát, lại được nước sông Hương trong và xanh (chứ không dở như nước sông Nhi- hà) nên chỉ mỗi khi mặt trăng chiếu xuống, thời mặt nước lấn tần, ông ánh những sơ chỉ bạc, nhìn không chán mắt ! mà mỗi khi có trăng, thời sông đều có tiếng ca trong tréo hoặc tiếng hồ « mái dấy » diu-dàng ! Dời cảnh sinh tinh, khách phuông xa tôi đặt Tràng-An, nhiều vì đã ngây ngất, say-sưa, đắm đuối nên có câu :
Thế gian chỉ đạo tam giang hiểm,
Bắt đạo Hương-giang đi nich nhân!


世間只道三江险
不道著江易溺人

Đại - Khái nghĩa là:
« Thiên hạ chỉ nói phá Tam giang hiểm mà sao chẳng nói sông Hương để chết duỗi người!» Vi phá Tam-giang tức truyền có sông thần đã cuốn biệt bao nhiêu mạng người, khi xua truyền bè đi qua phá Tam - giang đều lo sợ cho nên có câu:

Thuồng em anh cùng muốn vó
Sợ trường nhà Hồ sợ phá tam giang.

Trường là bãi cả lớn, trường nhà Hồ (ở Đông Hội) là nơi trước kia làm tròm, cuộp; còn phá Tam Giang (ở Quang tri) tuy có « sông thần » nhưng từ ngày Đức Minh Mạng phá ra truyền sẵn tận nơi. Rồi lấy sông bắn xuống sông, tức truyền nước vẫn đó như máu, rồi tự nhiên « sông thần » bớt dữ từ ngày ấy.

Nơi trở lại sông Hương là « cảnh tiên » của Huế! Như vậy Huế chà hào ra là một nơi vẹ thơ-tiệt đáng để các ngại phê một chữ « tuyết » hay sao? Nhưng Tảo-hóa vẫn có tiếng là co - câu, khe khắt, và có lẽ ích-ky thâm tràm, nèn chữ « hoàn-toàn »
hình như không có ở cơ đất này vậy, cho nên Huế bị theo luật « thORA-trù », có một thời kỳ đang ghét là « mùa mưa »! Mùa mưa ở Huế không những là mưa suốt ngày, mà có khi mưa tăm tắp luôn, ba, bốn ngày không ngớt! những ngày ấy may den kéo kin vớ tơi như phủ một bức « màn tang » tiêu biểu cho sự buồn thảm, rầu rĩ... Cả Huế chỉ muốn đông cứng, cái then cho kỳ, không muốn tiếp khách du lịch chút nào! Mùa mưa bắt đầu ngay từ cuối tháng bảy nên có câu:

Tháng bảy nước nhảy lên bờ!

Tức là mưa to, nước trên lên tận bờ: còn tháng chiến tháng mùa là chính mùa mưa. Trong tháng mùa có một ngày, thường năm nào, cùng mưa, nên có câu:

Ông tha mà bả chẳng tha
Làm cho cái lút hầm-bả tháng mùa!

Vậy muốn tránh mùa mưa nên tôi Huế, từ tháng giêng đến tháng sâu.

* * *

Trên tôi có nói: « mỗi khi sông Hương cổ trump thời có tiếng ca trong-tréo hoặc tiếng hò đờ-dàng... »
Nói đến ca, đến hò, xin nói tiếp đến ca Huế.

Hà-Nội có thú hát có đầu, thời đất Thần Kinh có thú ca Huế! Xin miên nói đến những tên dân sành-soi và những danh-ca, vi hai điều ấy đều thuộc về cá nhân, theo lời chi-giao của may vi dân-anh, không nên đa đồng diễn.

Hát có-dấu trời bác phận, miếu, hát nói, hay đúng nhất; Ca Huế thời thông dụng nhất là Nam-Ai và Nam-bằng, «hay Nam-bình»

Thường thường người ta ca Nam-Ai xong thời bất sang Nam-Bằng. Nên nhận rằng khi ca xong bài Nam-Ai người ta dân câu hiệu đầu bài Nam-Bình;

xàng xàng phân họ...

rõi bất tiếp Nam-bằng, thời người ca bất buốc phải ca tiếp sang Nam-bằng. Còn ca Nam-bằng muốn bất sang Nam-ai thời người dân bất câu hiệu đầu của bài Nam-Ai; xe liu cồng, xe liu xàng... người ca cùng phải tuân theo ca tiếp ngay bài Nam-Ai.

Ca Huế cũng nhiều điều lầm, nhưng hiện nay người ta chỉ chú-trọng đến những điều sau này: Cô-bản, Luru-thủy, Phu-lục, mưới biển Tầu (cũng có người gọi là «thấp cảm»).
Muối bẩn Tзавис là những bài sau này:

Ngoài ra còn có bài « Quả phụ », lý « Trường vi ». Hai bài này, điều ca khó, nên những người ca lâu năm mới biết ca. Đại-khai như ở ngoài Bắc phải cố-dấu chính-tông hay ra đôi đã lâu năm mới hát nội Tý bắc và độc nội thơ « Thiền-Thai »

Bài lý « Trường vi » cũng có người gọi là bài lý « Trầm hực » vi trong bài lý ấy, có kẻ rất nhiều thứ hoa ; Xin lực mãi cầu đầu ;

Đại giàu năng xuống, em tìm anh dài giàu năng xuống. Huế cam, Huế quít, biết thương Huế nào? Còn như Huế mận, Huế đào, Huế lé, Huế lựu biết vào tay ai?

Còn bài « Quả phụ », nhiều khi báo họ hát, họ biết hát mà họ cùng từ chối, vi theo đi doạn, ho số vấn vào mình! Quả phụ, nghe danh-từ ấy nó lãnh lùng nên nhiều người không muốn hát!

Ngoài Bác ta cũng vậy, nhiều bài hát-nói có dẫu không muốn hát. Vì dự như bài:
Sach có chữ « vô tình tiên biết »
Khách với tình xua quen biết chỉ nhau ?
Tôi hát choi mà khách cũng nghe choi
Thảm thiệt chi mà hát lẽ tuôn rơi?
Mai một dạ ngược xuii ngoại mới xỉn.

Niều có đâu cho là bài ấy «không có hậu»
và «hay văn vào mình» nên không muốn hát!
Bài quả-phu có nhiều câu hát rất thảm:

...Chim ơi chim còn có bạn... Thương,
thương nhau, thương nhau thời sống, nguyên
xin cho thấy nhau liên. Ối liễu! Ối liễu sao
ai, thương ai may mắn, thương tình may liễu.
Soi quanh loan bằng-khuàng nhỏ bạn, lụy
lụy đờ hàng trăm hàng.

Còn những câu đốn hoa với diệu ca
thương đúng đều là những cây nguyệt, nhi,
tỳ và đạn tranh (đạn tranh tức là đạn thấp
lúc)

Người ta thường không tiếp khách tại nhà
nhr có đâu Bắc, nên phải mời về nhà hoặc
xuống đố.

Ngôai Bắc ta mỗi khi có tiệc mừng thằng
thương, được huy-chương, phẩm hàm hay
tiền biệt bể bạn, thương muốn bài hát nói
dể mừng hoặc để tiến dưa «một chén quan
hà»; Trong Huế, cũng lấy điều Nam-Ai,
Nam-Bằng tăng nhau. Ngoài Bắc ta nhiều người biết đánh trọng cơ đầu bao nhiêu thời trong Huế cũng có một số dòng như vậy, biết gây dân hoặc biết ca. Vì vậy ở Huế, đi đến đầu cũng thấy tiếng dân thành thót, hoặc tiếng cahekşep hay báo-dận, hoặc tiếng hô già gào quệ kích, hoặc tiếng hô mái đầy ngân-nga.

Hồ già gào, hồ mái đầy nguyên do là người già gào cũng như người chêó dò, hoặc vừa già gào, hoặc vừa chêó dò, vừa hát cho quên một cũng như những câu đẻ trở-lúc : « dò ta » và « hô khoan ». Nhưng sau vị lợi hồ được nhiều người ham mê, nên cũng có thi-nhận đặt ra câu hồ, thành ra bay giờ nhiều danh-ca biết cả hồ già gào và hồ mái đầy.

Ta lại nghiễm thấy hoặc khi già gào, hoặc khi chêó. Dò phần nhiều có cả con trai, con gái, mà dã có con trai con gái thì tránh sao cho khỏi những tiếng lả lơi chòng gheo cho nên « hô » cũng có khi như « hát trông quán » ở ngoại Bắc, bên nam bên nữ dời đáp lẫn nhau.

Vi dụ con trai hồ:

Biển rộng âm-thầm, thấy trời sau mù mịt, bốn bể sông vổi, từ phía may đẳng, do có
thương đầyنموذج xích-thằng, nhạt tầm như thiết-thạch, tiếp chỗ có cốt gió trêu tráng mà chẳng buồn.

Con gái hóa đáp lại:

Thuyền chim đầy nước, con cá lồng-dưng lần-lởi, ngưng mắt trông trôi, nhan ngân-ngơ sa, vi đâu tiếp có đầm nguyệt say ba, có ồng trôi cao soi xét, anh chờ thiết-tha mà đau lòng!

«Hò» đại-khai như vậy, và muốn cho khối ra ngoài phẩm-vi đau-dề, tôi không nói đến lối văn «hò» cùng cách đặt câu «hò», nhưng cùng xin kẻ thêm mấy câu «hò» nữa, để các ngài thấy cách đặt văn trong câu «hò»:

Chiều, chiều trước bên Văn-Lâu, ai ngồi, ai cầu, ai sầu, ai thấm, ai thương, ai câm, ai nhớ, ai trông, thuyền ai tháp-thoảng bên sông, đưa cầu «mai đầy», đồng lòng nước non!

Lại cầu khác:

Trời mưa trôi gió vac đó ra dom, chảy vò ăn cơm, chảy ra mắt đó, kẻ tir ngày, thương đó, đó ơi, đó không phần đi nội lại một đôi lối đầy hay!

Lại cầu nữa:

Buổi mai ăn một bung cơm cho no, em
xường bền đó mua chin cái trạch, (1) em bác quách lên lò:
Một cái kho ngò,
Hai cái kho cử - cái,
Ba cái kho nải chuối xanh,
Bốn cái nâu canh rau má,
Vallele cái nâu cá chimpl-chim,
Sáu cái kho rim thịt vịt,
Bảy cái nâu thịt con gà,
Tám cái kho cá thu-dâu,
Chín cái nâu cử môn tây,
Em theo anh cho đến ngày nay, cùng bắt thành danh bất tội, thời chỉn cái trạch ngày cũng chẳng ra chi!

* * *
Huế cả dân ống, dân bà phân nhiều biết dân, biết ca, biết hò, nên Huế là chốn « ăn chơi »! Nhưng ăn chơi bằng cách kin-dảo, không ổn-ào, cho nên những tiêm cao-lâu, tiêm hút, nhà hát ở Huế rất hiệm. Vậy tiếng « ăn chơi » ở đây phải chẳng có nghĩa là thích nhàn, và thích danh bác?
Không kể « đánh me, bài câu, mà-chước » quan bài có tính-cách « Huế » là bài « tư-

(1) Cái trạch là cái nói đất rộng miệng.
sắc» đánh bốn người, đánh ba người thời gọi là «bate xip». Bài «tứ-sắc» cũng có trường, sỉ, trưởng, xe, pháo, mã... như bài tam-cúc, nhưng mỗi thứ có 16 con, ví dụ «trưởng» thời có 4 trưởng đỏ, 4 trưởng xanh, 4 trưởng trắng, 4 trưởng vàng. Còn đánh thời không phát quân như tam-cúc, lại ăn, và bỏ «nọc» như tờ - tờ. Ăn thời ăn như xe pháo mã, trưởng sỉ trưởng, hay phồng... Lực được thời tính «lên» tức là tỉnh «diểm»... Như người đánh tứ sắc to, ăn thua trên bắc trận.

Ô Huế gần Tết và ra gieng, người ta hay dỏ xam-hương hoặc «tam-hương». Cách đánh này rất phong nhã. Người ta dùng 6 con «xúc-xắc»; (1) mỗi người một lươt deo vào trong một cái bát sú. Hễ deo được nhiều mất «tứ» thì được nhiều điểm. Vì du deo được 4 mất thư (Tứ hương) thì được 32 điểm; người ta sẽ dura cho mình giữ một thế có đề «Trạng-nguyễn». Nếu deo được ba thư (Tam-hương) thời được giữ thế «Hội-nguyễn» (8 điểm)... Như thế ấy có khi làm bằng ngà, bằng sứng hay bằng tre, bằng gõ son. Tất cả có 36 thế,

(1) Ô Huế gọi là hạt «tào-cáo».
khi nào chia hết thế thời hết một « hỏi »
Ai nhiều thế thời được, ái ít thế phải tỉnh
và chung tiến cho nhà được nhiều thế.

Nếu các ngại đã thấy một hoa-khô ở Huế, với hai tay trăng nutrient, có tay tròn
trình, ngón tay búp măng, lại thêm những
mông chuột nhọn và đều dán, mềm mại
trong lúc deo quân sức-sắc đong vào thành
chiếc bất sự cố, vang tiếng kêu ròn, chen
thêm tiếng diu-dàng của mây-nhàn, tưới tinh
hồ những tiếng; Phân song, hạ-mã, thương-
mã (1) .. thời các ngại sẽ thấy những về
tao-nhã, lịch-sự, nên thơ trong lúc dò
xam-hướng!

Cùng về mùa xuân, đâu năm, ở Huế thương
cô dành bài chơi. Người ta dùng 11
cái chơi, năm chơi bên tả, năm chơi bên
hảu, ở giữa một chơi « trùng-uống ». Người
chay bài chia mỗi chơi năm quân bài. Còn
người ở chơi giữa, sâu quân. Vì dụ ; người
ta chia cho tôi năm quân, một con cửu
văn, một con nhất văn, một con lục văn,
một con tam sách, một con bát sách. Người
phạt quân, đánh con lục văn, thời tôi ra

(1). — Ba mặt nhất, ba mặt nhị chẳng hạn, là plentiful; hai nhất, hai nhị, hai tam là Thường-
mã; hai tử, hai ngữ, hai lục là Hạ-mã.
hiều có con ảy. Người chạy bài giao cho tôi con lúc vấn. Tôi phải phát một quan, ví dụ tam sách, nếu sau tôi ăn được quan cúr vấn thôi tôi cho quan bắt sách. Nếu ai đánh bất sách thôi tôi đuổi được vấn ảy.

Cách đánh rất dễ, nhưng quan bài vể hình khó nó, và họ gọi tên khác cả, ví dụ: con Xơ là lúc - vấn, con Trò là nhất vấn, ông Thầy là cúr - vấn, con Voi là tử vấn, Sâu tiền là lúc vấn, con Gà là tam sách (1) v. v. Người chạy bài vừa phát quan vừa rao rất vui, nhiều khi họ rao như « hát vè » nhiều câu không có nghĩa như:

Đàn bà đi chỗ, là vở người ta...

(1) Nhất vấn (con Trò); Nhị vấn (con dâu); tam vấn (con quan) tử vấn (Tứ cản); ngũ vấn (ngữ trưa); lúc vấn (con Xơ); thật vấn (con nhơn); bất vấn (con bông); cúr vấn (ông thầy); Nhất vấn (con gòi); nhị vấn (Tráng hai); tam vấn (Tráng ba); tử vấn (con voi); ngũ vấn (con rùn); lúc vấn (sâu tiền); thật vấn (lá liễu); Bất vấn (lâm tiền); cúr vấn (con Xơ); ông lão ? (Thái tử), nhị sách (con nghĩa), tam sách (con gà); tử sách (con giòng); ngũ sách (con dầy); lúc sách (sâu nứt); thật sách (con sra); bất sách (tạm giấy); cúr sách (đổ mồ). Ngoài ra còn có hai con nưa nhất sách (nọc đường) và chỉ chi/bạch tuyệt. Nhưng phần nhiều người ta bố không dùng hai quan bài, ảy, vi hai quan ấy có noि gọi bằng tiếng răng tực.
Này « con voi »!

Ngoài những cách đánh bậc kể trên, Huế cùng đánh tộ-tóm, tài-bàn, nhưng tài-bàn tỉnh-hành họn tộ-tóm, vi theo nhiều nơi nói, Huế trước chỉ đánh tài-bàn, sau người Bắc vào Huế đồng, người Huế mới tập đánh tộ-tóm. Cho nên mười bàn tộ-tóm, thời hết chín bàn trong có một, hai người Bắc!


Tiếp đoạn này, tôi xin nói đến một cách tiêu-khiển thành-nhã, mà phần nhiều người Hoàng-phái ra lạm: « cách đánh thuộc cá. »
Bộ chỉ điểm « đầu hò » kể trong một cảnh
nhà trảng-lê, mé (người Hoàng phải) ra đón với một người bạn để đánh cờ; Ngôi đánh cờ trong một chiếc đờ rồng-rại, trên Giải nước Sông Huống, Mẹ vùa đánh cờ vùa sao người nhà thả những con tôm «mỗi» xuống nước. Chí năm, murdering sau, những con cả hanh bạng bàn tay, đến phải «tôm mỗi» bị trưng đốc, phơi mình trên mặt nước, chịu đe cho người nhà của Mẹ, vót lên để làm thít Đảng Mẹ nhằm rồi!

Nếu hỏi Mẹ, cách thuốc cá thế nào, Mẹ sẽ không tiếp mà cho ta hay:

Cứ murdering hat mạc, thời nghiền ra với ba hat tiêu, rỗi đem cần để bố thêm murdering.

Cứ ba phân «mác, tiêu» thời một phân murdering.

Xong cả ba thứ quyết với comme, rỗi viên từng viên to hòn hạt ngò một chút. Bắt том tuồi to bạng đờ hai đi nét ngón tay, rạch bung, nhỏi viên thuốc vào. Ra sông cực vút đờ hai murdering con «tôm mỗi», chỉ murdering pltt sau, cả hanh ăn phải, say thuốc đó. ngày lên mặt nước.

Các ngày nghe câu chuyện vùa đánh cờ vùa «thuốc cá», một cách tiêu-khiền thanh-nhã, yên lặng, một lối tiêu-khiền của các «ông Hoàng» dời xửa để lại, chắc có ngày trống rạng các Vua, chưa dời xửa chỉ ra
tiếu-khiền như uống rượu, ngâm thơ hoặc xem hoa nở, hoặc chơi trăng lên: những cách tiều-khiền thanh-nhã nên thơ. Nhưng không phải, vi tuy theo tâm-tình mỗi vị. Tôi muốn nói rằng đối xứng, cùng có vị thích tiều-khiền bằng những cuộc mua vui rất ổn-áo như cho hai con thú-vật thì vồ, đế nghe những tiếng gầm, thét, đế trông thấy những giòng máu đổ của hai thú-vật so sánh lẫn nhau như cuộc:

Voi cho thì vô với hổ. Sở dĩ tôi nhắc đến chuyện này vì hiện nay, tuy ở Huế không còn những cuộc vui như thể nữa, những di-tích chỗ diễn những trò ấy vẫn còn, tức là « Hồ-Quyền » ở làng Nguyệt-biên, cách xa ga Huế không đầy một chục cây sô.

Nếu các ngài cho rằng, kể truyện voi đầy sức với hổ, không ra ngoài đâu-dẻ câu truyện Hôm nay, thời xin kể được đây:

Hồ-Quyền có một sân rồng, hình tròn đường kính-tâm hơn 30 thước táy. Xung quanh có trường cây xéo cao đến bấy nhiêu thước táy. Bên trên trông thiên, phía trước có một cửa chính, phía sau năm cửa. Ba cửa giữa thông với ba chương cờ hai cửa bên thông với hai chương voi. Phía ngoài có hai thang lên trên chỗ người xem, rộng hai thước, bao quanh ở phía trước, có lan can ngăn và đế
Một tiếng, truyền xuống linh mó cửa dưới cop ra sán.
Một tiếng gầm cop nhảy vọt ra giữa sân, nghe tiếng người xồn-xao ở trên bờ tường, người mắt lên nhìn máy tiếng, nhưng biết tường cao chẳng vọt lên được, đánh quay lại nhìn phía sau, thời đã thấy quân linh vũ dưới một con voi ra. Voi vươn voi, chậm chạp mạnh mẽ bước ra thấy cop nghiêm ngay đến sự chứng lành hai giọng cơ lẽ dỏi-ký nhau. Cop gầm, voi ré, cop nhảy lên bầu voi, voi đứng với gò, lăn cop xuống đất rồi đình lạy chân xéo lên mình cop và đình lại ngồi xiên ! những cop nào có chịu thua, lành sang bến rồi lại nhảy lên mình voi, đứng vật bầu, đứng nành cân xé.
Voi xuất với ra sau đình gõ nhưng không

cờ được lên đầu cái, đứng trên mái, nhìn xung quanh như một người khổng lồ. Nhưng cờ ở đâu, tôi không biết.

— Chuyện về dấu với cờ mới ngườikeh mà khác, nhiều đoạn lại khó tin nữa Theo nhiều người nói thời ở nơi rùng rít nên với đầu với cờ, thời phân nhiều cờ được, nhưng tai họ - quyến thời khác vì với được biết đại hơn, nên trước khi đầu, người ta cất võt họ cho bớt nóng, hay rưa nạnh cho đỡ sắc. Cờ mà sút nạnh cẩn vuốt thời làm gì mà chẳng chịu ép minh dưới bàn chán sát của voi!

Thưa các ngại, những cầu chuyện « tiêu khiển » ở Huế kề ra tôi hâu chuyện các ngại đã gần đầu; giải còn những tiêu-khiên khác thời cùng tương tự với
những cuộc tiêu-khiên ở Bặc nên xin miễn kẻ.
Vậy xin nói sang đoạn khác.

* * *

Ô ngoại Bặc các ngài đã nghe quem những hờ như Lê Trần Vũ v.v... Đến Huế, các ngài nghe thấy những hờ rất lạ tại như Hương, Bưu, Viễn, Tráng v.v... mà lạ nữa là chưa hờ « Hương » còn lại hờ « Ưng »
Vậy tôi xin nói qua về Hoàng - Phái và Ngọc-Phổ, để các ngài thấy rằng Hương, Ưng, Bưu, Viễn, Tráng... đều là con cháu nhà Nguyễn cả.


Về triều Minh-Mạng năm thứ tư, có Dư ban cho các ngài Hoàng-tử triều Gia-Long mỗi đức ông Hoàng một bài thơ ngồn ngạt đặt tên hờ.

Đức Minh-Mạng cũng là con đức Gia-Long nên cũng có một bài thơ riêng:

Miễn hương Ưng Bưu vịnh

Nghĩa Luis
Bảo qui định long trườn
保貴定隆長
Hiền nàng kham kệ thuật
賢能堪繼述
Thế thời quốc - gia xưởng.
世瑞國嘉昌

Vì vậy đức Minh-Mạng đặt tên con trai trưởng là Miền-Tộn (tức là đức Thiệu-Trí); kẻ đến đức Thiệu-Trí sinh ra ngoài Hương-Nham (tức là đức Tự-Dực). Đức Tự-Dực không có con, nuôi cháu là Uông-Biện (con ngài Hương Cự tư đức là đức Kiên-Thái-Vương).


Ngoài đức Minh-Mạng, đức Gia-Long có chi con người con trai nennen cùng có 9 bài thơ ngự-ngôn khác nhau. Vì vậy cho nên mỗi có những hò như:

Mỹ, Dược, Tặng, Cường, Tráng... (về chi con trai trưởng đức Gia-Long); Lương Kiến, Ninh, Hòa, Thuật... (về chi con trai thứ 5
duc Gia-Long), Tinh, Hoai, Chiem, Viên, Ai (vè chi con trai thứ 6 duc Gia-Long) v. v...

Còn con gái trong Hoàng-phái thời gọi khác, vi dụ con trai là Tôn-thất-Mô, con gái sẽ gọi là Tôn - Nữ-thì — Mô con gái cùng gọi là Tôn-nữ thị-mô, con trai là Cường mô, hay Trang mô;

Con trai là Hường mô nếu là con gái thời gọi công-nữ thì mô.
— id Ung-mô — id — công-tôn nữ thị mô,
— id Bưu-mô — id — côngtàng-tôn nữ thị mô
—id Vĩnh-mô — id — Huyễn tôn nữ thị mô.

Còn tiếng « Mê » thời chỉ người hoàng-phái cả dân ông lẫn dân bà chủ không phải mê chỉ là dân bà, con gái, như nhiều người ngoài Bạc thương hiểu làm.

Đến đây xin nói về những tiếng nói khác nhau của Huế và Hà Nội. Cho tiền việc so sánh xin kế phác theo loai : danh-tür, hinh-dung-tür, đồng-tür, trang-tür...

Nhưng dù sao, xin các ngài dè ý cho rằng không những nhiều tiếng ở Huế khác Hanội, mà cả cách đặt câu cũng có khi khác ! cho nên muốn nói cho « hết » tiếng Huế, không thể chỉ hoc những tiếng Huế khác Hanội. Dạy là chưa kể đến « giong nói ». 

Ây là không kể những câu nói khác hẳn, vị dự như ở Bạc ta đa trộ con thường báo : « Ngữ di, không ông ngoáo ops kia kia ! »

Ở Huế, nạt trộ, lại nói :

« Thét di, kia ông Ba kê ! »

Do câu trên nay, các ngài hãy ở Huế gọi « thét » là ngủ ; « ông ba kê » là ông ngoáo op ! Nếu tôi tách chi tự « thét » ra thời tôi còn phân-trần được thêm nữa : Ở Huế, người nhơn thời gọi là ngủ, còn trẻ con thời gọi là « thét », cho nên có câu :

Du em cho thét cho muối, Đệ mẹ đi cho mua với an tràu. Nhưng nếu chỉ một ông quan ngủ, thời lại nói : quan giấc, còn vua thời nói « Hoàng-Đế ngủ chửa tánh » (tức là : Vua ngủ chửa đây.)

Trước khi nói đến từng chữ, tôi xin nhắc

(1). — Muối nghĩa đến : Chín muối là chín nức, nghĩa bông là ngủ say.
thêm một câu mà trẻ con ngoài Bắc trước khi bóc một quả quất chằng hạn thường đã lên miệng thời rồi đọc một câu, như câu « thần chú » để câu cho quả quất sể ngọt thêm:

Đã ha, đã hằng, cái dạng lên cây, cái ngọt xuống đây cho thấy kiếm miệng. Ông Huế trong trường hợp tương tự con nít lại đọc: « Hu hu, the the, đi dạng cây, để dạng ngọt lại tôi ăn! »


_Huế_

Cái vá xôi com
Cái ve
Cái ly
Cá gãy
Cá leo
Cá trùng
Con chuẩn
Nước lèo
Một lát cá
Con chí

_Hanoi_

là cái chai xôi com,
là cái chai
cái cốc
cá chép
cá nheo
cá sòp
con run
nuóc chắm
ruột khúc cá
con chảy
Hue
Chuối ba-lún
Trái thử-dû
Trái thôm
Trái măng câu
Trái dào
Trái dào lồng
Bánh mì
Bánh thuần
Bánh tét
Bánh trắng
Bánh nịt thịt
Trái cắt heo
Thơ cùp
Áo cut
Cái mùng
Bười mai
Một
Khi hôm
Hôm qua
Cây viết chi
Giầy đöm
Cửa là sách
Cửa gurong
Gurong đeo mắt

Hanoi
chuối tiêu
quả đu-dû
quả dứa
quả na
quả đói
quả dào
bánh tày
bánh bàng
bánh trung
bánh đa
bánh nhân thịt
bầu dục lớn
thơ cáo
áo cọc, áo cánh
cái màn
bười sáng
ngày kia
hôm qua
hôm kia
cái but chi
giầy thâm
cửa chop
sữa kính
kinh trắng hay kính đâm

Bức sào
gông sào
cái mạnh mạnh
cái sào thời
Hue
Huýt gió
Vút gạo
Thấp thuốc lá
Xuy kền
Mêc
Nhầm
Nơi sung
Ngày ky
Đề chế
Ngồi nê

Ngủ gúc
Năm chỗ, năm thấy
Nắm noii
Di khỏi
Xuốt nhà
Xếu giấy
An chúng
Củi cây
Bán mai xua
Di một chất
Người sứ thế
Cô
Cái ni

Hanoi
thời cốt bằng miệng
vọ gạo
chắm thuốc lá
mả kën
mạch
dùng
nơi nóng
ngày gió
để trở
ngồi khống, ngồi
dung
ngủ gạt
nắm mê (mơ)
o cừ
di vàng
quết nhà
nhe giấy
ăn vưng
triệt cây
bán mỏ hàng
di một mình
người lịch sử
dớ
cái này
Cải tên
Ô lồ
Bẹ
Dưới
Một chủ
Một giấc
Giác tối
Giác đôi

cải kia
trần trường
vở
chúng, không thắng
một dòng bác
một háo
hào một
dòng văn hài háo v.v.


Chủ ăn mười bằng năm chủ ăn sâu và cứ tính một xu thời ăn bảy chủ ăn sâu. Còn tiền kẽm thời cùng như ở các nơi, không còn nữa.

Còn nhiều tiếng ngoài ta nghe đều hiểu cả nhưng cách dùng tiếng lại khác, như ở Huế nói: «tôi biết lời» ngoài ta nói «tôi biết boi» ... và nhiều tiếng nghe latha:

Nó bỏ một cái dui, tức là; Nó ngã một
cái đến huyênh! Một ở bánh mi (một cái bánh tay; trái mang cầu nị còn sống quả naï nay còn xanh); Ngoài ta chỉ nói còn sống, còn sống, chú không nói quả «sống» được.


Lại câu thường nói: Kể chuyện con gà, con kê. Trong Huế thời nói: Kể chuyện con cà, con kê vi về mùa xuân ở Huế ngoài chợ thường bán những cây cà, những cây kê con, tức là những cây «géng» mùa về để trông và gọi là con cà con kê. Vì vậy nói kể chuyện «con cà, con kê» dùng nghĩa hồn là «con gà, con kê» vì nói con gà, con kê như là nói một tiếng nôm, theo một tiếng chữ («kê» dâ là gà) thời thưa.

Còn nhiều tiếng nhiều câu khác nữa, hoặc tôi quên chưa hàu chuyện cùng các ngại,
hoặc tôi chưa «học lỏm được», nên xin phép nói sang đoạn khác.

Dưới đây tôi chỉ xin nói vài vấn đáp một trong điều «hỏi khác» mà tôi nghiệm thấy, trong dầm hiểu, bỗ ở Hữu như trong một dầm tang thời không bao giờ thấy nhà tang bằng giấy. Người ta chỉ chụp lên trên quan tài một cái nhà tang bằng gỗ người thường thì thue, còn những dầm quóc tang, thời đã có bở Lễ sớm sẵn.

Tưởng ngoài Bắc ta cũng nên đặt chỗ để dỗ được những số tiền chi rất phẩm về việc đốt nhà tang giấy.

Còn trong dầm cười, tôi thường thấy có dầu chít khăn xanh vănh to (gần 20 nghiệp). Lúc đi đón dâu thời có thue người mắc áo «mã tiên» (tuồng tử như áo phương tuồng) đi trước cầm đèn lồng, hai ngống trắng, hai lá thiên tuệ, rôi mới đến hồ nhà trai, nhà gái. Có dầm cười thạch lơn, thơi lớn sóng bọ vào cüßi sơn sơn cùng dân đi dẹo.

Nên có câu:

Đèn lồng heo củi lề nghi
Trâu ăn rượu uống lỉ-bì cho say.
Sau khi lể Tổ hònng, có đâu, chủ đề vào
phòng thời người ta thường để ở đầu giường một dây giúng và muối không phải là để phòng có đầu đau bừng, nhưng muối giúng có nguy hiểm răn:

Giưng cay, muối mần, xin đừng quên nhau!

Câu chuyện đến đây kể cũng đã vưà. Mong rằng khi nào các ngài có dịp về Huế, sẽ «kham phá» thêm những tinh-ba của Huế để bồ-khuyết vào câu chuyện tôi nói trên đây.
BÀN VỀ CÂU CÁCH - NGỌN:
ĐÀN ÔNG CHÓ' KÊ
PHAN - TRẦN
BÀN VỀ CÂU CÁCH-NGÓN:

ĐẢN ÔNG CHÓ KẺ PHAN-TRÀN
(Bài diễn-thuyết ở hội Quảng-Tri Huế
ngày 26 Novembre 1941)

THUA các bà,
Thưa các ngài,
Tôi đã lọt tai được câu cách-ngộn:
Đản ông chó kể Phan-Trần
Đà bà chó kể Thúy-Vân, Thúy-Kiều.

Từ hỏi tôi mới đọc xuống văn quốc-ngữ và
bặp bẹ đầm ba tiếng Pháp, nghĩa là đang
hơi niềng-thiéu, một trò bè ở lợp Số-dằng.
Đã bao phen tôi mở ra gắp lại quyền
Phan-Trần, nhưng muốn đọc kỹ càng một
lướt để an-ủi lòng thòc-mách tai sao dân
ông không nên kề truyền Phan-Trấn?
Đã bao phen những âm-điều «tài sao»
quay-đưỡng trong óc non nót, mà tôi vẫn
chùng chịu ngược trái cái mệnh-lệnh đầu đầu:
Chó kề truyền Phan-Trần.
Tiếp đến một ngày kia, tôi thấy người nhà cắt biên quyền Phan-Trần đi đâu mất!

Ngày nay, hội trường lại truyền куд, tôi không thể không xügen-nghi, và lãnh-dâm với kỷ-niềm quá-khứ ấy được.

Chót một hôm, thơ-thần ngoài phổ, tôi gặp một người dân ông gánh hai bò sách, đơn đầy hỏi tôi: "... Ông mua truyện xem?".

Tôi hỏi bán những truyện gì; thời người bán sách đạt gánh xuống niêm-nơ đỡ sách cho tôi xem, và kề một lọt những tên truyện xưa: Hoa-Tiền, Pham Công, Cúc-Hoa, Như-tú-tài, Kim-Vân-Kiều, Như-Dỗ-Mai, Phan-Trần...

Lể tất nhiên là hai chữ Phan-Trần làm tôi dè y đến nhất. Lại được người bán sách vở tinh mà thành hưu-y, bảo tôi:
- Ông mua quyền Phan-Trần này giấy tốt và chữ in đậm.

Rút rè, tôi trả lời:
- Những dân ông chỗ kẻ Phan-Trần kia mà!

Người bán sách đưa tay bỏ cặp kính trưng ro trên mắt xuống, rồi như định thuyết-li thuyết với tôi, nhưng sau chí nói:
- Ngươi ta bảo thể, chịu vít tất truyện Phan-Trần đã là một cuốn sách không nên xem.
Câu trả lời mơ hồ ấy khiến tôi muốn khám phá ngay xem truyện Phan-Trần có nên đọc hay không?

Một hào bá trao tay người bán sách, cuộn Phan-Trần đã thuóc về quyền sở hữu của tôi.

Nhận gặp lực thư-thả mang ra đọc. Đọc cốt để trả lời câu: Đàn ông có nên xem truyện Phan-Trần không? Tai sao?

Thiền nghĩ câu hỏi ấy có thể đem ra bàn ở giữa một bữa hội họp như hôm nay; nên tôi đánh báo lấy đây làm thêm chốt câu chuyện hôm nay.

Vậy xin các ngài để ý cho rằng câu chuyện hôm nay không phải là câu chuyện phê-bình văn-chương truyện Phan - Trần cùng khảo-cúu nguồn-gốc, cánh-cửu tại đầu mới có truyện Phan-Trần, mà chỉ là một câu trả lời «dài giòng» của câu hỏi:


Muốn trả lời phán mình câu hỏi ấy, trước tiên, tôi xin nhận phép các ngài kế lại truyện Phan-trần tục là đọc lại những câu thi lúc-bất có những ấm-văn diu-dàng, một ánh thu hay của nên văn xua nước nhà.
Thầy trong triệu Tổn Tinh Khang
Một chàng Hòa Quân, một chàng Đạm chu

Chàng quê ở Hoa-quan họ Phan, chàng quê ở Đạm Chu họ Trần hai người từ lúc niên thiếu là bạn bè sánh đôi khi đã đạt lại:

Cùng làm phụ-doàn một toà hiện-vinh

Và được dân gian đều kính phục tâm lòng thành can, triều-dình để ý đến lòng trung nghĩa. Trồi sánh cao thậm cùng thủ tâm lòng nhân đức, nên hai gia-dình đều đầy đủ hành phúc: hai bà họ Phan, họ Trần đều một lượt thứ thứ thái.

Trước khi cảnh đầm lộc, nữ nội hoa, họ Phan ngố lời với họ Trần:

Hai ta đồng học một khoa
Đồng niên, đồng oan, đồng nhà, đồng thân

Nay muốn nội tình thân thiết hai họ không gì bằng mai sau một bên sinh con trai một bên sinh con gái thì ta sẽ lấy sợi chỉ hong mà se cho chúng thành một cặp uyên-ương hẹn nhau từ khi chưa ra nên, vậy xin:

Trở thể trên thấm dưới khoi
Cùng nhau chỉ đa định nhời thông - gia
Tuy một lời cũng có thể tin nhau, nhưng
sờ khi vật đổi sao đổi n'en mới bèn trao đổi một vật nhỏ để làm tin:

Hộ Phan thi quạt hộ Trần thị irtểm
Có lệ như nước henh thâu đến câu trúng n'en nâm sau Phan-phu-Nhuẩn:
sinh ra Nam-tư tốt lành
Hai vai chính chênh ba dinh nội nang
Và đặt tên là Phan-tắt-Chánh; còn Trần phu-nhanh hé then dòng dao:

Một nạng tiến-nư xinh sao
Mấy nàng sân nguyệt miếng cười trầm hoa
Trần-công đặt tên là Trần-khiếu-Liên.

* * *

Lần lần hé lại thu qua
Phan-công và Trần-công đến tuổi về trí-sử
bây giờ hai người mỗi phải:
chia tay nam bạc năng ngàn
Còn lời xưa nhắc lại rằng:
Tơ hồng lá thấm là hom
Giấu bao giờ gặp cùng n'en bày giờ

Ông bà hộ Phan về quê khuyên con chăm học sôm nhuần kính sư tôi bàn văn-chương;
con hộ Trần thôi:
Dây con canh câu việc thường nữ-công
 Và rÈn cÈp cho KiÈu LiÈn dÈu cÈ:

GÈm hAY thÎ lÈ, lÅu thÔng cÅm kÝ

Ngày thÈng thÔi dÈu, trÆi tÆi tÔi bùi lÅp cÅng-danh ; gÀi sÈc cÅng dÈn thÔi xuÅt - già
Phan - Sinh nghe lÅi cha dÄy lÈn dÅng
di thÌ vÅng-vÅng bÈn tÀi nhÅng lÅi giÅo-
huÅn nÀo:
ChÅ tham tÅu sÅc chÕi bÅi
LÅy mÌnh mÅ lÅi thÇ cÅrÅi ngrÖi chÈ
TrÈn mÌnh ngÅra dÅng cÅrug, ba tuÅn trÄng
thÔi vÅra tÅi kinh-kÝ dÈ dÅr thÌ.
Phun chÅu nhÅ ngÄc dÅu tÀi
Phan - Sinh dÅu giÅi - ngÅyên, nhÅrng « mÌi
hay thÎ phÅn, hËc tÅi, » kÝ khoï - ngÅyên lÅi
hông. ChÅng h¿ - thÆn khÅng dÅm vÈ nhÅ
nhìn thÄy cha mÈ vÅ nhÄt lÅ y-trung - nhÅn,
nÈn lÅp chÌ nÅn-nÅ Å Kinh - thÄ dÈ dÅi kÝ -
thÌ sau, nghÃa lÅ bÄ nÅm nÅra:
ChÅng bÄng ta lÅp chÌ ta
Ba thu thÅm-thÅoÅt cÅ lÅ bÄo lÅu.
va lÅi:
ChÌm cÅn dÅn giÅ, rÅng hÄu dÅi mår.
ChÅng dÅnh quÝt chÌ tim mÔt noÄi vÅng
vÈ dÈ tiën viÄc sÅc dÈn:
Cho nÈn lÅn-thÄn quÈ ngaÅi,
TÌm nhÅ thÅn vÅng tiën noÄi tÅp - tÅnh.
Một dền, một sách, một mình.
Buớm ông khuyên nêo yên anh khuyên đường.
Còn ơi nơi quê hương Kiều - Liên, thời Trần - Công làm bệnh, rồi cười hắc qui - tiền.

Nhưng trời thật quá tệ! Một dềm dưới ánh trăng đỏ, mẹ con vùa đặt nhau qua một quãng hàn - son thời lại nghe tiếng trống giúc chiều dõi, nào - dòng cả một khu rừng, mẹ con sợ hãi thành mới người lạc một nơi:

Con tìm mẹ, mẹ tìm con.
Cô cây man - mác, nước non lành lùng.
Nàng Kiều - Liên đang khi:
Một mình trong rẫm rừng xanh.


Kiều đến hành, thấp hương màu.
Chấp tay lấy phát, khô đầu qui - sự.
Tuy vậy cái tuổi xuân-xanh môn môn, không phải là cái tuổi gửi thanh nơi cựu Phật, nên trái tim vàng thường thơm-thức nhỏ người yêu! Những lúc đối ngọn đèn canh-khuya, nằng do quạt cửa Phan-Sinh đã tăng năng làm kỳ-niệm ra ngâm nghĩa, bền lòng đẹp làm sao được những nơi thơm-thức, bồn-chồn:
Quạt này ai dè cho nhau.
Phong phong mồ mồ tâ sản làm khuây.
Người chửa Diệu-Thương qui-y đều Phật ở vào một nơi thanh-vảng đầy vẻ đẹp thiên-nhiên:
Đàn thông phách suối vang lừng
Cả khe lang kế, chim ríng nghe kinh
Nên thiền-nam, tin-nũi đối phen cùng lui tôi lẽ Phật cấu phúc.
Một hôm trời xùi khien chẳng Phan-tất-
Chánh nhe giót lang-du tôi thắm cảnh chúa:
Thời chẳng:
Mời hay son thuy hữu tinh.
Cô hoa đón khách, yên anh đura người.
Chấp chưng quán thập lâu cao
Hướng nghi ngút toa, hoa ngào ngạt bay
Chương đèn, mồ duôi, khách lạy
Thông giả điểm trọng, trục gay khua sênh
và tinh cổ lại gặp sự cuộc chúa ấy là cổ chẳng.
Cô chúa lâu ngày mỗi thấy mất, coi bề quyền-luyện. Phan-Sinh kê nói mình tửi-
phan vi thi hông. Có chăng an-ủi và khuyên nên ở lại đây mà học-hành vi cảnh chửa lẽ một nơi tích mình.

Phan-sinh nhận lời vi lúc mới đến đã thạo thây Kiều-Liên, nhưng không nhận được mất, lại thướng là một «cô-tiều» nào xinh-xắn vi Kiều-Liên đã đổi tên là Điều-Thương.

Ôi lại chửa Phan-sinh thường nhìn thấy nét mặt diễm-lê của Điều-Thương, nên lửa lòng từ đầu bồng khiêng chẳng như nung bồi những miệng than hông. Chẳng mới dò la hội vãi Hương-Công, thời vãi cũng thật thà kể cho chàng nghe: Vi nằng bị lỡ bước nên phái qui y dừng-phạt, nhưng hiện nay :

Khách dà vi đạo tư-bí
Nhìn làm chỉ, hội làm chỉ hội chàng !


Thời thấp thoáng lại mơ màng
Và những uóc ao :

Biệt ai mà được nì non
trong những đêm trườn với chỉ Hằng lơ lững trên nến trời em ơi.

Một hôm may sao, Phan-Sinh nhắc thảy năng đặng :
Thần thro trước đây hàng lang
Vin cảnh biệt hai hoa vàng làm thinh
Phan-Sinh với vàng đến gần uờm hỏi mấy
lời là lời. Nhưng Điều-Thương làm thinh
quay gót sen trở về phong riêng.
Phan-Sinh hồ thề bến-lên đánh trở về
thư-phòng tự an ùi bằng câu:

Cơn trôi, cơn nước, cơn non
Cơn giông, cơn gió hầy còn đó đầy

Rồi chàng tìm vãi Hương-Công than thở
nài xin giúp cho, và có lần quên cả mình
là đánh tu-mi-nam-tú cùng sut - suí khác
 như một đứa con nit:

Hai hàng lỡ chả những mưa

Bà vãi Hương-Công cảm động và nể lời
nên phải sang bên tinkh-trường uờm hỏi Trần-
nương nhưng nâng không chịu:

Kiếp tu đa nguyên bộ-đề
Lồng son bây mới, tổ the muội phuong
Một đèn, một sách, một hương
Giấm còn để mới to viống bên lòng

Vãi Hương-Công bể-bàng lại đến phong
riêng của Phan-Sinh nói cho chàng hay là
nằng nhất-dịnh không nghe;
Khăng khăng khóa ngược then vàng chàng long

Nhưng Phan-Sinh lại là một anh chàng
si-tinh có lòng quá quyết, bèn trí, nên chẳng hết sức năn-nĩ vơi Hương Công bần tin lẫn nũa, và chỉ xin nàng:

..... ra trước của chùa
Mà nghe khách niệm nam-mô một lối

Vãi Hương-Công cã nẻ lai sang nói với Trần-nương. Nàng than rằng:
Ai ngờ quá kiếp suí nén
Một thân thiếu nữa truyền-truyền mãi, lần
Xống nằng lai quá-quyết bò chửa tròn
di nới khác:
Ău là chửi bắc cùng thầy
Liệu đường mà dã cảnh này cho xong

Vãi Hương Công thấy vậy, sỡ hãi can răng
Chợt dâ mà miếng. đấy xin kin lòng,
Miền nằng tiệt sạch giữa trong,
Vàng không then lũa, sen không nẻ bún

Nằng nghe Hương nói nẻ-nàng,
Giáp sâu, lại mở quyển vàng lôm khuây.

Vãi Hương vẻ kẻ dâu đuôi cho chàng hở Phan nghe, rỗi khuyên chàng dùng deo đuôi nũa, vi nến chàng chẳng nghe, nằng sẽ tròn
di thôi:

Nữa oan lòng khách, tôi thôi tại ai?
Từ đây chàng họ Phan thành ra mơ-mộng, bằng khuâng và:

*Sách bày bằng đọc, cần treo bằng dàn*

Rồi cách đây chàng bao lâu chàng mắc bệnh, một bệnh oái-oăm kho chứa, một bệnh căn-nguyễn ô trái tim đau khổ, bệnh « tương tự » — Vì vậy thuốc thang mài không khỏi.

Diệu-Thương nghĩ thương hai theo vải Hương-Công sang thấm Phan-Sinh — Phan-Sinh được thấy mặt yanında thời:

*Mười phần phần nào, chinh phần độc sống.*

Nhưng hai bên vừa mỗi hồi-han được đâm câu thời bồng ngoài hiện có tiếng người đi, vải Hương-Công và Diệu-Thương với vang phải tử-giả ra vẻ.

Nhưng Phan-Sinh quá si vi tinh không thể ngồi yên một chỗ,-bordered

*Lần tương ăn bóng bên thêm lần-là* đến tận chỗ nảng ở. Đừng bên ngoài chàng len tiếng năn-ni van-xin nằng mờ cựa cho vào «ta lòng» và hồi chuyện. Diệu-Thương sợ hài xin chàng chờ sỡ-săng, vi như ai biết, thời thành-danh đau còn. Nhưng chàng cú năn-ni doi cho được nằng mờ cựa phong:
Hẹp chi chút cảnh cửa ngoài
Chẳng cho vào bạch Như-lai một điệu
Kiếp mấy phù, kiếp sau yêu!
Rơi chẳng van thêm:

Cho vào mà kể duyên đó ấy trường.

Nàng không thể từ chỗ được, danh phải mó theện, ăn cửa để chẳng vào.
Nguyên nàng chưa nhận ra người ngồi trước mặt là khách chung-tình nên phải nói trước:

Nếu chẳng ép trước nài mai
Thôi nàng sẽ liều thân với một mũi dao nhọn.
Nghe câu chuyện, chẳng giật mình tình giác hồn-bộm mở tiến, đôi chẳng bồng thẩy sáng sửa như ánh nắng mặt trời buội sáng. Chàng không nên nói nỗi mừng thẩy cái sung-sướng trước mắt, trừm cước, vọn-vả, trả lời cho nàng biết là chàng chính là Phan-tất-Chánh, chính là ý-trùng-nhan của nàng! Rồi hai bên lấy quá, lấy trầm ra so, thôi:
Cánh trăm thích, quạt chữ bày,
Rành rành tên tuổi hai người song song,
Bấy lâu trái tìm vàng thốn-thực, nay mới tôi ngày được an-ũi, nung-niu
Phan-Sinh khuyên nàng dừng lỏ chuyền để chàng ra công chăm học chiếm được bằng vàng sẽ hay.
Gặp kỳ thi, chàng từ giả ý-trung-nhân về kinh dự thi. Chàng đỗ Thắm-Hoa, thật là phi chỉ nam khi, chàng đón Kiều-Liễu về quê-hương, nàng từ-dã cánh chửa:

Đã non, đã nước, đã chiến,
Đã mai, đã trúc, đã mien cỏ hoa

Về tôi nhà mới hay khuôn xanh khỏi dun dủi, ông bà họ Phan dâ tìm thấy bà Trần-thị mới về nhà tỉnh đường từ lâu. Thế là ông bà họ Phan thấy con trai đỡ đết, con dâu giữ lời «hẹn ngọc thế vàng» Kiều-Liễu cũng gặp me, nói vui mừng kể sao cho siết.
Từ đây trong gia-dình trở nên âm-áp, chỉ thấy những phút thân tiến em ái, những khúc đàn lạc-thú, xuống-hoa tung bừng.

Truyện Phan-Trần đến đây thời chăm đầu
cuối cùng. Vây nay ta đã có đủ tài liệu để biến-bach câu hỏi:


Ngày nay, tôi dám dưng lên kể lại truyện Phan-Trần, thật là có lời lơn với các cụ tiên-bối, nhưng xét kỹ thôi tôi tự thấy nhẹ tội, vì hiện nay trong nước ta đã sản-xuất biết bao nhiêu cuốn sách có thể gieo cái hai vào trong tư-trưởng người đọc, một trầm lận hai, một nghiin lận hai hồn lại cuốn Phan-Trấn, mà cái hai đọc sách đó là cái hai vô - hình, như một lượng gió đọc nhiệm vào tâm-nào người đọc, làm cho thân kinh mọi met, tri non rơi loạn vì vây dầy theo đầu-dề câu chuyện.
hôm nay không thể dừng bàn về diên : phải nên thân trọng trong việc lựa sách vô báo chí mà độc nhất là các bản thanh-nien.

Nhưng trước khi nói về sự thân - trọng trong việc lựa sách vô báo chí, hãy xin nói về anh chàng Phan-sinh mà, tôi đã hậu truyền các ngài ở đoạn trên.

Anh chàng Phan-sinh, các cụ tiến bộ đã buộc cho là một người tình-nết hur, ngày neurons ai đứng lên mình - can cho chàng đề tòa-an xã-hội kết án chàng nhẹ tôi hay tha bồng thôi người ấy tất phải đặt một câu hỏi:

Người ta sòng ở đời có được phép yêu không ? mê một người đẹp có đăng tôi không ? ai đã đặt ra câu hỏi ấy, tất phải trả lời:

Cây cỏ, non sống trong ra còn hữu-tinh, hương hỡ là người ta. Mè một mỹ - nhân đầu đăng tôi, chẳng qua mắt xanh chọn mỹ - thuật biết qui cái đẹp, say sưa ngắm nghĩa, biết thu gòn hình-giáng thà-thuốt, yêu - điều, vào trong khoẻ mắt cùng những tinh ba.

Nay theo các cụ tiến-bội kể tôi, Phan-Sinh là đăng tu-mi-nam-từ thời đầu được phép ôm tương-từ, vì một mỹ-nhan !

Đoàn này đã tự thấy vi en-vọng, vậy xin nói sang đoàn mà tôi đã hứa: Sự thân trong trong việc lừa sách vô báo chi.

«... Kia như nhân - tình thế - thái, narrator, nào thiên, nào ác, nào nghĩa, nào trung, nào những đa ngợi nghĩa khó khả khe, nào những thời thấm-trầm nham-hiem, ai nói cho xỉn, ai kể cho xiết, người có văn-chương mà về ra không thiếu một nét nào. Ngồi trong nhà mà lịch-lầm được hết các danh-thắng ở thiên-hạ; xem trên mạnh giấy, mà tình thường được hết các việc hay dở của thế-gian. Sinh ở dưới may mắn ngàn năm, mà tự hào như được đời điền và được nghèo tiếng hành-học của người sinh trước may mắn ngàn năm cũng đều nhờ có văn-chương cả.»

Thi-hào Lý-Bạch có nói:


Ngoài những nhà văn đang kinh-phúc may, ông Nguyễn-bá-Học nói rằng:

«Người cục-súc hay làm những văn tiêu-são, người như-hước hay làm những văn chi-li; người thông-tô hay làm những văn
sông-suông; người danh-lội hay làm những văn thủ-phụng; người bỗm-bái hay làm những văn hoa-tinh. Những người ấy mà cho làm văn bản về phong-tục, đạo - đức, lịch-sử, chính-trị, chẳng qua mở mở màng-màng ba câu lẽ lơi, mất chữ bẻm-mẹp... »


MỸ-THUẬT VIỆT-NAM

183
thường cçi lại là đã viết bằng lối văn tả-thực chỉ quan-sát những điều thực-tế, chỉ khảo-cứu những lối sau-xa, những bè trái của xã-hội!

Lại còn những tiểu-thuyết thần-tiên-trình-hâm cũng là những sách thai cho những khối óc còn non.

Tôi còn nhớ có tờ báo đăng tin: Hai câu học-trò trong nhà, đi kiểm một nơi có rung, có nụi đề ăn nắp, sau tìm thấy người ta hỏi duyên có thời hai trò đều trả lời: «muốn tu tiên nên phải vào rung» đề kiểm hoa quả ăn, và uống nước suối đề sau mới tuyên được những phép màu nhoén!

Lại một tin nữa:

Trong một lớp học giờ toàn pháp học - trò cảm cùi làm tỉnh trên vồ, thời bồng một mũi tên từ đầu bàn đến, gần vào áo của một trò đang cùi mặt xuống viết; trên mũi tên có viết mấy chữ doạ nát.

Lại truyền một tiểu-thư trong nhà đi tim chân-lý!

Phải chẳng là mấy khối óc non-nót đã bị ảnh-hương quá sâu của những truyện ly-ky về thần-tiên, trinh-thám và nghĩa-hiệp?
Những loại sách này kẻ nên dốt hết, còn những người tảo-tác ra nó thời cùng nên làm chơn sống một cách không tiếc như tôi nhà Tân «Phảnthur khanh nho»!

Cho nên có người đã nói:


Ngày xưa ông Cảo-Tư nói đại khái rằng:


Nếu thuyết lý như vậy mà đúng và nếu tôi có tài phế-binh, có công nghiên-cứu đọc hết những phò sách viết bằng Pháp-văn hay
Quốc-văn do đóng-bảo ta soạn từ 10 năm, 20 năm... đến nay chẳng hạn, thời tôi cũng có thể đoán đại-khai được sự «sống» của ta về tương-lai.

Nhưng công việc to-tát ấy mà dân phân tranh trong một buổi nói chuyện làm sao cho đầy đủ được. Nên tôi xin tổ tật lại mấy lời sau đây:

Khi xFra phân nhiều ta chỉ được đọc những sách chép những tư-trưởng của may nhà hiện-triết Không, Mạnh, Trinh, Chu, ngày nay nhỏ biết tiếng Pháp và tiếng ngoại-quốc... ta lại được hấp-thu thêm những tư-trưởng của các danh-nhân Tây-phương như Pascal, Leibniz, Kant, Nietzsche chẳng hạn... Cho nên những nhà viết sách người mình, hiện thời đã nâng văn-hoa nước nhà lên một chút. Muốn thưa chuyện cùng các ngày bằng những điều thực tế, xin gác bỏ những sách nói về mỹ-thuật, khoa học, chính-tri... cần xin kể may quyền tiêu-thuyệt, may bài xã-thuyệt, may thiên phòng-sử có ích-loại một cách trực-tiếp hay gián-tiếp với văn-dề nhân-sinh, tôi xin kể như những sách hay những bài xã-thuyệt, những tương phong-sử nguyễn đầy - cách như những điều hữu-bái, những tình di-đoạn hay phó bài rõRetail những cải xấu-xa của xã-
hội để ai nấy đều biết mà tránh,

Nước ta sau này hay giờ là nhỏ ở chu quóc-ngữ.

Cụ Phan bối-Châu cũng có nói: "Quốc văn là thứ tiếng rất hay của nước ta, quốc-văn
là nênn mông xã-hoi Việt-Nam, quốc-văn là có quan-viec giáo-dục học-văn sau này, »
Thật là đúng vậy
Đền đây tôi không thể quên nhắc đến hội «Truyện bá quốc-ngữ» hội mà khắp trong Nam, ngoài bác ai aí cũng biết tiếng, cũng công-nhận là hội rất có-ich.

Câu chuyện đến đây kể đã khá dài, vậy tôi xin nói đến đoạn chót, tức là bàn về câu cách ngôn:

Đàn ông chờ kẻ Phan-trần
Đàn bà chờ kẻ Thúy-văn Thúy-kiều

Số dĩ có câu «Đàn bà chờ kẻ Thúy-văn, Thúy-kiều» là vì có người cho truyện Kiều là một đam-hur.
Kết án truyện Kiều như vậy là đúng về phương-diện luân-lý, vi theo phán nhiều các Cụ xửa, thời một quyền truyện phải tả những điều luân-thương đạo-lý! Ai hiểu nghĩa thời phải gặp điều lành, ai gian-ác, tất-tâm thời phải gặp những sự chẳng hay, nghĩa
là phải theo cho đúng những lẽ - lối của 20 trường trong cuốn Minh-Tâm Bảo - giám chẳng hạn.

Trái với những ý-trường trên, một vài vị có trọng-trách về giáo-duc nước nhà lại lừa nhiều đoạn truyện Kiều và ca thọ của nữ-thi sĩ Hồ-xuân-Hương làm bài giáo-khoa, tuy rằng văn của bà chua-chát và lăng-lo

N署 trong quyền sách Quốc-Văn trích-diểm của ông Dương-quảng-Hàng mà nha Học-Chánh đã nhận là sách giáo-khoa, cùng thấy trích máy đoạn truyện Kiều như đoạn: Kiều đi chơi thanh-minh gặp mà Đam-Tiên! Kiều gây dán cho Kim-Trong nghe, Kiều & lâu Ngụng-Bích v.v v...

Phải chẳng ông Dương-quảng-Hàng đã làm một điều làm-lỗi?

— Quyết rằng không! Vi ông đã trích những đoạn văn thanh-tao, nhẹ-nhàng, bồng-bẩy... những đoạn kiệt-tác trong truyện Kiều.


Phải chẳng đọc sách như vậy, mới là biết đọc? Nếu các ngài đồng - ý như
vây thôi:
Đàn ông có thể đọc chuyện Phan-Trần mà không hai.
Nếu trước khi kết-án truyện Kiều là dam thau, ta hãy bình-tình, rồng lưỡng mà xét, thì ta thấy cót chuyện Kiều là ở câu:

Bên tình bên hiểu bên nào sáng hơn?
Mấy trang đầu ta cảnh, đôi trai gái gặp nhau rọi tiếp đến Kiều, nhân khi nhà vắng lên sang nhà bên cạnh để tình-tự với chàng Kim!
Chớ nay nhiều người chỉ là Cô Kiều hur... hur làm! Cái tinh ấy chỉ là một gươm xâu cho bản thoa-quần.
Nhưng thôi nay theo phong tục Âu-Châu trước khi kết-hôn, đôi trai gái đều được phép giao-thiép dỗ-x dét tình tình để xem có thể cùng chung sống đến trọn đời không? chủ không theo khuôn-phếp quá khe-khắt trong máy truong Nội-Tác «Thất niên năm nứi bắt động tích, bắt công thực» nghĩa là con gái 7 tuổi (xin nhờ lên 7 chủ không phải 17) không được ngồi cùng chiều, ăn cùng mâm với con trai!
Lại xét tinh-nết Cô Kiều, cũng không phải là người hur, tuy chuyện trò với Kim-Trọng nhưng vẫn ép mình theo chế độ «cha mẹ đặt đầu con phải ngồi đây» — Những y-
từ nay đã diễn-tả trong hai câu:

Đều khi lá thấm chỉ hồng
Nên chẳng thì cùng tại lòng mẹ cha.

Lại những lực chuyển-trọc với chàng Kim,
Cô Kiều đã tò ra rất nghiêm-trang đúng dân:

Đã cho vào bậc bỗ-kính.
Đạo tổng phu, lấy chủ Trinh làm đầu.
Ru tướng trên bộc trong đầu.
Thi con người ấy ai cầu làm chi!

Thưa các ngài, tôi cũng không giảm bệnh-vực Cô Kiều Nhiều nữa, sợ có người cho là xù-nịnh Cô Kiều thời «tôi» cho tôi quá!
Vậy xin nhắc lại đoạn «nên thân-trọng trong việc nữa sách-vố, bảo-chi»
Đàn bà có thể đọc truyền Kiều mà không hư.
Nói đến đoạn nay, tôi nhớ hỏi còn di học thầy giáo khuyên chờ nên đọc những sách có thể hai đến tri-nbao, đến tinh-nết; Rồi thầy dân cho biết là ông Descartes có nói:

«Đọc những quyển sách hay, chẳng khác gì được tiếp chuyên với những nhà hiền-triệt mà ta lành-hồi được những tư-tưởng tốt đẹp»
 Và ngang-ngử A-ráp có câu:

«Anh hãy nói cho tôi biết anh ưng đọc những sách gì, tôi sẽ nói cho anh biết"
anh là hàng người thế nào."

Tôi lại được nghe một ông giáo dạy chữ nhỏ bảo học trò:

«Nên chọn sách mà đọc, cũng như nên chọn làng giềng mà ở.»


Thì dự đọc bài văn của Cụ Nguyễn-công-Trú.

Tể suy vạt lý tu hành lạc,
An đường phù-dan bân thử thân?

(Xết kỳ lê vạt, chỉ nên chơi cho vui. Cẩn gì đếm danh vọng hào buốc lấy mình)
Lại đọc 2 câu dưới này trong bài thơ khác:
Trót dã sinh trong vòng vũ-trừ.
Quyết ăn chơi, cho thỏa nên đòi!

Vi nếu theo lời Cô ở trong bài ấy thời:
Ôi đối chỗ nên mé danh vong hào, chỗ
bối đi, bán trôi đi... Cẩn gi viết văn-tút!
Đi chỗ bối như vậy mới là "có lại" nhiều!
Ai không cho bối là thiết!

Như các bạn thanh-nhiên đều nghe lời Cô
thì còn gi là thanh-thể thanh-nhiên! Vây đọc
những bài văn như vậy, ta chỉ nên hiểu
dến cái-than-thể của Cô vi đâu sinh ra yểm-
thể, chủ không phải Cô khuyên ta nên yểm-
thể, chẳng qua cứ ngấm khúc chanting-
dời ấy để an-ủi cái đời cụ đã chìm nội
biết bao nhiêu lần. Chủ thật ra Cô có phải
là người hư đâu, Cô làm quan nhất, nhi
phản thơ đến ba đời Vua, Cô giữ chức
quản Văn mà di giep giấc đến mấy lần!

Thưa các ngại,
Trước khi đứng lên cảm ơn các ngại một
lần nữa, đã tôi dự-thình một cấu chuyện
khô khan! Tôi xin mạn phẻp, nói thêm mấy
cấu kết-luận:

Còn gì lý-thú bằng đọc sách! nên nhiều
người đã nhận rằng sách vô báo-chỉ đối
với người có học là một thứ bổ ích cho
tri-nái, một thứ nuôi tỉnh-thần không thể
thiếu được.
Vi lẽ ấy, khi xua ông Hoàng-dinh-Kiên chờ rằng đọc sách là một bổn- phân của người sĩ-phu nên dã nói: Sĩ-phu mà ba ngay không xem sách, thì lúc soi xuống, thấy bóng mình đằng bì.

Ngày xưa biết bao nhiêu người ham đọc sách mà ta nghe truyền chép lại, ta phải phục, ta phải mến như ông Chu-mại-Thần ngày ngày đi kiếm-cụi trong rừng, lúc quấy gánh ra về, còn deo sách lên bộ cụi mà đọc; như ông Lý-Mạt đi chân-trâu, vừa cho trâu ăn cỏ, vừa viết văn đọc sách, nên về sau hai ông đều hiền-dật cả. Lại trong sách Tam-từ-kinh có câu:

Nhân dĩ tử, kim mặn doanh; ngũ giáo tử duy nhất kinh. (Người dể cho con vàng ngày hôm ta día chỉ dạy con lấy một bộ sách.) Câu này còn có ý sau-sắc là cha mẹ dè gia-tài cho con biết đầu là con giữ được mai mài, hay lại xa-phí vung tay quá trán một ngày một hao hụt, rồi chẳng bao lâu gia-tài khánh-kiết. Chi bằng dạy con cho đủ điều-kiện dể sinh-nhai, thì cái von bằng « tu trường » chỉ có phàn sinh lối ra, chứ không bao giờ hao - hụt đi được!

Lại xem câu phong-dao:
Khuyên chẳng đọc sách ngâm thơ
Dầu hao thiệp chịu denn lở thiệp khêu!

Thời dù rõ ràng những người vô hiện
để khuyên chống chẩn đọc sách để
hiền-da công danh. Nếu có chống chẩn
dọc sách, viết văn, mà không tự biết là
tốt só, thời đã có người bên láng giềng
canh khuya lên tiếng chỉ-bảo cho rằng:
Đêm năm nghỉ lại mà coi,
Lấy chống hay chữ như soi quang vàng.

Bên phương tà bậy Sévigné nói ràng:
Thích đọc sách, cải sở thích mới nhà làm sao.
Ta tránh được nơi buồn bức, ẩn dụng ngời
rồi, thật là hai cái khả bỉ!

Ông J. Joubert cũng nói ràng:
Chính sách vở làm ta sung sống nhất vả
chính người đổi làm ta đau khổ nhất!

Nay tôi lại xin hiện các Ngài một lầm
quang kiến - nhân trọng sự đọc sách là
nhà chính-trị Đức Karl Marx khi chưa
biết tiếng nước Nga có mỹ người ban
thần & Nga gửi về cho tiến sinh những
táp hồ-so của ban điều-tra về thời - cuộc
nuộc Nga.

Nhưng ngán nói lại viết bằng tiếng nước
Nga; mấy tập hồ-so ấy rất có giá-trị vi Nga-

Lại mới đây, một nhà văn trong Báo-giới có nói rằng:

Từ ngày ham đọc sách-vở báo-chí và ham viết văn thơ quen được cả những sự memento, tài-bản, ma-chước, ca-hát; có người cho là khô-dại, thời trao lời rằng:

Khôn nho cỡ bậc là khôn dại
Đại chốn văn-chương ấy dại khôn!

Lại nhà Thi-sĩ Tân-Dạ chỉ thích đọc sách ngâm thơ. Chữ chơi-boi của Tiên-sinh là «lạng-văn». Cách tiêu-khiển, hay cách «chơi» của tiên-sinh là cách «chơi bằng văn», tinh tinh ấy tiên-sinh dã thốt ra ở mấy văn thơ sau này:

Nửa đời chính dỗ tôi duồng chơi
Chơi muốn sao cho thật sống dỗi
Người dỗ ai muốn chơi như tôi
Chơi cứ bằng văn mãi chưa thì

Nay tôi lại xin mạn-phép các ngài, trích một đoạn văn trong cuốn «Muôn thành
công trên đường đời» của Trương-anh-Tụ, làm lở kết cấu chuyên hôm nay:


«Đã có tư-tƯ tượng thời tư-tƯ tượng ấy sẽ dân đến những tư-tƯ tượng khác cũng một loại; Những tư-tƯ tượng cao-siêu di tinh những cái cao-siêu, những tư-tƯ tượng xấu-xấu di tinh những cái xấu-xấu...»
PHE - BỊNH BẢI DIỄN - THUYẾT TRÊN

TÔI thừ tư 26 Novembre, ông Tư-Lâm Nguyễn-xuân-Nghi đã nói chuyện tại hội-quan hội Quảng-Tri về câu cách ngôn « Dân ông chờ kẻ Phan-Trần ».

Tuy gắp tiếc nửa gió mà hội-quan hội Quảng-Tri tôi hôm ấy chất cả chờ ngồi.


Trong khi nói chuyện, diễm-gia có muốn hai cơ đảo Bác ngầm nhưng câu thi hay trong truyện Phan-Trần, nên thính-gia trước khi ra về rất vui vẻ vô tay ngợi-khen ông Tư-Lâm.

T. A.
Quốc - Học - Thu - Xà
Đường in sắp xong

HỌC - THUYẾT
MẶC - TỬ

MỘT HỌC - THUYẾT MÀ
HÀN - PHI - TỬ ĐÃ KHEN
LÀ RỘ - RỆT NGÀNG
VỚI ĐẠO - HỌC NHÀ NHO

Ngoài những bản giấy thường, có in riêng một số sách đẹp trên giấy lệnh-chi thường-hàng và giấy vergé baroque crème dành riêng cho các bạn yêu sách đặt tiền mua trước khi sách phát hành.
SÁCH CỦA TỨ - LÂM NGUYỄN-
XUÂN-NGHI CHU'A XUẤT - BÀN

Diệu kể của Đề-Thám

Tặng cô Hoàng-thi-Thể (con gái út Đề-
Thám) mà tôi đã được hân-hạnh tiếp chuyện
cô nhiều lần ở Paris.

Vợ lẽ cô Đào
(kích)

Phòng số 13
(kích)

Tặng cô Kim-Phung và ông giáo Lê-ăn-
Loi để kỷ-niệm ngày cùng tôi diễn-kịch
với "gái tàn thọi" của ông Tứ-Sơn, tại
Khai-trí tiến-dúc, giúp quỹ hội Cựu-sinh-
viên trường Bảo-Hợ Hà-nội năm 1933.

Bước đường về sân
(truyện dài)

Tất mê con gái nhà quê thật-thả chất-
phác da bán cái xuân xanh cho một ông
Tứ cùng lang bằng ba hào chí và một
năm xôi ! Truyện rất cảm-dòng.
Một bài thi lục bát trích trong vở kích

"PHÒNG SỔ 13" vở kích này đã diễn tại hội Quang-Tri Huế, ngày 4-12-1941, do hội thể-thao của viên chức Nam-Triều tổ chức giúp Đồng-Dương Học xã ở Hà-nội.)

Anh yêu em Cúc xinh tươi.
Đôi môi đỏ thắm, tiếng cười đón tan !
Anh yêu em Cúc gon gàng,
Giằng đi yêu-d jeu mồ màng, liễu to !
Anh yêu em Cúc ngày thơ
Nhe-nhàng, hồn buông, tiền mồ phượng trời !
Anh yêu em Cúc tinh đồi
Trải tìm biệt ìe tăng người tri-ấm...

Diễn văn trích trong vở kích "MỘT CẢNH

GIA-DỊNH" Thuyết nói -

"Biết thường-thực được cái thú có dạo cùng phải "dớt" hết một cái nhà gạch ! Như trước kia tôi còn ở Khâm-Thiên với bà Bảy có chị Nguyệt là một cỏ dạo hát, được cả thanh lăn sắc, lại học-lực khá, cha có thể có hai quan-viên ông Tham Thúy và ông Luc Văn tranh nhau có bậc nghìn, chỉ vì một tôi bên khay thuc pérdida, ông nào cũng muốn có Nguyệt ngồi cảnh ; cõ Nguyệt trong trường-hợp khó-xử ẩy, ngâm một cão :
Ước gì Nguyệt sẽ làm hai
Nửa in dưới nước, nửa cái trên máy!

Hai câu này thật tình từ biết bao, vì nước tiếng chữ là «Thủy», máy tiếng chữ là «Vân» mà «Thủy» với «Vân» là tên ông Lúc và ông Tham...

Đoạn văn tích trong truyện dài «BUỘC
DUONG VE SAN»

Mặt trời mùa hạ đã gần xế bồng mà ánh nắng vàng chang chang nóng bồng. Không một ngọn gió, người và vật uể-oải. Cây tre, cây mit trong quanh bò ao devout phở một phần là bị nắng xém.

Con chó và năm cảnh dân ca chưa, thế lucrôi như khe nước, thịnh-thoảng vuron hai chân trước rồi lại năm yên không khúc nhích.

Chốt có tiếng.bat đưa xổ nhau trong độ, và tiếng đàn gà con kéo chip! chip! Và quay cơ lại, thấy chủ là cái Hến, con con gáy quế mởi tâm, đang cặp bên cạnh suôn một độ đây bát dĩa đế ra câu ao rứa; Và chạy lại gần phe-phẩy dưới.

Dân gà con thấy Hến mang đồ bất ra ao rứa cùng dua nhau chạy theo. Hến, vi chắc rằng thế nào cũng có mấy bất com thưa, com vãi.

Ra đến câu ao, Hến đặt đồ bất xuống, vét những hạt com còn bám trong lòng bất
trên đầu dừa và nhất là ở hai chiếc dừa că, vứt cho dân già tranh nhau, rồi ven đổi ống quan ngồi xöm trên cầu ao, lấy năm röm dũng xương nước, cỏ rừa tụng cái.bat, cái dĩa một.

Rừa xông, Hến xếp bất dừa gôn gàng trong đồ, bưng lên để ở dưới gốc cây sung rồi côi ao cảnh vật trên một nhành cây; đứt cái khẩn mặt bồng dơ treo ở dây thép, xông lại xưởng ao rừa mất, lau mình có rừa chân tay.

Đang lúc ấy, Hến nghe thấy có tiếng hát ở cống đưa vào; thì ra Khoai, một chàng trẻ tuổi cùng làng, vừa đi vừa hát và tiến lại gần chỗ Hến ngồi.

Chàng hát:

Trên trời có dầm may xanh
Ở giữa may trùng, xung quanh may vàng.
Uóc gì anh lấy được nắng...

Sây hò bán ngày tết cho năng rừa chân
Có rừa, thời rừa chân tay
Chớ rừa lòng may chêt cả ao anh!

Hến dội Khoai đến gần và hát rứt cầu mời hỏi:
— Sao rừa lòng may lại chêt được cả hạ anh?
Khoai vui-vẻ trả lời;
— Vi họ vi lòng may sắc như lửaôi dao... chú sao?

Khoai trả lời xong, lấy làm đặc-trí và tự cho mình là thông thái lắm! Còn Hến thời với-vàng lấy áo cánh mặc và bưng quân chưng xuống.

Hến thấy Khoai cầm một quyển sách ở tay, thời hỏi:
— Anh Khoai cầm quyển sách gì đây?

— Áy quyển lịch Tầu, tôi mang lại cho ông Lý mượn. Chăng biết ông Lý mượn lịch để làm gì?... Hãy lại xem ngày cho chị Hến về nhà chồng đấy!

Hến xuống Khoai và tươi cười đáp lại:
— Em thời ai lấy... Chú em mượn lịch để xem ngày nào nên phá bểp xây lại, vì thím em đau mắt, chửa mải không khỏi. Phản xước vừa rồi, chú em có xem bối, thấy bối bảo phải phá bểp xây quay mata về hướng tài thời mơi khỏi...

Khoai hỏi:
— Ông Lý có ở nhà không?
— Chú em có nhà đấy.
— Thời để tôi mang quyển lịch vào cho ông Lý mượn rồi lại ra nơi chuyện với chị.
— Phải đấy, gần tới rồi, tôi cũng phải vào thẳng đến đấy.
Hến sợ đô bắt lên cánh suôn, cùng Khoai đi vào phia nhà trong. Khi hai người đi đến gần cây rom thời Khoai đốt-nhiên năm lấy cánh tay Hến, làm Hến đặt mình, dùng sừng lại. Khoai âu-yếm nói tật một câu:
— Tôi mai đến phiền tôi phải ở điểm công làng; vậy tôi mai Hến ra đây nhé!...

Ai muốn xuất bản

những sách kể trên, xin viết thư cho soạn-giả
M. NGUYỄN-XUÂN-NGHI
kiến - trúc - sư
Tổng sự tại Bộ Công-Tác Huế
QUỐC-HỌC THU'-XÃ
Sắp in
BIÊN - CHÍNH
TIẾU TỬ - DIỄN
GIẢI - THÍCH RỖ NHỮNG
TƯ-NGỮ TƯƠNG-TỬ HAY
DỤNG LlàM LÀN VỚI NHau
NHU BÀNG-QUAN VỚI
BÀNG-QUANG, LÀN-BANG
VỚI LIÊN-BANG V. V. . .
(TƯ SÁCH HÀN - LÀM)

QUỐC - HỌC THU' XÃ
GIÁM - ĐỘC LÈ - VĂN - HỘE
16 — bis Tien-Tsin — HANOI
GIẢI THÍCH NHỮNG TỪ-NGỮ MỚI THUỘC CÁC MÓN HỌC MỚI NHƯ TRIỀU-HỌC, KINH-TẾ, CHÍNH-TRỊ, QUỐC-TẾ, QUẢN-SỰ, XÃ-HỘI, PHÁP-LUẬT, NGHỆ-THUẬT, v.v... CÓ CHUA CHỮ HÁNH VÀ CHỮ PHÁP.

MƯƠN HIỂU RỖ Ngehã nhũng từ-ngữ mớ ni nhu lánh-sử tài-phán, tri-ngoai pháp-quyền, pháp-nhân tư-cách, kinh-tế khủng-hoảng, Quốc-gia xã-hội chủ-nghĩa v.v. v.v... CẦN PHẢI TRA CỦU BỘ TỪ-DIỆN NÀY.

IN CÂU BỘ MỘT LỨC, È SÁCH DÀY QUẢ, KHÔ MUA, KHÔ BẢN, NÊN SẼ PHẤT-HÀNH ĐÀN TỪNG TẬP MÔNG KHÔ GIẤY 20 X 30 LIÊN-TIẾP ĐỂ TIỆN AI CŨNG CÓ THỂ MUA ĐƯỢC.
Hãy đọc
của KHÔNG - DƯƠNG

CỦU LÂY THANH - NIÊN

Một chương-trình cải-tạo và gây dựng thanh - niên Việt - Nam cần phải thực - hành ngay từ bây giờ.

________________________

NHÀ XUẤT - BẢN ĐỒNG - NAI
Thư - thư và tiền - bạc để cho:
M. TRƯƠNG VĂN HẢI
- 248, Lagrandière -
SAIGON

Boîte postale 220   Téléphone 20.453
QUỐC HỌC THU XÃ
Registre du Commerce de Hanoi n° 855
Giám - Đốc : LÊ - VÂN - HỌE
16 bis – Rue Tien-Tsin – HANOI

ĐÃ XUẤT BÀN

QUỐC-SỮ ĐỊNH NGOA 0$50
(Dươc hầu hết báo-chỉ Bông - Dương ngồi khen)

NGUỒI LỊCH-THIẾP (hết)

THI - NGHỆ 0.48

TRĂM HOA 0.60

TẦM NGUYỄN TỬ-DIỄN (hết)

THI-THÔAI (còn ít) 2.00
(dươc các báo Opinion, Tin Mới, T.B.C.N. ngồi khen)

LƯỢC KHẢO vể MỸ-THUẤT VIỆT-NAM 1.50

SẤP PHÁT HÀNH

ĐẠO SÔNG

Nghiên-cuu và phê-bình các chủ - nghĩa luận lý triệt-học Tây-phương như Aristippe, Epicure, Comte, Kant v. v... Đông-phương như Lão-Tử, Khống-Tử, Thích-Ca, Dương-Tử, Mạc-Tử v.v... để tìm lạy một dao sống chiết-trung.

Giấy thường giá 2p00
Giấy lệnh-chỉ và registre 4p00
SỄ XUẤT - BẢN
TƯ SÁCH « HÀN LÂM »
Triết-học Tứ-Biên.
Tân-Học thưất Tứ-Biên.
Biên-chinh tiêu Tứ-Biên.
Tấm-nguyên dài Tứ-Diễn.
Hán văn đồng-âm tự-diễn.
Hán-văn chinh tả tự-diễn.
Tần khoa-học Tứ-diễn.
Trung-nam Y-duọc dài tự-diễn v.v.
TƯ SÁCH « HỌC THUẬT »
Triết-học đại-cương. Siêu-hình-học.
TƯ SÁCH « QUỐC-HỌC »
Việt-Nam văn-pháp. Quốc-sứ khẩu truyền.
Phong-dao giải-thích. Nam-thi bính giảng
Khảo về văn biên-ngạn Đại-dổ-doccer Vũ-văn-Dũng v.v.
TƯ SÁCH « TIÊU KHIẾN »
Khuất Nguyên. Tố-Tân
Kính-Kha. Quản-Trọng.
Ngũ Tứ Tư. Pách-lý Hê.
Liệu trai chỉ đi. Thành thoại Hy lập.

Thu và ngăn-phiếu dề
M. LỄ-VĂN-HỘE
GIÁM-D difíc QUỐC-HỌC THỦ-XÃ
16 bis Rue TIẾN-TSIN Hanoi
SÁCH NÀY IN TẠI NHA IN THUY-KỲ 98 PHỐ HÀNG GAI HÀNỘI XÓNG NGÀY 31 JULIET 1942